

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên

佛學問答類編

Lão cư sĩ Lý Bình Nam giải đáp

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo bản in của Lý Bình Nam Lão Cư Sĩ Toàn Tập Biên Tập Ủy Viên Hội,
Đài Loan, 2007)

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Phần 1

Lời tựa cho bộ Tuyệt Lư Thuật Học Vững Cảo

Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, trong hai ngàn năm, các vị hiện thân cư sĩ dùng pháp môn Tịnh Độ để cứu vãn người đương thời, mà cũng khiến cho hậu thế được hưởng lây lợi ích, tôi cho rằng có ba vị là Vương Long Thư đời Tống, Châu An Sĩ và Bành Nhị Lâm đời Thanh. Nếu dựa theo truyện ký ghi chép thì xa là như Tông Thiệu Văn, Lưu Di Dân, gần thì như anh em Viên Trung Lang¹, cho đến gần đây thì như các vị Dương Nhân Sơn, Đinh Trọng Hựu², nào phải chỉ có trăm, ngàn người mà thôi! Nhưng họ chỉ tự tu, ít tiếp dẫn đại chúng, hoặc trước tác nhiều, ít giảng nói. Ngay như ba vị đại lão Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm đối với chuyện tự hành, hóa tha, khiến cho kẻ khác tin tưởng trong lúc ấy, lưu truyền đến mai sau, vẫn chưa thể hưng thịnh bằng ngài Lý Tuyệt Lư trong hiện thời, mà đối với chuyện dựng cao pháp tràng, tiếp nhận, dung nạp mọi căn cơ, họ cũng chẳng thể nào sánh bằng Ngài.

Ngài là người xứ Tế Nam, ở gần quê hương của thánh nhân (Khổng Tử), thường dự vào trường của Diễn Thánh Công³, học tập di giáo Châu, Khổng đã nhuần nhuyễn; nhưng lại riêng bỏ Nho theo Phật, học hỏi khắp các Tông, dốc lòng nơi Tịnh nghiệp. Do lánh nạn, tìm xuống phương Nam, ngừng chân ở Đài Trung. Thoạt đầu, thỉnh thoảng giảng diễn kinh Phật tại chùa, miếu, tịnh thất. Dần dần, tại thành phố Như Quy, kiến lập Đài Trung Liên Xã, sáng lập Bồ Đề Thụ Tạp Chí Xã, tạo lập Từ Quang Đồ Thư Quán, thành lập Bảo Hộ Động Vật Hội (hội bảo vệ động vật), lập ký nhi viện Từ Quang, viện mồ côi Từ Quang, bệnh viện Bồ Đề, về sau trở thành Bồ Đề Cứu Tế Viện. Khắp Đài

Loan, cho đến tận các nơi như Hương Cảng, Úc, Nam Dương, không ai chẳng biết đến thầy Lý.

Đối với mỗi cơ sở từ thiện, Ngài đều tận tụy hoạch định, lo liệu, tiến hành, cho đến khi đã đạt quy mô hoàn chỉnh bèn giao cho người khác chủ trì, coi như chính mình chẳng can dự gì, chỉ chú trọng giảng kinh, thuyết pháp. Do thính chúng nghề nghiệp bất đồng, căn cơ sai khác, cụ chia các khóa giảng thành nhiều nơi, mỗi nơi đều có thời gian biểu cố định. Ngài qua lại các nơi ấy, dẫu mưa, gió, lạnh, nóng, vẫn chẳng sót giờ dạy nào. Lờ Ngài dạy dung hợp Tánh, Tướng, hướng dẫn về An Dưỡng. Người theo học đông đảo, vượt quá hạn định; các vị môn đệ lỗi lạc cũng chia nhau dành thời giờ diễn giảng các nơi hòng ban pháp thí rộng rãi khiến kẻ lần chuỗi, đếm hơi thở, ngưỡng vọng nơi đạo. Lại thêm, Bồ Đề Thọ Tập Chí Xã đặc biệt mở mục vấn đáp. Dẫu người ta hỏi những thứ vật vãnh, vụn vặt, Ngài vẫn khéo léo giải đáp cặn kẽ, cốt sao cởi gỡ mối nghi. Lại thương xót những người học trong thời gần đây, mê man nơi học thuyết Duy Vật sai lầm, nên đặc biệt mở những khóa hội thảo tại Đài Trung dành cho sinh viên các đại học và trường chuyên khoa trong kỳ nghỉ hè, nghỉ đông, bao luôn ăn ở, nhằm giảng giải Phật pháp. Phàm những người đến học, không ai chẳng giống như được Đề Hồ rưới đảnh, hồi hận trước kia đã có cái nhìn hẹp hòi. Ngài lại tinh thông y lý, định kỳ chẩn bệnh, chữa trị, những kẻ được sống sót, bình phục không thể tính xiết. Đây chỉ là kể riêng một chuyện so với những chuyện khác mà thôi.

Tín chúng nhiều người xin được quy, Ngài nại có là kẻ bạch y (cư sĩ tại gia), chẳng truyền Tam Quy, Ngũ Giới, giới thiệu họ tới các bậc danh đức, viết thư giới gắm. Ngài lại hai lần lễ thỉnh phương trượng chùa Thiên Ninh là Hòa Thượng thượng Chứng hạ Liên mở giới đàn. Trong lần thứ hai, người quy y thọ giới hơn một ngàn người; do vậy, [lần truyền giới ấy] được gọi là Thiên Nhân Giới Hội, tôi cũng may mắn được dự vào số ấy. Ngài ban lợi ích cho tôi, há chẳng phải là nhiều lắm ư?

Chỉ kể ngẫu nhiên một điều trong những điều trên đây đã đủ chứng tỏ Ngài là bậc thừa nguyện tái lai, nhưng Ngài một thân trọn đủ [các điều ấy], mãi cho đến nay suốt mười tám năm, trong mười tám năm ấy, chẳng có giờ nào, khắc nào, Ngài chẳng dốc trọn lòng hoàng pháp lợi sanh, ngay cả miếng ăn, giấc ngủ cũng chẳng được thông dong. Hễ có khách hỏi đến, đều nghe Ngài trả lời: “Bận lắm”. Người đời bận bịu với quan tước, lợi lộc, vợ con, đất đai, nhà cửa, ăn uống, vui chơi, nhưng Ngài chẳng màng tới [những thứ ấy]. Ngài gọi thân

trong một gian nhà hẹp lép, chẳng có quyền thuộc châu hầu, một bữa cơm chay giữa Ngọ mỗi ngày, cật vào các đệ tử thay nhau cúng dường, dầu khổ hạnh Đầu Đà cũng không hơn được nổi! Ngài kêu bận bịu, có phải là vì tam giới chưa rộng không, chúng sanh lắm khổ, nên mới thành ra như thế đó chẳng?

Phàm những gì Ngài đã làm, dầu ba vị đại lão Long Thư, An Sĩ, Nhị Lâm cũng chưa thể bén gót, nói gì đến những kẻ khác! Ấy là vì trau sửa chính mình, hoặc do hạnh thù thắng, độ người kiêm tu phước báo. Sự nghiệp của Ngài xa thăm, huy hoàng, cũng do Ngài sẵn có thể lực để đảm đương. Tới nay đã tám mươi, vẫn đứng ngồi nhanh nhẹn, chân bước nhẹ nhàng, thoăn thoắt, nhìn xa cứ ngỡ người khoảng năm mươi, ắt là người được trời trao cho trách nhiệm to lớn, há có phải ngẫu nhiên đâu!

Ngày mồng Bảy tháng Chạp Âm Lịch năm nay, Ngài thọ đúng tám mươi, các đệ tử cao túc như các cư sĩ Khánh Quang Châu Bang Đạo, Thận Độc Hứa Tô Thành, Thời Anh Châu Phi, Từ Tỉnh Dân, Châu Gia Lâm, Giang Tú Anh đề xướng thu thập toàn bộ những trước thuật từ trước đến giờ của Ngài, bao gồm Phật học, y học, văn học v.v... soạn thành bộ Tuyệt Lư Thuật Học Vựng Cảo, ấn hành lưu thông trong cõi đời. Khánh Quang đảm nhiệm chức vụ Thứ Trưởng xử lý thường vụ của bộ Khảo Tuyển⁴, kiêm nhiệm công tác biên tập phần viết về tôn giáo trong bộ Trung Hoa Đại Điển của Trung Hoa Học Thuật Viện, đã chọn lựa kỹ càng những tác phẩm chuyên viết về Phật học và thi văn trong bộ sách ấy, soạn thành Tuyệt Lư Xiển Phật Vựng Cảo để đưa vào Trung Hoa Đại Điển nhằm chúc thầy trường thọ. Ngài đã thấu hiểu đạo, quán Không, há còn quan tâm danh vọng ngoài thân? Chỉ vì hai bộ sách ấy, lớn thì hồng dương kinh điển, bảo vệ đạo pháp, nhỏ thì giáo hóa dân, tạo thành nề nếp, và những từ ngữ ghi chép, tường thuật những tình hình tao ngộ, lênh dênh thật là thú vị! Từ đây, sách được khắc in dài lâu⁵, khiến cả trăm năm sau, kẻ nghe đến không ai chẳng dấy lòng náo nức, khiến cho tấm lòng cứu thế của Ngài há chẳng được thỏa thích đôi chút!

Tôi chưa thể đọc trọn văn chương của Ngài, nhưng đã trộm thấy được đôi chút đầu mối, lại sống cùng quê, lại từng được lạm dự giảng tòa; do vậy, đem những điều nghe biết về sự lập thân hành đạo của Ngài ghi lại đại khái. Chỉ có người như thế ấy mới có văn như thế này, mai sau vạn cuốn sách sẽ có vạn người đọc, đã có nhiều người như thế, há còn phải biện định lời tôi đáng tin nữa chẳng?

Ngày lành tháng Mười Một năm Trung Hoa Dân Quốc 57, tức năm Mậu Thân (1968).

Đại biểu Quốc Dân Đại Hội, mãn phần Ưu Bà Tắc Niệm Sanh Thái Vận Chân, pháp danh Khoan Vận kính đề.

---o0o---

Lời tựa cho bộ Phật Học Vấn Đáp Loại Biên Tục Biên thứ hai

Phật học là giác học, giác cái tâm của chúng sanh. Phàm là tâm bất giác, bèn có vọng chấp, chấp sẽ gây chướng. Hễ chướng thì hết thấy mù mịt, dấy lên phiền não vô cùng. Điều quan trọng nhất là sanh nhằm thời diệt pháp, vũ trụ biến thiên, hỏi đến nguyên nhân vì sao, chẳng thể hiểu được! Kẻ hiểu học ắt sẽ suy tưởng nguyên do, nhưng nghĩ mãi chẳng ra, tìm hỏi bậc hữu đạo mới hòng biết được. Phàm phu Hoặc nghiệp hiem có kẻ nghĩ phải hỏi han, nhìn thấy khí thể gian hữu tình, vô thường lưu chuyển, vội cho là chuyện đương nhiên. Như Lai gọi những kẻ ấy là “hạng đáng thương”, cần phải được giác ngộ bằng giác học. Giác học dễ nói với người đã giác, chẳng dễ nói với kẻ bất giác; nhưng kẻ đã giác thì chẳng cần phải nói, chỉ có kẻ bất giác mới cần! Kẻ bất giác chẳng biết họ cần; có nói, họ cũng chẳng thể tiến nhập. Do vậy, nói với kẻ bất giác, không chỉ khó nói, mà còn khó khăn ở chỗ phải dùng nhiều phương cách tiếp dẫn, ngõ hầu họ nhận biết họ cần phải hỏi han. Nghiệp sư Tuyết Lư ở Đông Lô⁶, hoàng hóa tại Đài Trung gần như suốt cả một đời. Cụ giảng kinh suốt năm để tiếp độ đại chúng rộng khắp, lập ra khóa bồi dưỡng vào tiết Hè và tiết Đông dành cho sinh viên đại chuyên. Lại dùng giảng học, trước thuật để tiếp dẫn rộng rãi. Dùng lễ nhạc tiếp độ kẻ học Nho, dùng thơ tiếp độ kẻ phong nhã, dùng Kỳ Hoàng⁷ tiếp độ kẻ học y, dùng lịch sử tiếp độ kẻ học rộng. Lại còn kiến lập các sự nghiệp phước thiện nhằm tiếp độ nhân quần bệnh khổ. Do vậy, chúng sanh đông đảo biết đến đạo cần thiết, đua nhau đến xin nghe dưới tòa giảng kinh. Nghe rồi suy nghĩ thấy có những chỗ không hiểu lắm, hoặc do ở chốn xa xôi chẳng thể nghe được, đều dùng thư từ để cầu xin tháo gỡ mối nghi, thầy mỗi mỗi đều giải đáp. Câu hỏi nhiều, lời đáp trọng yếu, hoặc là có kẻ ngoại đạo có ý chất vấn, bắt bẻ, thầy ứng theo căn cơ để trả lời. Hoặc chiết phục, hoặc nhiếp thọ, đều xuất phát từ bi tâm, cho nên câu hỏi

tuy tà, mà lời đáp là chánh, đều có đủ công năng phá mê khai ngộ⁸. Bài vấn đáp được đăng tải liên tục trên các tờ Giác Quân, Giác Sanh cho đến Bồ Đề Thụ. Về sau, do nhu cầu của người học càng lớn, bèn biên tập thành sách từ Sơ Biên, Nhị Biên, cho đến Tục Biên, lưu thông trong ngoài nước. Kẻ nghi vấn chưa quyết, đọc đến sẽ lập tức giải trừ mọi nghi. Kẻ phát tâm khuyến hóa nhưng còn sợ khó khăn, đọc đến cũng cảm thấy thông suốt. Kẻ sơ cơ lẫn người học đạo đã lâu, tự hành, hóa tha, ai nấy đều có sở đắc. Tục Biên được ra đời nhằm chúc thọ thầy nhân dịp tám mươi, đến nay đã bảy năm hơn, những bài văn [vấn đáp] tiếp theo sau lại chùng chát, người đọc vẫn có nhu cầu như trước. Các bạn trong nhóm Minh Luân thưa với thầy, quyết định biên tập lần nữa để nhà xuất bản Thanh Liên ấn hành, lúc sắp lên khuôn, sai Dân viết lời tựa. Dân cũng là người đất Lỗ, nghe một chẳng thể hiểu hai, chẳng thể nhận định cao sâu hơn được, chỉ đành viết những gì đã thấy. Pháp thế gian do thầy nói chính là Phật pháp, nói pháp phổ thông chính là pháp đặc biệt. Vì thế, lễ, nhạc, thi, thư, giảng nói, giống như giữa trăm dòng sông tranh nhau chảy xiết, trong mỗi dòng thầy dẫn một chiếc thuyền to, chẳng quản quanh, chẳng cấm lại, lướt thẳng vào biển giác của Như Lai. Bộ sách này như hơi ẩm trên sông, trên biển, kéo mây, tuôn mưa, ứng theo nhu cầu của vạn vật mà tưới đẫm trọn khắp, chẳng giống, chẳng khác sông biển. Vì thế, những nghĩa trọng yếu của Ngũ Minh⁹ đều được bao hàm trong đây, nhưng [người đọc] chẳng thấy sâu xa, huyền áo khó nhập, trở thành giống như chuyện đương nhiên. Than ôi! Phật pháp không người nói, đâu có trí chẳng thể hiểu. Nếu nói mà vẫn chưa hiểu thì là vì chưa thể giáo hóa một cách quyền biến. Nếu có thể vận dụng cách giáo hóa quyền biến để nói, chưa hề có kẻ chẳng hiểu. Nguyện người học thâm nhập kinh tạng, tự giác, giác tha, đọc một điều này bèn biết những điều còn lại, chưa ai chẳng thể như nguyện.

Trung Hoa Dân Quốc, năm Ất Mão (1975), Hà Nguyệt Trung Hoàn thọ nghiệp đệ tử Lô Giang Từ Tỉnh Dân kính đề

---o0o---

Lời Tựa cho bộ Phật Học Loại Biên

Đức Thích Ca tùy cơ diễn giáo, thuyết pháp bốn mươi chín năm, Tam Tạng chia thành mười hai phần, lý thú¹⁰ của Kinh Tạng không gì to lớn chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng được thâu tóm, pháp ắt trọn đủ. Đoái nhìn tứ chúng sơ cơ, thường cảm thấy biển giáo mênh mông, sâu thẳm, ngược nhìn biển cả thở dài; do vậy, đành bó gối chẳng thể tiến lên. Từ thuở đề xướng lối văn Bạch Thoại, tuổi thanh niên bắt đầu nghiên cứu kinh luận, mới có thể gắng gượng. Trong một khoa, thuật ngữ như rừng, đầu từ điển giảng giải cặn kẽ, cũng chẳng dễ đạt được lợi ích nơi pháp. Nạp tạng¹¹ thuở trước ở Phù Dung Sơn Tự tại Cửu Long, được cư sĩ Châu Phi tặng cho hai bộ Phật Học Vấn Đáp của cư sĩ Lý Bình Nam, nội dung những lời vấn đáp trong ấy, gõ nhẹ kêu nhỏ, gõ mạnh kêu to¹², như đại y vương ứng theo căn bệnh ban thuốc, không gì chẳng khế cơ, khế lý, phù hợp khít khao. Nạp tạng đặt sách ấy trong núi, du khách phần nhiều thích xem, chưa đầy tháng đã không biết ở chỗ nào, đủ thấy những người cùng ưa thích bộ sách ấy rất đông. Nay Châu cư sĩ gom góp, biên tập những lời đáp của cụ Lý trước sau hơn ngàn bài, phân loại, biên soạn thành tổng tập, sai nạp tạng viết lời tựa. Lành thay! Lành thay! Mỗi câu đáp của cụ Lý, lời lẽ giản dị, ý bao trùm, chữ nghĩa không nhiều, ý nghĩa trọn đủ. Những lời ứng phó, luận định, biện bác, có lúc nghiêm ngặt như quân lệnh của Trình Bất Thức, có lúc nhanh nhạy như Lý Quảng cười yên, tháo dây tua đeo ấn¹³, nhưng chưa hề bị bắt bí! Do vậy, biết thuở trước cụ đã học rất sâu, Tánh Tướng kiêm thông, nên mới thừa sức trả lời thoải mái như thế, đúng là bè báu độ sanh, cầu bến nơi biển giác vậy. Viết vội đôi dòng tùy hỷ để làm lời tựa.

Ngày mồng Ba tháng Giêng năm Ất Mùi (1979)

Sa-môn Dung Hy chùa Đại Giác, Singapore, kính cẩn đề tựa.

---o0o--- *Lời tựa cho bộ Phật Học Vấn Đáp*

Loại Biên

(đây là một trong hai lời tựa do người biên tập đã viết cho tập sách nhỏ Phật Học Vấn Đáp khi đang chủ trương tạp chí Giác Sanh trước kia)

Tiên sinh Lý Tuyết Lư ở Tế Nam, Quốc Học uyên bác, thông hiểu nội điển sâu xa, phát vô thượng nguyện hoằng pháp lợi sanh. Từ thuở đến Doanh Kiệu¹⁴, đi khắp nơi giảng kinh, đước trí chói ngời, lưỡi sen màu nhiệm rạng

rõ. Vì thế, kẻ sơ cơ cùng người học đạo đã lâu, chen nhau theo về, phong khí đại khai, người tin tưởng do vậy ngày càng đông đảo. Cụ lại nhân lúc thanh nhàn, giải đáp những nghi nan cho người khác. Nếu lời lẽ vẫn chưa đủ, bèn dùng thêm văn tự [để chỉ bày]. Một lần nói chưa đủ, thì chẳng nề hà giảng đôi ba lượt. Giống như gõ chuông, gõ nhẹ ắt chuông ngân nhỏ, gõ mạnh ắt chuông ngân to. Trong nhà ngoài ngõ, lăm phen khéo léo khuyên dụ, vô úy bố thí tột bậc. Thật đáng gọi là “*hiện thân cư sĩ, hành hạnh Bồ Tát đạo*” vậy!

Các đề tài vấn đáp từ nguyệt san Giác Quan cho đến nguyệt san Giác Sanh, mỗi kỳ đều có chuyên mục đăng tải. Lời văn giản ước, nghĩa lý viên dung, thuận đạo, khế cơ, khai Quyền, hiển Thật, dùng các thí dụ gần gũi, thường trích dẫn rộng rãi kinh Phật, khiến cho [người đọc] đâu đâu cũng gặp nguồn, Nho lẫn Thích đều thông hiểu lẽ uyên áo. Dứt tà thuyết, uốn nắn những lời lẽ lệch lạc, hòng gìn giữ đạo của bậc thánh thừa trước, tuyên lưu pháp âm, diễn Chân Đế, nhằm hoằng dương tông phong liên xã. Nêu một điều hòng biết được mọi điều, đoạn nghi khởi tín, hiểu tâm chẳng ở đâu xa, người đọc có nhiên có thể tự lãnh hội!

Chủ biên tờ Giác Sanh là cư sĩ Châu Thời Anh đã tập hợp các đề tài vấn đáp từ số báo thứ mười trở về trước, biên soạn thành Phật Học Vấn Đáp Sơ Tập. Nay lại tập hợp những đề tài vấn đáp từ số báo mười hai cho đến số hai mươi ba, biên soạn thành tập thứ hai. Đính ngọc thù gấm, phong phú ngoạn mục, phương tiện khá nhiều, công đức chẳng cạn, vâng mệnh viết lời tựa, quên bằng bản thân cố chấp, thô lậu, vui vẻ viết lại những điều hiểu biết hẹp hòi nơi đây, chắc tiên sinh Tuyết Lư chẳng cười những lời lẽ sơ sót vì bị văn tự chướng đó ư?

Ngày mùng Chín tháng Bảy năm Dân Quốc 41 (1952), Châu Bang Đạo kính cẩn viết lời tựa

---o0o--- *Ngọn*

đền trí huệ

(thay cho lời ghi sau khi hoàn thành công tác biên tập)

Trưởng giả Tuyết Công tuổi hạc đã bảy mươi tư, do bốn mươi năm tu trì, thâm nhập, lại thêm tâm huyệt trong mười năm hội tụ thành Văn Tự Bát Nhã,

[các môn đệ] tập hợp những câu hỏi đã nêu ra về đạo Phật và Nho, trao cho tôi làm công tác biên tập, đèn huệ thấp cao, nhưng vì tôi là kẻ tình chấp nặng nề, nghiệp chướng sâu thẳm dường ấy, lại có thể nương theo phước huệ to lớn như thế, trong lòng buồn vui chen lẫn!

Nhớ hai năm trước, vì câu chứng một vấn đề trong sự tu học, tôi đã xem trọn toàn bộ phần vấn đáp đăng tải trong nhiều năm qua trên tờ Bồ Đề Thụ, đem đối chiếu [với vấn đề mình đang thắc mắc, những lời vấn đáp của cụ] khiến cho tôi ngay lập tức là kẻ đang đi trong đêm đen đột nhiên như bước vào một thế giới sáng ngời, rạng rỡ.

Tôi làm công tác biên soạn cuốn sách này, giờ đây [bản thảo] trên chiếu tatami¹⁵ trong Bồ Đề Tinh xá của lão hữu Thời Anh, suốt ngày trước mắt toàn là những chữ bằng mực đen nhảy múa trên nền giấy trắng, mỗi một chữ chiếu rọi mắt tôi, khác nào luồng ánh sáng trí huệ rạng ngời. Tôi phải nói như vậy, vì tôi cảm nhận sâu xa, một vị hành nhân Phật học nếu thiếu khuyết công phu tu trì, trọn chẳng thể đạt được trí huệ như thế (điều này chẳng giống như kẻ thông minh trong thế tục). Nếu không có trí huệ, chỉ dùng văn tự để soạn thành tác phẩm sẽ chẳng có ánh sáng như thế. Thiếu trí huệ thì nơi hành vi, tâm sẽ không có cách nào chuyển cảnh.

Tôi vừa biên soạn, vừa suy lường, chọn lựa, lấy ra ba câu cụ Lý trả lời cư sĩ Lô Vĩnh Dự để làm chứng tu trì và trí huệ phải sóng đôi với nhau như thế nào. Nhờ đó, chúng ta có thể thấy được công phu và cảnh giới của cụ Tuyết Lư ra sao?

Ông Lô hỏi: Xin hỏi thầy, niệm Phật mà chấp tướng quá lộ sẽ có những khuyết điểm gì?

Đáp: Quá lộ là toàn phần. Chấp tướng quá lộ thì toàn tướng chính là tánh!

Ông Lô hỏi: Đối với y báo và chánh báo trang nghiêm trong cõi Cực Lạc và tướng hảo, quang minh của Phật Di Đà, tôi ngày đêm niệm niệm chẳng quên, có phải là chấp tướng quá lộ hay chăng?

Đáp: Có thể nói là “toàn sự, toàn tướng”.

Ông Lô hỏi: Thiên từ vô tướng để vào, Tịnh từ hữu tướng mà vào, chỉ cần có thể vào, chẳng cần biết là vô tướng hay hữu tướng, đúng chẳng? Nhưng chúng sanh đời Mạt Pháp vọng tưởng, chấp trước quá sâu, bước đầu đều phải chọn cách hữu tướng để vào. Đối với cách tham thoại đầu của nhà Thiên, cư

sĩ Phương Luân ví như lấy độc trị độc, cũng có thể nói là từ hữu tướng mà vào, điều này có nghĩa là như thế nào?

Đáp: Cách nhìn ấy cũng là siêu việt.

Điều được hỏi trong ba câu hỏi ấy chính là “bệnh xứ”, người hiện thời học Phật đối với chuyện dụng công, phần nhiều hoang mang chẳng thể “nhập tướng”, cụ Lý điểm chỉ như thế, còn gì tinh xác, hay đẹp hơn!

Những lời vấn đáp như thế, đọc đến như uống quỳnh tương, tương ứng khít khao, mắt chẳng thấy xiết, tôi tin kẻ có duyên đọc đến những câu ấy đều là người có phước!

Tôi biên tập bộ sách này, tuân theo trình tự của luận lý học, tiến hành chỉnh lý theo phương cách tổng hợp và quy nạp, khiến cho mỗi một đề mục có thể tạo thành một tiểu loại riêng, khiến cho kết cấu nội dung có mối liên quan hỗ tương [giữa các đề mục vấn đáp] ngõ hầu những bằng hữu có duyên đọc tới như tôi đều được thấm đẫm pháp vị.

Đọc xong cuốn sách trong mười ngày đêm, xem hai ngàn sáu trăm sáu mươi ba lần hỏi đáp, người hỏi là một ngàn một trăm ba mươi ba người, khoảng bốn mươi bốn vạn tám ngàn năm trăm chữ.

Trong đó, những câu hỏi liên quan đến Tịnh Tông chiếm đến năm trăm hai mươi chín câu, người hỏi là hai trăm ba mươi lăm vị, chiếm đến tám vạn sáu ngàn chữ, gần như tất cả những câu hỏi về niệ Phật đều được bao gồm. Đồng thời tôi cũng nên nêu ra một vấn đề, riêng cư sĩ Hồ Chánh Lâm đã hỏi bảy mươi sáu câu, câu nào cũng hỏi về chuyện bên lẽ của đường lối Phật Thích Ca, tôi cảm thấy người này thừa hỏi với một tâm lý kiêu ngạo!

Mười ngày qua, toàn bộ tinh thần và tư tưởng của tôi vẫy vùng trong biển pháp, toàn bộ tâm linh tôi sáng bừng ngọn đèn trí huệ, ngọn đèn ấy chẳng chỉ chiếu sáng riêng tôi, mà còn chiếu rạng ngời người khác.

Gần đây tôi đọc một tác phẩm văn học rạng ngời khá đầy đủ tư tưởng Phật học của nữ sĩ Hoa Nghiêm là cuốn Ngọn Đèn Trí Huệ, tác phẩm ấy sinh động, đẹp đẽ, khiến cho người đọc cảm động, nhất là cảm nhận đời người là một chuyến lữ hành gieo neo, tối tăm, điều thiếu sót chánh yếu là một ngọn đèn trí huệ, nay chúng ta được đọc sách văn tự Thiên của cụ Tuyết Lư, chúng ta càng được gội đẫm ân Phật.

Ngày Hai Mươi Chín tháng Giêng năm Dân Quốc 51 (1962), Trần Huệ Kiêm viết ở Bồ Đề Tinh Xá tại Đài Trung.

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên

佛學問答類編 Phần 1

I. Thông Vấn (những câu hỏi tổng quát)

* Hỏi: Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, đại sự là những sự nào? (*Dư Bình hỏi*)

Đáp: Đại sự là sanh tử. Xin hãy suy nghĩ kỹ, trong nhân gian còn có chuyện nào lớn hơn điều này nữa ư? Chỉ có mình đức Phật có thể liễu sự này, cho nên Ngài ứng thế để giải quyết chuyện này cho chúng sanh.

* Hỏi: Đời người rốt cuộc là sống vì điều gì? Phật giáo nói như thế nào? (*Thí Vô Úy hỏi*)

Đáp: Điều này gọi là nhân sinh quan, quan điểm mỗi người khác nhau. Phật pháp bảo là do nghiệp lực thiện ác dẫn dắt. Mỗi lần đến lãnh quả báo thì người ngộ sẽ nhờ vào đấy mà tìm cầu giải thoát, kẻ mê lại tạo ương họa mới, lại phải chịu quả báo về sau.

* Hỏi: Trên cõi đời, chân lý trong vũ trụ có phải là một hay không? Ai (tôn giáo nào) là chân lý duy nhất? (*Hoàng Thánh Hống hỏi*)

Đáp: Vấn đề này khá mơ hồ. Vũ trụ to lớn, sự vật nhiều, phải nói từ nơi nào? Ở đây, có thể nói: Mỗi sự vật đều có một chân lý. Nếu quy nạp thì có một chân lý chung, đó là “*vạn pháp quy nhất*”. “*Vạn pháp quy nhất*” là Nhất Chân pháp giới, nhưng nó chẳng giống với vạn vật. Vạn vật sanh diệt vô thường, Nhất Chân pháp giới như như bất động, nên gọi là Chân. Tôn giáo nào ngộ được lý này, sẽ có căn cơ, đó là chân lý tôn giáo.

* Hỏi: Phật và thánh nhân có gì khác biệt? (*Lý Trung Tâm hỏi*)

Đáp: Thánh nhân có nhiều loại khác nhau, có hai loại lớn là thế gian và xuất thế gian. Từ hai loại này, lại chia thành bao nhiêu loại nữa. Đối với thánh nhân thế gian, chỉ lấy Trung Quốc để luận thì Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, Khổng Tử, Bá Di, Liễu Hạ Huệ¹⁶ v.v... đều là thánh nhân. Thánh nhân xuất thế gian thì từ Thập Địa Bồ Tát trở xuống Duyên Giác, Thanh Văn v.v... đều là thánh nhân. Phật khác cả hai loại này, tức là những gì mà hai loại thánh nhân trên đây biết, có thể làm, Phật đều biết, đều có thể làm; nhưng những điều Phật biết và có thể làm, có những điều mà hai loại thánh nhân trên đây chẳng biết, chẳng làm được!

* Hỏi: Phật giáo cứu thế có nhân quyền độc lập xuất thế, vì sao xen vào chuyện thiện ác thế gian, [phán định] cái này đúng, cái kia sai? (*Trần Văn Vân hỏi*)

Đáp: Phật pháp trong thế gian, chẳng lìa thế gian giác. Chẳng nói tới phiền não, làm sao hiển lộ Bồ Đề?

* Hỏi: Trước Phật, cúng dường các thứ như hương, hoa, trà, bánh, trái cây, có ý nghĩa gì? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Ở đây có Sự và Lý khác biệt. Sự là nương theo các phẩm vật cúng dường thường dùng trong lễ nghi thế tục nhằm biểu thị lòng thành kính mà thôi. Về Lý thì do trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là tối thắng; vì thế, dùng phẩm vật để thay thế pháp. Hương biểu thị tinh tấn, nến biểu thị trí huệ, hoa biểu thị nhẫn nhục, nước trà biểu thị bố thí, bánh và trái cây biểu thị Thiên Định. Lại còn một loại [vật phẩm cúng dường] là đồ hương (hương bôi), Hiền Giáo phần nhiều không dùng tới, nhưng đồ hương¹⁷ vẫn thuộc về ý nghĩa trì giới. Hợp những nghĩa này lại thì các phẩm vật cúng dường [biểu thị] Lục Ba La Mật.

* Hỏi: Có người nói Phật giáo chẳng đốt giấy vàng bạc, chỉ dùng trái cây, hương, hoa, nến, trà, cúng dường Phật, Bồ Tát nhằm ý nghĩa gì?

(Vương Kế hỏi)

Đáp: Giấy tiền vàng bạc đều là vật để ban cho quỷ thần, cho nên vô ích đối với Phật. Cúng Phật cũng chẳng qua nhằm biểu lộ lòng thành kính của ta, há Phật thật sự hưởng thụ? Nhưng đức Phật từ bi cấm giết, chế định ăn chay; cho nên cúng Phật cũng chỉ dùng các loại như trà, quả v.v...

* Hỏi: Có người hỏi, nhà Phật cúng Phật dùng trái cây, hương, hoa, nến, trà là do ý nghĩa gì, xin thầy khai thị minh bạch. *(A Đào hỏi)*

Đáp: Vật cúng vốn có nhiều thứ, nói chung tuân theo nguyên tắc “chẳng giết hại sanh mạng loài vật”. Nếu nói chi tiết, những vật dùng để cúng dường cũng nhằm thể hiện nghĩa lý. Nay nói về ý nghĩa của những thứ vừa được nêu lên [trong câu hỏi] thì trái cây là thực vật nhằm biểu thị Thiên Định, hương biểu thị tinh tấn, hoa biểu thị nhẫn nhục, nến biểu thị trí huệ, trà là nước, biểu thị bố thí.

* Hỏi: Trước ngực mỗi tượng Phật, đều có chạm một chữ Vạn to hay nhỏ, chẳng biết vì nguyên do như thế nào? *(Tạ Trí Viễn hỏi)*

Đáp: Thân Phật có ba mươi hai thụ tướng, chẳng giống như người tầm thường. Chữ ấy cũng là một trong các thụ tướng.

* Hỏi: Người xuất gia thuộc thế hệ đầu tiên ở Trung Quốc là pháp sư nào? *(Thích Tâm Xuyên hỏi)*

Đáp: Phật giáo bắt đầu truyền vào Trung Hoa, còn chưa thể nói chắc chắn là trong đời Châu, Tần, Hán hay Ngụy, làm sao có thể nói người xuất gia đầu tiên ở đất Hán [là ai]. Nếu thừa nhận [Phật giáo] bắt đầu [truyền vào Trung Hoa] kể từ thời Hán Minh Đế, nếu dựa Hán Pháp Bản Nội Truyện¹⁸ đã ghi đại lược: “*Khi ấy, quan Tư Không¹⁹ là Lưu Tuân Đức và đạo sĩ Lữ Huệ Thông*

v.v... gồm một ngàn người, thỉnh cầu xuất gia, vua đều chấp nhận” thì có thể nói là những vị như ông Lưu là người xuất gia đầu tiên. Lại dựa theo bộ Cao Tăng Truyện đời Lương và cuốn Tam Bảo Ký của Phí Trường Phòng đã nói: Vào đời Tào Ngụy, trong niên hiệu Cam Lộ của Cao Quý Hương Công²⁰, Châu Sĩ Hành người xứ Dĩnh Xuyên là người xuất gia đầu tiên ở đất Hán. Thời đại xa vời, mờ mịt, chuyện xưa khó thể có chứng cứ đích xác. [Dĩ nhiên sử liệu] chẳng phải chỉ có như thế, trong lúc chưa phát hiện những thuyết khác, tạm chấp nhận hai thuyết này để làm tài liệu tham khảo cũng được, nhưng cũng chớ nên chấp chặt phải là như vậy.

* HỎI: Phải trọn đủ mấy điều kiện thì mới là Tăng Bảo? (*Trần Tâm Nguyên hỏi*)

ĐÁP: Hiến thân cứu độ chúng sanh, trước hết là bỏ lìa quyền thuộc, điền sản, vào chùa cầu tỳ-kheo xuống tóc, đó gọi là xuất gia. (Nói thông thường) lại phải thọ các giới từ Sa Di cho đến Tỳ-kheo Cụ Túc, mới gọi là Tăng Bảo. Nhà Phật chế định giới luật như thế. Phàm những ai biết đôi chút về giới luật, không ai chẳng biết [như vậy].

* HỎI: Vì sao tại gia cư sĩ chẳng thể thâm nhận đệ tử quy y? (*Trần Tâm Nguyên hỏi*)

ĐÁP: Tăng có nghĩa là Chúng, nhằm chỉ đoàn thể của hết thầy các vị tỳ-kheo. Quy y Tăng, thật ra là quy y đoàn thể tỳ-kheo. Người tại gia bất quá là Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ mà thôi, trọn chẳng phải là tỳ-kheo, không có tư cách dự vào Tăng đoàn, sao có thể tiếm phận, trao truyền quy y xứng bậc được?

* HỎI: Chẳng biết người tin Phật có thể tin tưởng sâu xa vào vận mạng do những thầy tướng số, bói toán đã phán đoán hay không? (*Thiện Nhân hỏi*)

ĐÁP: Mạng do tâm tạo, bọn thầy bói há có thể chi phối tâm ta ư? Chuyện Sa Di cứu kiến được tăng tuổi thọ là tấm gương thuở trước [đấy thôi].

* Hỏi: Làm việc thiện, gieo nhân lành, tương lai có thể đắc thiện quả, đó là đạo lý nhất định, nhưng vì sao niệm kinh, niệm chú là gieo phước, [điều này] khiến cho kẻ khác cảm thấy hơi khó hiểu? (*Hoàng Quan Trung hỏi*)

Đáp: Đã tin gieo thiện nhân đắc phước quả, thì nên biết gieo ác nhân đắc khổ quả. Xin hãy suy xét cẩn thận, chúng sanh hằng ngày gây tạo: Thân giết, trộm, dâm lấm phen, miệng nói dối, ác khẩu, nói đôi chiều, nói thêu dệt lấm nổi, những việc thiện thật sự ít ỏi, hiếm hoi! Xét đến cái gốc của những tạo tác thì chỉ là do Ý. Hễ ý thiện thì thân và miệng thể hiện điều lành, ý ác ắt thân miệng thể hiện điều ác. Tụng kinh chú của Phật, ý ác chẳng sanh; thời gian chẳng nảy sanh ác chính là thời gian gieo phước vậy!

* Hỏi: Đức Phật nói con người suốt ngày vùng vẫy, thoi thóp trong biển khổ sóng sâu, nhưng vì lẽ gì lại nói thân người khó được? (*Hoàng Quan Trung hỏi*)

Đáp: Thân người sâu khổ, có thể khơi gợi phát khởi các tâm nhằm lìa, xuất ly. Tuy khổ, nhưng chưa đến nỗi cùng cực, vì còn có cơ hội tu hành đúng pháp. Nếu là chư thiên, ắt hưởng lạc quên lo lắng [cho thân sau], Tu La sân hận chẳng cởi gỡ được, súc sanh ngu si, ngạ quỷ đói khát, địa ngục chịu khổ chẳng gián đoạn, đều chẳng có duyên giải thoát. Do vậy, nhân gian đáng quý.

* Hỏi: Nghe nói Quán Âm Bồ Tát thành Phật đã lâu, danh hiệu của vị Phật ấy là gì? (*Châu Huệ Tiên hỏi*)

Đáp: Theo Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh, Ngài có hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai; đó là chuyện trong quá khứ vô lượng kiếp, sao có thể nói [đích xác] năm tháng nào!

* Hỏi: Vô số Hằng hà sa côi Phật có phải là tam thiên đại thiên thế giới hay không? (*Thái Thế Phương hỏi*)

Đáp: Tam thiên đại thiên là con số có thể tính ra được, Hằng hà sa là con số khó thể tính toán.

* Hỏi: Lục Độ của Đại Thừa và Ngũ Giới Thập Thiện trong Tiểu Thừa có chỗ nào khác nhau? *(Thái Thế Phương hỏi)*

Đáp: Ngũ Giới, Thập Thiện phần nhiều mang ý nghĩa tự tu, Lục Độ phần nhiều mang ý nghĩa lợi ích người khác, đây là chỗ khác nhau.

* Hỏi: Đi đường gặp xuất gia Tăng Bảo, chẳng biết có thể đánh lễ ngay trên đường, hay nên làm như thế nào? *(Trần Lâm Châu hỏi)*

Đáp: Cư sĩ gặp Tăng Bảo, đứng ra nên đánh lễ, nhưng ở ngoài đường sá, có thể phương tiện là chấp tay, xá chào là được rồi. Đường sá là nơi xe ngựa qua lại, nếu rạp mình đánh lễ sẽ gây trở ngại giao thông!

* Hỏi: Nếu mới gặp bậc đại đức lần đầu, hướng về vị ấy đánh lễ, vì sao trong tâm cảm nhận buồn thương, như gặp lại người chí thân xa cách đã lâu, hai mắt toan ứa lệ, là nhân duyên như thế nào? *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Đây chính là tâm chí thành khẩn thiết, thân cận, cung kính tột bậc, nên biểu hiện ra như thế!

* Hỏi: Vì sao bậc hòa thượng trọn đủ thần thông chỉ thấy trong sách vở, hiện thời có những trường hợp thật sự như vậy hay chăng? Ở Đài Loan có hay chăng? *(Trương Cung hỏi)*

Đáp: Thật sự có bậc thần thông, nhưng họ đều giữ kín, chẳng nói ra. Phàm những kẻ tự mình khoe khoang đều là hạng vô đạo! Như vậy thì người thật sự hữu đạo, người khác làm sao biết được?

* Hỏi: Sách Quán Âm Đắc Đạo là tiêu thuyết dễ đọc về Phật giáo trong dân gian, xin hỏi những sự từng trải trong quá trình đắc đạo [của Quán Thế Âm Bồ Tát] như đã kể trong sách ấy có chính xác hay không? (*Hương Viễn hỏi*)

Đáp: Bịa đặt, đồn thổi! Chỉ là những kẻ nhàn tản lúc chiều tà, bên sườn đồi, dưới cội cây, hướng về những ông già bà cả trong làng kể chuyện cười mà thôi!

* Hỏi: Kinh Phật rất nhiều, khó thể đọc trọn, xin chọn lựa tên gọi của mấy bộ kinh Phật vừa có chú giải, vừa có chỗ bán, và xin thầy chỉ dạy thứ tự xem đọc trước sau! (*Trâm Chung Ngũ hỏi*)

Đáp: Để trả lời câu hỏi này; trước hết, tôi kính dâng một lời: Khi mới cầu học, chỉ nên chiếu theo cách làm của người tu trước, tạm thời chớ nên mong mỏi suy xét, [phê phán] điều này đúng, điều kia sai! Đối với thứ tự nghiên cứu, chẳng ngại từ đơn giản cho đến phức tạp! Bắt đầu bằng Bát Đại Nhân Giác Kinh, tiếp đó nghiên cứu Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Phật Di Giáo Kinh, Phạm Võng Kinh, đây là những kinh dạy về kiến thức thông thường cần phải có! Tịnh Độ Tam Kinh thuộc về Hạnh môn cầu đắc Định. Bách Pháp Minh Môn Luận, Bát Thức Quy Củ Tụng, Tam Thập Duy Thức Tụng, Kim Cang Kinh, Bát Nhã Tâm Kinh, Vĩnh Gia Thiên Tông Cập Chứng Đạo Ca, những kinh luận này để học về Tánh và Tướng, chủ yếu là huệ giải. Đại Thừa Khởi Tín Luận, luận này dung hội Tánh và Tướng, có thể điều hòa những thiên chấp. Sau khi trải qua giai đoạn này rồi mới nghiên cứu những bộ kinh sách lớn, sẽ tương đối dễ ngộ nhập hơn. Chắc là những tiệt lưu thông kinh sách Phật giáo ở Đài Loan đều có những sách kể trên.

* Hỏi: Phật giáo lấy hư tịch làm Tông, chẳng đến, chẳng đi, lại chẳng tin vào thuyết luân hồi, nhưng vì Phật giáo chưa phá hoại thuyết luân hồi của Bà La Môn Giáo Ấn Độ, đối với “cái chưa phá hoại” ấy, có phải là Phật giáo cũng thuận tình mê tín hay chẳng? (*Trương Hồng Thanh hỏi*)

Đáp: Khi chúng sanh chưa tỉnh giấc mộng lớn, bèn có luân hồi. Hiện tượng này rành rành, chẳng phải là mê tín. Chuyện này chẳng thể nói là đồng ý với

Bà La Môn. Ví như người Hoa có miệng đê ăn, người ngoại quốc cũng có miệng đê ăn. Thậm chí các loài động vật đều có miệng đê ăn; đó là vấn đề hiện thực. Chẳng thể nói ai đồng ý với ai, còn như “chẳng đến, chẳng đi” là nói về Pháp Thân, có chút khác biệt với “vô minh thức thân”.

* Hỏi: Nhân quả luân hồi và thế giới Cực Lạc được nói trong Phật giáo có phải là chỉ nhằm khiến cho người ta dễ tin vào chuyện “chánh tâm, dưỡng tánh” mà thôi, hay là thật sự có chuyện ấy? (*Trương Xuân Huyền hỏi*)

Đáp: Người mới học làm sao có thể hiểu rõ tâm tánh, càng nói cặn kẽ, họ càng chẳng hiểu. Nếu như tinh tấn chẳng lười, sau năm sáu năm, lại nhắc đến vấn đề này, cũng chẳng phải là trễ. Những điều ông hỏi như nhân quả, luân hồi, Cực Lạc v.v... đều chân thật, chẳng dối, đừng nghi rồi hiểu sai lầm, mờ mờ mịt mịt chuốc lấy ương họa!

* Hỏi: Tôi đang bị bệnh phổi, tiên sinh có phương thuốc thần diệu nào để chữa trị hay chẳng? Kính mong Ngài vốn giữ tâm niệm từ bi sẽ bảo cho biết (*Trương Xuân Huyền hỏi*)

Đáp: Bệnh phổi có nhiều loại, há có thể chấp cứng một toa thuốc rồi bộp chộp dùng một toa thuốc ấy để trị khắp các chứng bệnh phổi? Cũng giống như chúng sanh Hoặc nghiệp khác nhau, nên [đức Phật] mới xét căn cơ mà nói tám vạn bốn ngàn pháp.

* Hỏi: Nhãn Minh Kinh có phải do đức Phật nói hay không? Chỉ tụng kinh ấy sẽ khiến cho con người được sáng mắt, hiệu nghiệm phi thường, có thể cứu lành bệnh mắt vốn chẳng chữa trị được. Nếu kinh ấy chẳng do đức Phật nói thì có thể dùng để cứu người được chẳng? (*Lại Trần Cát hỏi*)

Đáp: Nhãn Minh Kinh được thế tục truyền tụng trọn chẳng phải do đức Phật nói. Kinh ấy bất quá thuộc về thuật thôi miên; tuy có thể chữa bệnh, nhưng cũng chẳng có gì lạ lùng, chớ nên tập theo. Phải biết vạn pháp duy tâm, linh thiêng là do lòng Thành. Nếu muốn sáng mắt, có thể tụng Nhãn Minh Kinh của nhà Phật. Kinh nào vậy? Chính là bốn câu “*thanh tịnh vô cấu quang, huệ*

nhật phá chư ám, năng phục tai phong hỏa, phổ minh chiếu thế gian” (quang minh thanh tịnh, vô cầu, mặt trời trí huệ phá các tối tăm, có thể trừ tai nạn, gió, lửa, chiếu sáng khắp thế gian) [trong phẩm Phổ Môn], lại còn niệm thánh hiệu Quán Âm, hai mắt sẽ sáng ngời.

* HỎI: Kẻ hầu đồng chẳng có bao nhiêu chữ nghĩa, nhưng khi ngồi đồng có thể làm thơ, có thể vẽ vờ, sau khi ra khỏi đàn bèn chẳng biết gì nữa, là do nguyên nhân nào? (*Dương Từ Hy hỏi*)

ĐÁP: Chắc là có quý hay hồ ly thông thạo chữ nghĩa dựa vào mà thôi, những chuyện quái đản ấy người tu đạo nên tránh xa!

* HỎI: Có người hỏi: Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, có bậc A La Hán có thể hiện các thứ thần thông. Hiện thời có A La Hán hay chẳng? Nếu đã chứng Tứ Quả A La Hán thì sau khi lâm chung, thần thức sẽ đi về đâu? (*Diệu Canh hỏi*)

ĐÁP: Bọn phàm phu chúng ta chẳng nhận biết bậc thánh, chẳng dám nói đòi hiện tại có [A La Hán] hay không! Nếu đã viên chứng Tứ Quả, tức là đã đoạn Phần Đoạn sanh tử, sẽ mặc sức tự tại, chẳng thể nói thần thức đến nơi nào được!

* HỎI: Đối với lời thưa hỏi đăng trên tạp chí Bồ Đề Thụ số ba mươi, trong lời khai thị thứ năm đã dạy: “*Chẳng nghe chuyện Tăng Sâm nghe tiếng giết lợn v.v...*”, xin hãy khai thị rõ ràng hơn. (*Lý Vĩnh Mậu hỏi*)

ĐÁP: Tăng Sâm²¹ thuở nhỏ nhà nghèo, nghe hàng xóm giết lợn, hỏi mẹ. Mẹ nói đùa: “Họ giết cho con ăn thịt đấy”. Nói xong, mẹ rất hối hận, rút cuộc bán quần áo, đồ đạc để đổi lấy thịt cho con ăn, hòng giữ trọn chữ tín.

* HỎI: Ma Vương có thể xua các loài quỷ mị tới nhiều loạn Chánh Pháp. Trước khi thành đạo, đức Phật ngồi trên tòa Kim Cang, Ma Vương cũng từng uy hiếp, đem lợi lạc dụ dỗ hòng phá hoại; Ma Vương có vượt ra ngoài

nghiệp báo hay chẳng? Nếu không, lẽ ra phải đọa địa ngục ngay trong thân ấy! Nếu nói ma vốn tượng trưng cho vô minh và tình dục nơi tự tánh, nên nói “*đạo cao một thước, ma cao một trượng*”, đích xác là có một vật đối lập ư? Pháp Thân trọn hết thấy, theo nghĩa ấy, có phải ma cũng chính là Phật hay chẳng? (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Ma đã nhiều loạn Chánh Pháp, tức là khởi Hoặc, tạo nghiệp, báo hết, cái nhân chín muồi, hẳn sẽ tự chịu báo! Đức Thế Tôn bị ma quấy nhiễu, đây chính là một trong tám tướng thành đạo, thiện xảo thuyết pháp, chẳng phải là thật. Ma biểu thị vô minh, nói như vậy cũng chẳng sai, bởi lẽ, vạn pháp duy tâm, khi giác là Phật, lúc mê bèn là ma.

* Hỏi: A Tu La ở giữa loài người và súc sanh thì là vật gì vậy? (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Có phước, thiếu đức, đó là một loại chúng sanh tương tự như trời, tương tự như thần.

* Hỏi: Tôi đọc bài Tâm Đắc Do Đọc Học Thuyết Của Vương Dương Minh của cụ Mạc Chánh, bậc đại nho nổi tiếng một thuở là Vương Dương Minh rốt cuộc đã lén trộm lấy Phật pháp để khoe tài vật. Hơn nữa, học nhân cũng quen biết ông X... nghiên cứu Phật pháp rất sâu, nhưng lại theo đạo Cơ Đốc, nhưng thật ra chẳng phải là theo đạo Cơ Đốc thật sự, chỉ là gheo đời, chẳng cung kính. Đối với những người như vậy, nên nhận định họ do nghe pháp sẽ cảm ứng quả báo thặng, đọa như thế nào? (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Ông X... nghiên cứu chưa chắc đã rất sâu. Người thật sự hiểu sâu xa, ắt sẽ khởi lòng tin, đâu đến nổi quy y ngoại đạo! Nếu chẳng chân thật thì chẳng đáng gọi là Phật tử thật sự. Người như thế trọn chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp, thứ gì cũng chẳng đạt được, những thứ khác chẳng cần phải rườm rà bàn định nữa!

* Hỏi: Trí Giả đại sư hiện thân phàm phu, có sao biết Ngài là Phật

Thích Ca hóa thân? *(Hà Vĩnh Đình hỏi)*

Đáp: Do Ngài đức hạnh lẫn học vấn đều cao, nên đề cao Ngài như vậy.

* Hỏi: Nghe nói người tin kinh Kim Cang, muốn đọc tụng thì nhất định phải ăn chay. Nếu là kẻ chẳng ăn chay, chẳng thể đọc tụng. Lời ấy có thật hay không? *(Trang Khánh Hiền hỏi)*

Đáp: Tụng kinh quý ở chỗ tam nghiệp thanh tịnh. Không ăn chay vẫn tụng kinh được, nhưng nếu thiếu lòng thành kính thì hiệu quả rất bé!

* Hỏi: Trong Phật học, giải thích Mộng như thế nào? Mộng cảnh có báo trước cát, hung, họa, phước, hoặc điều gì khác hay không? *(Hoàng Hòè Đình hỏi)*

Đáp: Mộng thuộc về huyễn cảnh của tâm thức hay nghiệp, cho nên cũng có lúc tương ứng với cát và hung.

* Hỏi: Hiện thời các bà cụ được gọi là “hâm mộ hội Long Hoa” thường tụng niệm những kinh như Khổ Cứu Kinh, Thái Dương Kinh, Thái Âm Kinh, Diệu Sa Kinh, Nhân Quang Kinh, Thọ Sanh Kinh v.v..., những kinh ấy do Phật nói, hay là kinh của ngoại đạo? Kính xin lão cư sĩ chỉ rõ! *(Lý Vinh Đường hỏi)*

Đáp: Những kinh ấy đều do kẻ hiểu sự, vô tri làm càn, bịa đặt, giả danh. Những bà cụ thất học, thiếu hiểu biết dễ đi vào ngõ rẽ, chẳng có chi là lạ!

* Hỏi: Tướng Mạng Học có liên quan với Phật học hay không? Hay là một thứ bí pháp khác hẳn? *(Trang Khánh Hiền hỏi)*

Đáp: Nhà Phật gọi chuyện theo đuổi công việc xem tướng, đoán lành dữ để sống là tà mạng. Tứ chúng đệ tử, đều chẳng nên làm, bởi sẽ dính dáng vào đường mê, trái nghịch chánh giác.

* Hỏi: Tín đồ Phật giáo trước khi ăn chấp tay cung kính, nên quán tưởng như thế nào? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Tận hư không đều là Tam Bảo, khắp pháp giới vô lượng chúng sanh. Quán như thế, cúng dường như thế.

* Hỏi: Chỉ tụng kinh, không hiểu ý nghĩa trong ấy thì có lợi ích hay không? (*Tiêu Kim Vinh hỏi*)

Đáp: Tụng kinh và nghiên cứu kinh đều có lợi ích. Nghiên cứu kinh có thể khai trí huệ, tụng kinh có thể đắc Định.

* Hỏi: Thân con kiến bé như thế, nhưng bốn tánh của nó có giống hệt như chúng sanh trong chín pháp giới, hay là có giảm thiểu? (*Vương Huệ Hương hỏi*)

Đáp: Một vốc nước và một ao nước có cùng tánh ướt, trọn chẳng sai khác. Chỉ có nước trong một vốc và một ao là khác biệt về số lượng mà thôi!

* Hỏi: Có thể lập thân xử thế viên mãn trên mọi phương diện là do thông minh hay do trí huệ? (*Dương Tố Nguyệt hỏi*)

Đáp: Nói theo pháp thế gian thì chẳng khác biệt gì, nói miễn cưỡng thì trí huệ giống như Thể, thông minh giống như Dụng mà thôi.

* Hỏi: Hiểu rõ nhân quả, chẳng có vọng tưởng nào có thể sanh, chẳng có phiền não có thể khởi, có phải là chứng trí huệ hay không? (*Dương Tố Nguyệt hỏi*)

Đáp: Nói theo pháp xuất thế gian, có thể nói là tác dụng của trí huệ.

* Hỏi: Giới hạn giữa thông minh và trí huệ là như thế nào? (*Dương Tố Nguyệt hỏi*)

Đáp: Trước là xét theo pháp thế gian thì hai chữ ấy (thông minh và trí huệ) thường dùng lẫn lộn, chẳng phân biệt, sau là nói theo pháp xuất thế gian thì hai chữ ấy cũng thường được dùng chẳng phân biệt! Nếu phải xét đến giới hạn thì quý vị có thể nghe, có thể nhận biết không lầm, bèn gọi là Thông; mắt thấy có thể nhận biết không sai chạy bèn gọi là Minh. Thông đạt chuyện hữu vi, có thể quyết đoán thì gọi là Trí; thông đạt lý Không vô vi, an nhĩn nơi pháp thì gọi là Huệ.

* Hỏi: Làm thế nào để ngộ duyên sanh pháp (pháp sanh bởi các duyên)? (*Lâm Thánh Côn hỏi*)

Đáp: Hiểu rõ giáo tướng, hoặc là hành hạnh Bát Nhã, sẽ ngộ!

* Hỏi: Vì sao chấp trước là khổ? (*Dương Thiên Nguyên hỏi*)

Đáp: Chấp trước là cảnh mê hoặc, chướng ngại; viên dung là cảnh trí chiếu giải thoát. Đây là vấn đề học hỏi và công phu, hàng sơ cơ chẳng thể hiểu rõ. Nếu tưởng lầm, sẽ thành ma cảnh. Khi hàng sơ chưa hiểu rõ giáo tướng, chỉ nên y giáo phụng hành, chớ nên lạm dự đàm huyền thuyết diệu!

* Hỏi: Đức Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, chân lý trong ấy là một hay là hai? (*Trí Dân hỏi*)

Đáp: Ở đây, lấy cái thân của một cá nhân để nói thì phía trên là đầu, đầu lại chia ra mắt, tai, mũi, miệng v.v... Phần giữa gọi là thân, thân lại chia thành vú, eo, lưng v.v.... Bốn phần ngoài thân gọi là tứ chi, tứ chi lại phân thành tay, chân, ngón tay, lòng bàn tay v.v... Ở bên trong gọi là Tạng, Tạng lại chia thành tim, gan, lá lách, phổi v.v... Thử hỏi đấy là một nghĩa hay là nhiều nghĩa? Chân lý Phật pháp nơi tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng giống như vậy.

* Hỏi: Kinh dạy: “Chẳng sanh diệt”. Pháp nào bất sanh, pháp nào bất diệt?
(*Tiêu Thiệu Hình hỏi*)

Đáp: Chỉ có Chân Như.

* Hỏi: Đối với Ngũ Nhãn của Như Lai thì nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn là như thế nào? (*Tiêu Thiệu Hình hỏi*)

Đáp: Nhục nhãn dễ bị ngăn ngại sẽ chẳng thể thấy. Thiên nhãn xa, gần, sáng, tối đều không trở ngại. Hai loại mắt này được dùng trong hiện thực. Huệ nhãn có thể quán lý Chân Không. Pháp nhãn có thể thấu hiểu duyên do của giả tướng. Hai loại mắt này là dùng trí để nhận biết. Phật nhãn thì có thể dùng đơn độc hay dùng lẫn với các loại mắt khác, không gì chẳng thể.

* Hỏi: Kiến Hoặc dễ đoạn, Tư Hoặc khó đoạn, trừ phát tâm hổ thẹn ra, còn có cách nào khiến cho Tư Hoặc dễ đoạn trừ hay chẳng? (*Cổ Canh Đồng hỏi*)

Đáp: Tư Hoặc là tham, sân, si, mạn, nghi. Tu Tứ Đế, quán mười hai nhân duyên, hành Lục Độ, đều có thể đoạn [Tư Hoặc]. Người tham Thiền đoạn ngay hai thứ Hoặc này. Người tu Tịnh cũng đoạn hai thứ Hoặc này. Nhưng tham Thiền ắt phải đoạn Hoặc thì mới có thành tựu; người tu Tịnh dẫu chẳng đoạn, vẫn có thể đời nghiệp vãng sanh!

* Hỏi: Đâu Suất Thiên chẳng ra ngoài tam giới, ắt chẳng tránh khỏi thành, trụ, hoại, không, [cõi trời ấy] có phải là rốt ráo hay không? (*Cao Thiêm Đình hỏi*)

Đáp: Đã có thành, trụ, hoại, không thì là pháp vô thường. Rốt ráo là Thường Tịch Quang bất sanh bất diệt.

* Hỏi: Hiện nay, Phật Thích Ca có đang thuyết pháp hay không? Ở nơi đâu?
(*Quách Gia Ninh hỏi*)

Đáp: Tận hư không trọn pháp giới, thuyết pháp khắp nơi. Pháp Thân thuyết pháp thì bậc trí biết. Nếu là Báo Thân và Ứng Thân thuyết pháp thì người hữu duyên sẽ gặp.

* Hỏi: Lúc mới đản sanh, Thích Ca Phật nói: *“Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”*, chữ Ngã trong ấy chỉ Phật Tánh, hay nói đến cái Ta thông tục? *(Quách Gia Ninh hỏi)*

Đáp: Tôi nghĩ cách nói thứ nhất là viên dung. Bất quá, chữ Ngã thốt từ miệng đức Thế Tôn thì hiểu theo cả hai cách đều được, chẳng cần khởi lên phân biệt.

* Hỏi: Chúng sanh đều có Phật Tánh, Tánh có tùy thuộc hình trạng mà lớn hoặc nhỏ hay chẳng? Nếu là không, nên hình dung như thế nào? *(Lý Học Thi hỏi)*

Đáp: Ngài²² có ý niệm hay chẳng? Nếu không có ý niệm, có sao ở trong nhà, nhắm mắt suy tư, cao thì có thể biết mặt trời, mặt trăng, tinh tú trên trời; xa thì có thể biết được núi, sông bên Đại Lục. Nếu có ý niệm thì ý niệm có hình trạng lớn, nhỏ, vuông, tròn ra sao, xin rộng lòng chỉ giáo. Phật Tánh là Thể của niệm, niệm là tác dụng của Phật Tánh sau khi mê. Dụng còn chưa thể nói được thì Thể càng phải tự tham cứu!

* Hỏi: Đã là pháp pháp bình đẳng, có sao Phổ Hiền Bồ Tát nói: *“Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là tối thắng”*? *(Dương Đức Vinh hỏi)*

Đáp: Pháp pháp bình đẳng là nói theo Lý; pháp cúng dường tối thắng là nói theo mặt Sự.

* Hỏi: Chân tâm sanh ra vạn pháp, nên chân tâm là Thượng Đế trong Phật giáo, pháp sư Đạo An bảo nói như vậy chẳng đúng, rốt cuộc là như thế nào? *(Dương Đức Vinh hỏi)*

Đáp: Đối với hai câu *“tâm sanh ra vạn pháp”* và *“tâm là Thượng Đế trong Phật giáo”*, không biết câu bị pháp sư Đạo An quở trách là câu trên hay câu

dưới, lời lẽ và ý nghĩa đều chẳng rõ ràng, không dám đáp bừa. Nhưng luận định về câu thứ hai, dường như cư sĩ thừa nhận “có thể sanh” là Thượng Đế thì chỉ riêng cách nhìn như vậy đã đáng ăn một trăm gậy của pháp sư rồi!

* HỎI: Do Trung Đạo Luận nói “*phi thiện, phi ác, phi không, phi hữu*”; thiên đường há chẳng phải là địa ngục. Nếu vậy, còn tu gì nữa?
(*Trương Cung hỏi*)

ĐÁP: Thiện là thiện, ác là ác, không là không, có là có, thiên đường là thiên đường, địa ngục là địa ngục, sự tương phân minh, sao có thể nói ba chữ “há chẳng phải”, nói như vậy tức là điên đảo rồi! Phải biết chữ Phi trong “thiện, ác, không, hữu” chẳng thể hiểu là “há chẳng phải”! Cảnh giới phàm phu suy nghĩ không ra ngoài hai đường thiện ác, nhìn chẳng thể vượt ngoài hai bên Có và Không, quả báo chẳng ngoài hai thái cực Thiên Đường và Địa Ngục. Thử hỏi: Suy nghĩ chẳng thuộc thiện, ác, nhìn chẳng vướng vào Có và Không, quả báo chẳng ở trong cõi trời, địa ngục, sáu đường, đó là cảnh giới gì? Đây là diệu nghĩa của chữ Phi, đừng hiểu lầm!

* HỎI: Chẳng nương theo thầy, chẳng thọ giới, nếu ngày nào đó đốn ngộ, có thể thành Phật hay chẳng? (*Trương Cung hỏi*)

ĐÁP: Có bậc Độc Giác là như vậy, nhưng giác ngộ trong đời này cũng do nhiều đời tu hành mà ra; hiện tại, trong vạn vạn người, khó gặp được một người. Phật thì cũng có Tạng Đầu và Viên Mãn²³ khác biệt. Ngộ có đến mấy loại khác biệt, hết sức phức tạp!

* HỎI: Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh giảng về Hạ Phẩm Hạ Sanh có câu: “*Ngũ Nghịch, Thập Ác*”. Ngũ Nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu, nhưng chư Phật, A La Hán là Pháp Thân, đao, búa chẳng thể tổn thương, làm sao phàm phu có thể giết được! Điều này khó thể hiểu rõ ràng! (*Lý Vinh Đường hỏi*)

ĐÁP: Phật có các thân Pháp, Báo, Ứng Hóa. Hai thân Pháp và Báo phàm phu chẳng thể trông thấy, huống là gây tổn hại. Ứng Thân như thân đức Thích

Ca Thế Tôn thuở Ngài tại thế, Hóa Thân như tượng gỗ khắc, đất nặn, đồng đúc, vẽ trên giấy v.v.... thì đều có thể [tôn hại].

* HỎI: Viên Mai²⁴ đời Thanh nói: Kinh Lăng Nghiêm áng chừng là do người đời Lục Triều²⁵ nguỵ tạo, “*Tây Vực chẳng hề có kinh ấy*” (coi trong thư gửi Trình Miên Trang trong phần Xích Độc (thư từ) của bộ Tiểu Thương Sơn Phòng). Làm thế nào để bác bỏ thuyết của họ Viên? (*Trầm Chung Ngũ hỏi*)

ĐÁP: Viên Tử Tài chỉ là một nhà văn học mà thôi! Đối với Phật học và khảo cứu (khảo sát, đưa ra chứng cứ) đều là kẻ lơ mơ, lời ông ta nói chẳng đáng bận tâm. Nhưng biện định kinh ấy là chân hay nguỵ, trong Phật môn đã có lắm người, đến nay vẫn tranh cãi chẳng ngớt, há có nên coi thường bệnh tật trong tạng phủ để chuyên hỏi đến những thứ ghê chốc [ngoài da] ư?

* HỎI: Tôi cảm nhận một đời này chỉ là một đoạn nhân duyên nhỏ trong đại sanh mạng vô thi vô chung mà thôi. Lúc có thân này, vốn chẳng thể coi là sống, mà lúc thân này diệt, cũng không thể coi là chết. Đúng hay không? (*Huyền Âm hỏi*)

ĐÁP: Đúng như vậy; đúng như thế. Thiền sư Nga Đầu thị tịch đã nói kệ: “*Tịch bốn bất sanh, kim diệt bất diệt. Vân tán trường không, bích thiên hạo nguyệt*” (Xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt. Mây tan giữa lòng, trăng ngời trời biếc) chính là ý này! Nhưng một đoạn tiểu nhân duyên này quả thật có thánh phàm khác biệt! Nơi bậc thánh là tùy duyên ứng hiện; nơi phàm nhân thì do nghiệp lực lôi dẫn. Một đặng là tự tại, một đặng là trói buộc. Bọn phàm phu chúng ta hãy nên tận hết sức thoát khỏi trói buộc, cầu được tự tại. Chớ nên mơ màng, mờ mịt, khur khur phô trương những lời lẽ khoáng đạt.

* HỎI: Anh tôi là Trí Huyền (hiện đang ở Đại Lục), dốc chí siêng năng niệm Phật, hằng ngày chẳng lìa thánh hiệu Di Đà, xem đọc nguyệt san Phật học, chợt nghe tin dữ Ấn Quang đại sư đã quy Tây, suốt ngày khóc lóc, buồn bỏ Di Đà, khóc ngâm rằng: “*Thống hám sư chung văn giáo văn, nguyệt san độc bãi lệ chiêm khâm*” (tiếc nuối nghe tin thầy mất trẻ, nguyệt san thôi đọc,

áo lệ đằm). Người niệm Phật đối với chuyện người đã mất cũng khóc lóc, chẳng thể thấy thấu suốt, có ý nghĩa như thế nào vậy? (*Trác Trung Chấn hỏi*)

Đáp: Chúng sanh thức chưa chuyển, tình chưa hết, nghe cha, mẹ, sư trưởng qua đời, mà chẳng đau lòng, nhức óc, chắc chắn là hạng đại gian ác. Thử hỏi đã thấy thấu suốt chuyện này, nhưng ngũ dục, lục trần đã thấy thấu suốt hay chưa? Có còn tham nhiễm hay không?

* Hỏi: Nghe tiếng chuông trống, niệm Phật trong tự viện, dấy lòng ngưỡng mộ, khôn ngăn lệ trào, toan tìm hãm lòng xót xa, nhưng đăm ra càng thêm sốt mướt, có phải là nghiệp chướng sâu rộng hay chăng? (*Ông Đức Hòa hỏi*)

Đáp: Ngưỡng mộ cùng cực sẽ sanh lòng yêu kính, yêu kính tột bậc sẽ sanh luyến mộ. Luyến mộ cùng cực ắt sanh lòng cảm kích, cảm kích đến mức không biết làm sao, nước mắt từ trong bầu trời chân tánh sẽ trào ra. Đó là lòng chân thành mộ đạo của kẻ sơ học, chẳng phải là nghiệp chướng!

* Ngài Tân Đầu Lô Phả La Đọa vì hiện thân thông lấy bát nên bị đức Phật quả trách chẳng cho nhập diệt²⁶, lưu thân lại cho người đời sau cúng dường, nhưng chưa nghe nói ai trông thấy thân thể Ngài, có phải Ngài thuộc về Vô Sắc Giới? (*Lâu Vĩnh Dự hỏi*)

Đáp: Ân mình nơi vắng vẻ, sâu thẳm, làm sao con người thấy được? Bậc ẩn sĩ thời cổ, người đời còn chưa biết họ mất lúc nào. Hiểu rõ lẽ này, chẳng cần phải lăm chuyện truy xét là hữu sắc hay vô sắc!

* Hỏi: Nếu phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn, có sao còn chia trí, ngu, ngộ, mê sai khác? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Hàng sơ cơ chẳng dễ gì liễu giải câu hỏi này. Giảng càng tường tận, người nghe càng thấm thía. Trước hết, chỉ lấy hai món Lý và Hạnh để giải thích. Khi mê bỗng tánh, bèn là phiền não, bèn có sanh tử. Khi ngộ bỗng tánh tức là Bồ Đề, bèn đắc Niết Bàn; nhưng mê hay ngộ đều cùng một tánh, cho

nên nói: “*Phiền não sanh tử chính là Bồ Đề Niết Bàn*”. Nếu dùng biển làm tỷ dụ, lúc tĩnh gọi là nước, khi động gọi là sóng; nhưng động và tĩnh chẳng phải hai vật; đây là nói theo Lý. Nếu hiểu tánh là một, mà phân ra mê ngộ, vật là một mà chia ra động và tĩnh, lẽ nào còn nghi? “Tức” là nói theo Lý Thể, “phân” là nói theo sự tướng. Hơn nữa, kẻ chưa phát đại tâm thấy sanh tử như oan gia, mê đắm cảnh vui Niết Bàn. Người đã phát đại tâm, vì độ vô lượng chúng sanh, mà chẳng ham Niết Bàn, cam tâm vào sanh tử, thấy các phiền não đều là Bồ Đề. Vì thế nói Tức, đây là nói theo Hạnh vậy!

* Hỏi: Thế giới Sa Bà thành, trụ, hoại, không ba lượt bèn gọi là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trước hoặc sau tam kiếp ấy, có thể nói là “thế giới này là chẳng có” hay chẳng? Như thế thì vô lượng vô biên kiếp có phải là nói về thế giới phương khác hay vẫn ở trong thế giới này? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Bốn danh xưng Trung Kiếp Thành, Trụ, Hoại, Không chẳng hạn cuộc trong Sa Bà. Ba A-tăng-kỳ kiếp lại là một danh từ toán số khác. Nhưng đo lường, cân đong, mỗi thứ có pháp tắc tính toán riêng, đây là lời đáp cho ba câu đầu. Đối với đoạn sau, chỉ dùng tỷ dụ giả thiết để giảng rõ: Một ngày đêm có hai mươi bốn giờ, gió to không ngừng thổi, nước biển trào sóng, con sóng này tan, con sóng kia dâng lên, đột nhiên cuộn cuộn chảy về phía Đông, sau đấy lại ào ào rút về Tây, trong khoảng thời gian hai mươi bốn giờ ấy, xin hỏi là thời gian sóng đánh về phía Đông hay là thời gian sóng dạt về phía Tây? Là thời gian của một con sóng, hay thời gian của nhiều con sóng?

* Hỏi: Những hiện tượng như nhật thực, nguyệt thực, sao băng v.v... trên bầu trời, cũng như các nhà thiên văn có thể dự đoán thời gian xảy ra nhật thực, hay nguyệt thực, theo vũ trụ quan Phật pháp nên giải thích như thế nào? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Nhân duyên khiến đức Phật xuất thế, chẳng vì những chuyện vụn vặt này; dầu có ai hỏi thì chẳng qua do tùy duyên mà dạy bảo đó thôi! Vì thế, trong kinh đối với những chuyện này, trọn chẳng chuyên bàn tới. Trong trước thuật của xứ Chân Đán (Trung Hoa) có sách Pháp Uyển Châu Lâm từng phân môn, chia loại, tạp ký khá nhiều, có ghi chép chuyện này. Nhưng đối với chuyện này, có câu là tùy thuận mà nói, có câu phương tiện mà nói, nói trừu

tượng, nói một phần, cần phải có tâm nhìn linh động; nếu câu nệ, sẽ lại lọt vào nghi thành!

* HỎI: Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Bất tri thân tâm ngoại kịp sơn hà hư không đại địa giai diệu minh chân tâm trung vật*” (Chẳng biết ngoài thân tâm ra, cho đến núi, sông, đại địa, đều là vật ở trong diệu minh chân tâm), đây có phải là hàm ý “tâm và vật giống hệt như nhau”? Nếu đúng như vậy, do nương vào pháp pháp bình đẳng, lẽ ra chúng ta lưu chuyển sẽ chẳng giới hạn trong lục đạo hữu tình, mà cũng phải nên lưu chuyển trong các loài vô tình như thực vật, khoáng vật v.v... Như vậy thì mới có thể nói là “sắc tâm bình đẳng”? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

ĐÁP: Câu hỏi này nên chia ra để nói. Điều vừa được kinh nhắc tới chỉ là nói “vạn pháp đều do tâm hiện”. Nếu tâm chẳng hiện, làm sao có thể biết được? Phạm vi [diễn đạt] của ngôn ngữ chỉ có như vậy mà thôi! Tâm và vật như nhau, theo Lý có thể nói như vậy, nhưng mỗi sự có giới hạn riêng. Ví như mẹ và con xét về Lý là cùng một Thể, nhưng xét theo Sự thì mẹ chính là mẹ, con chính là con. Nếu cứ chấp “mẹ và con xét theo Lý là một” thì cha có thể chỉ con bảo là vợ hay chẳng? Còn nói “lưu chuyển chẳng hạn cuộc trong hữu tình” thì cũng chưa hề chẳng có chuyện ấy. Nhưng mạng của chúng sanh phần nhiều do nương vào sự dâm dục của loài hữu tình mà có, nên lưu chuyển trong sáu đường là chuyện thường; thần thức có lúc tiếp xúc khoáng vật, thực vật, nhưng khoáng vật và thực vật trọn chẳng giao cấu, nên cũng chẳng có cơ hội nhập thai! Nếu nói tới si mị võng lượng²⁷ cũng có thể giao cảm, cử động, chẳng qua là chuyện ngẫu nhiên, hoặc do quỷ thần dựa vào, hoặc do vật lâu đời trở thành yêu quái. Nói chung, chẳng thấy gỗ đá ở mọi nơi đều có thể nói năng, cử động. Người đọc sách nên khéo hiểu nghĩa ấy, đừng chấp vào từ ngữ để rồi sai lầm!

* HỎI: Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu chúng ta vãng sanh Tây Phương thế giới, bản thân đức Thế Tôn sanh trong thế giới nào? Có sao đức Thế Tôn chẳng tạo một thế giới [của riêng mình]? (*Bảo Châu hỏi*)

ĐÁP: Thế giới vô tận đều do nghiệp lực của chúng sanh hiện ra, không thiếu khuyết, cần gì đức Thích Ca phải tạo nữa? Đức Di Đà tạo thế giới bất quá do thương xót chúng sanh nghiệp hạnh xen tạp, thế giới lắm nỗi khổ, nên tạo ra

một thế giới chỉ sương chẳng khô, hồng tiếp dẫn chúng sanh trong các cõi khác. Chúng sanh sanh về đó, đều do vâng lời giáo huấn của Thích Ca Thế Tôn mà chuyên nghiệp. Kẻ chẳng chuyên nghiệp cũng chẳng có phần sanh [về đó], nhưng vẫn có thể nói là “do nghiệp lực của chúng sanh nghiệp lực cảm vời”. Thích Tôn từng dùng chân nhấn xuống đất, [cõi Sa Bà] lập tức biến thành trang nghiêm. Do liên quan đến nghiệp lực của chúng sanh, nên chẳng thể giữ [sự trang nghiêm ấy] lâu dài được! Hiểu điều này, liền biết tịnh hay uế là do tâm và nghiệp của chúng sanh. Dầu Thích Tôn biến hết vô biên thế giới thành Cực Lạc, chúng sanh ác nghiệp vẫn thấy là uế độ! Giống như cùng nhìn vào nước, mà trời, người, quỷ, rồng mỗi loài thấy khác biệt, [những điều vừa nói trên đây] cũng có cùng một lẽ ấy!

* Hỏi: Tam giới chỉ gồm ba loại hữu sắc, vô sắc, và hữu dục niệm; hữu sắc và vô sắc là nói tới loài sanh vật nào? (*Liễu Tử Kỳ hỏi*)

Đáp: Chũ Dục là “nhiễm”, nam, nữ, ăn uống. Chũ Sắc là diệu tướng trang nghiêm bậc thượng. Vô sắc là hai thứ ấy đều chẳng có!

* Hỏi: Nho giáo chẳng thể giải quyết vấn đề, cho nên chỉ có thể tiêu diệt vấn đề. Tôi cũng cảm thấy Nho giáo chỉ quần quanh trong lưới nghiệp lực, nhưng trong bộ Thông Sử của Lữ Tư Miễn²⁸ có viết: “*Phật giáo dùng cách tiêu diệt xã hội để giải quyết xã hội*”, cách nói này dường như có lý, như A Di Đà Phật phát nguyện muốn độ hết tất cả chúng sanh trong Đông Độ. Nếu chúng sanh đắc độ hết thì há chẳng phải là xã hội đã bị tiêu diệt ư? Bất quá là sau khi xã hội bị tiêu diệt, tất cả chúng sanh có thể đến cõi Cực Lạc, đương nhiên là tốt đẹp hơn xã hội trong ba cõi như nhà lửa này, nhưng chúng sanh sẽ có ngày được độ hết hay chẳng? Tệ ý cho rằng A Di Đà Phật tâm cứu người tha thiết nên phát nguyện to lớn như vậy! (*Liễu Tử Kỳ hỏi*)

Đáp: Tôi chẳng hiểu ý câu nói “*dùng cách tiêu diệt xã hội để giải quyết xã hội*” của ông Lữ. Có khác nào gặp người mắc bệnh, không có cách nào chữa trị bèn giết phút cho xong? Đây đúng là “*người nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí*”. Xã hội vốn yên lành, sao lại nói là giải quyết? Cần phải giải quyết chính là sự tranh chấp! Luật nhà Phật ngoài là cấm giết, trộm, dâm, trong là

ngăn tham, sân, si. Đây chẳng phải là đạo để giải quyết vấn đề từ căn bản ư? Không chỉ trang nghiêm cõi người, thậm chí còn trang nghiêm địa ngục, đây chẳng phải là kiến thiết xã hội triệt để ư? Chẳng nghiên cứu sách của nhà nào, tự mình sẽ chẳng thể bàn chuyện nhà đó. Còn như cư sĩ nghĩ “chúng sanh đều sanh về Cực Lạc thì xã hội này sẽ tiêu diệt”, [tức là] chẳng biết vãng sanh là cái quả quy kết của thần thức; trước đó, [người vãng sanh ấy] cũng phải dùng cái thân để tạo thiện nhân ở nơi đây (cõi Sa Bà). Tu cái nhân ấy, trước lúc thần thức về xã hội bên kia, thân đã trang nghiêm xã hội này trước. Cổ nhân nói: Một làng giữ Ngũ Giới, làng ấy bình trị; cho đến cả nước giữ Ngũ Giới thì cả nước bình trị. Hãy nên suy nghĩ sâu xa! Đây cũng chỉ là nói một khía cạnh mà thôi. Nếu nói theo ý nghĩa viên mãn, sẽ rất rườm rà!

* Hỏi: Theo luận thuyết tiến hóa, “con người tiến hóa từ loài khỉ”, và như Thiên Chúa Giáo nói “con người do Thượng Đế tạo ra”, cố nhiên là luận thuyết hoang đường, sai lạc tột bậc, chẳng đáng một trận cười! Nhưng trong Nguyên Nhân Luận của Phật giáo có nói: “...*Tổ tiên của con người từ Phước Sanh Thiên mà đến, đã ném những thứ mọc trên mặt đất, bèn vương mắc nơi đất*”. Xin hỏi vì sao chư thiên giáng lâm cõi này, lại chẳng trở về được? Thuyết của Nguyên Nhân Luận²⁹ có phải là căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm để lập luận hay chẳng? (Hậu học chưa đọc kinh Hoa Nghiêm) (*Chân Tâm Quý hỏi*)

Đáp: Lục đạo lần lượt luân chuyển. Giáng lâm cõi này, có gì là lạ? Cố nhiên, Nguyên Nhân Luận căn cứ trên Hoa Nghiêm. Điều càng phải nên biết là bất cứ thế giới nào cũng đều có Thành, Trụ, Hoại, Không. Cần nên biết rằng: Điều được nói trong luận ấy bất quá là một giai đoạn nào đó trong các số kiếp nhiều như vi trần mà thôi!

* Hỏi: Hư không vô lượng vô biên, đức Phật nói trăm ức mặt trời, mặt trăng, đây cũng chẳng qua là nói tới một phần trong vô lượng vô biên, trọn chẳng phải là cực hạn, đúng không? Lại nữa, số lượng bao nhiêu là do tâm phân biệt hư vọng của con người sanh ra, chứ thật sự thì “*hết thấy vào một, một vào hết thấy*”. Có kẻ hoài nghi chúng sanh vô số, chư Phật, Bồ Tát cũng vô số, rốt cuộc là chư Phật, Bồ Tát nhiều hơn, hay là chúng sanh nhiều hơn? Thật ra, đã nói là vô số, sẽ chẳng thể phân biệt nhiều hay ít, như đức Phật nói

Pháp Thân của Phật trọn khắp hết thảy mọi nơi, Phật có thể hóa thân ngàn trăm vạn ức phân thân trong các cõi nước nhiều như vi trần để cứu độ chúng sanh, há có phải là dùng con số bao nhiêu để hạn định? Vì thế, bất đắc dĩ mà nói là vô lượng, vô biên. Nói tốt cùng sẽ là chẳng thể nói, chẳng thể diễn tả, há nào phải chỉ có Lý này chẳng thể nói, chẳng thể diễn tả! Há có phải chỉ có Lý này là chẳng thể nói, mà hết thảy đều là chẳng thể nói! Hễ nói sẽ chẳng trúng, tướng hiện bèn cười, trong lòng vui vẻ, dường như sẽ gần với lẽ thật³⁰, có phải hay chẳng? (*Tân La hỏi*)

Đáp: Đúng như vậy, đúng như thế!

* Hỏi: Giới, Định, Huệ Tam Học nhà Phật và công phu “định, tĩnh, an, lực” của Nho gia có giống nhau hay chẳng? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

Đáp: Xét theo phương diện dụng công tu hành, có thể nói là nhìn chung thì giống nhau, [nhưng nếu xét theo phương diện] nhà Phật hiểu Huệ là như thế nào và ý chỉ đạt được [các thứ định, tĩnh, an, lực] của Nho gia thì có sai khác!

* Kinh Kim Cang dạy: “*Hết thảy pháp chính là Phật pháp*”, trước lúc nghiên cứu Phật pháp, đọc đến câu này, tôi cảm thấy dường như thấu hiểu, nay thì đâm ra chẳng thấu hiểu, thông suốt! (*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Hết thảy các pháp, có pháp nào chẳng phải là Phật pháp, ông hãy thử nói ra xem?

* Hỏi: Trong báo Bồ Đề Thụ số bốn mươi, trả lời câu hỏi thứ hai của cư sĩ Chân Tâm Quý, đã viết: “*Lâm chung phóng quang, nếu muốn xét coi người ấy có thoát tam giới hay không, thì xét nghiệm chỗ còn ám sau cùng là đáng tin cậy nhất*”. Cách xét nghiệm hơi ám là như thế nào? Xin dạy rõ!

(*Lê Minh Thời hỏi*)

Đáp: Trán: trời; ngực: người; bụng: súc sanh; đầu gối: ngựa quý; bàn chân: địa ngục. Cũng có thuyết bảo: Bụng là ngựa quý, đầu gối là súc sanh. Trong tay không có sách, nên chẳng nhớ vốn là như thế nào!

* **Hỏi:** Thầy thuốc chẩn bệnh, nếu lúc gặp phải trường hợp biết rõ chẳng thể trị được, có nên nói thẳng với bệnh nhân hay không? Nếu chẳng nói thẳng, mà nói lấp lửng, mơ hồ, có kết thành tội vọng ngữ hay chẳng?

(Trâm Chung Ngũ hỏi)

Đáp: Không nói tức là chỉ giữ im lặng mà thôi, không thể nói là vọng ngữ.

* **Hỏi:** Theo thói tục, khi kính Phật, cầu Phật xét soi, nhận lấy vật cúng dường, có nên gieo sấp ngửa (xin keo) để coi thánh ý có chứng minh hay không? Mấy năm gần đây, tôi tới chùa Trúc Liên (Quán Âm Miếu) ở Tân Trúc, hướng về Phật, thần xin keo để hỏi về cưới gả, xây cất, an táng v.v... được ngày tốt rất nhiều. Lại còn mua một lá bùa ở miếu, dán vào nơi sẽ làm chuyện ấy, sẽ chẳng sợ bị thần sát thương con người rất linh nghiệm, dường như điều này cũng phù hợp Phật pháp đây chẳng? Đệ tử Tam Bảo có nên làm như vậy hay không? *(Hà Vĩnh Đình hỏi)*

Đáp: Đối trước Phật, vạn phần chớ nên giở những trò huyền hoặc, hư dối như xin keo v.v... Đệ tử Phật càng chớ nên xen tạp những thứ giống như vậy.

* **Hỏi:** Phật giáo chẳng đề xướng đốt giấy tiền, vàng mã, nhưng dân Đài Loan khi có người mất, cho đến bây giờ vẫn làm như thế này: Lập tức thỉnh Tăng đến nhà, lập đạo tràng, treo tượng Phật, làm công đức truy tiền, tuyên kinh, lễ sám, khai thông đường ngõ trong cõi âm, cúng dường Phật bằng thịt gia súc, lại còn cắt nhiều giấy màu, dán thành rương tiền, quỹ vàng, linh kiều (cầu độ vong), tờ giấy cho người chết, đặt lên là “Xuân Đào, Thu Cúc nhị tiên”. Trong rương vàng, quỹ tiền đựng đầy tiền gởi kho [trong cõi âm], đồng loạt thiêu đi. Trong ma chay, có một nghi lễ gọi là Quá Kiều (qua cầu), Bá Công³¹ dẫn người chết qua cầu vàng, cầu bạc v.v... Phía dưới cầu, đặt một cái đồng la (thanh la hay chiêng bằng đồng), bảo các con của người chết rải nhiều tiền (đồng tiền mới của Đài Loan) vào cái đồng la ấy, bảo: “Càng bỏ nhiều tiền, càng tiêu tai nhiều, Bá Công sẽ dẫn người chết vượt qua khỏi cầu ấy. Nếu

không bỏ tiền, sẽ chẳng qua được cái ả này”. Trong kinh Phật có chuyện như vậy hay chẳng? *(Hà Vĩnh Đình hỏi)*

Đáp: Đây là thói mê tín ở địa phương, bịa đặt để gạt tiền. Những kẻ làm cái trò này tuy mặc ca-sa, nhưng thật sự chẳng phải là Tăng chúng, chớ nên hiểu lầm! Những điều ông đã nói đều chẳng dính dáng gì đến kinh Phật!

* Hỏi: Học trò đọc, nghiên cứu sách Phật hết sức thú vị, càng đọc càng tham đọc nhiều hơn, điều này dường như đã phạm giới tham đó chẳng?
(Hà Vĩnh Đình hỏi)

Đáp: Luyện đắm lục trần thì gọi là tham dục; siêng năng nghiên ngẫm kinh Phật là chánh tinh tấn, giới luật chẳng cấm đoán, lẽ nào phạm giới?

* Hỏi: Tôi có mấy pho tượng Phật cũ đã thờ trước kia, về căn bản là chẳng thể tặng cho người khác được. Giữ lại thì giữ đến bao giờ? Chẳng biết xử trí như thế nào? *(Lư Phong Vân hỏi)*

Đáp: Cư sĩ đã tin phụng Phật giáo, đối với Tam Bảo, lẽ ra phải suốt đời thờ phụng. Nay đã manh nha cái tâm buông bỏ là do duyên cớ nào? Nếu thân mình là khách, ở nhờ nhà người khác, hoặc đang ở trong quân ngũ, có thể bị điều động bất ngờ thì có thể tạm gởi đến chùa Phật, cũng chẳng nhất định phải theo cách nào!

* Hỏi: Dâm là chuyện xấu hổ nhất trong nhân sinh quan; trong xã hội hiện thời, nam nữ luyện ái lẫn nhau có phải là dâm hay chẳng? Có nên hay chẳng?
(Phan Chấn Bang hỏi)

Đáp: Vợ chồng chung sống là một giếng môi lớn của con người, đó là chánh dâm, trọn chẳng trái pháp. [Luyện ái] ngoài vợ chồng ra thì gọi là tà dâm, pháp luật lẫn đạo đức đều chẳng chấp thuận.

* Hỏi: Làm thế nào để chịu đựng đau khổ? (*Diêu Thanh Nguyên hỏi*) Đáp: Nghe nhiều Phật lý, hiểu sâu nhân quả; nhìn thấu suốt giả tướng, nhân lực sẽ tự sanh ra.

* Hỏi: Nếu một người bị tức oán ràng buộc, thân tâm sẽ có hiện tượng gì? (*Huệ Khang hỏi*)

Đáp: Mỗi người mỗi khác, chẳng thể nói đồng loạt được; nhưng chương ngại học Phật là nặng nề, quan trọng nhất. Những thứ cảnh giới thuận nghịch khác, họa phúc không nhất định, nên chẳng thể nói nhất định tiêu chuẩn là như thế nào!

* Hỏi: Trong sáu thứ thân thông có Túc Mạng Thông và Lưu Tận Thông, tôi còn chưa hiểu chỗ này, xin chỉ dạy! (*Tiêu Huệ Tâm hỏi*)

Đáp: Thông hiểu sự sanh tử đến đi trong bao nhiêu đời thì gọi là Túc Mạng Thông. Phiền não đã hết, không còn rơi rớt luân hồi là Lưu Tận Thông.

* Hỏi: Người ăn chay có thể kết thành xá-lợi hay không? (*Hoàng Cẩm Lương hỏi*)

Đáp: Kinh dạy [xá-lợi] do Giới, Định, Huệ huân tập. Nếu chỉ ăn chay thì bất quá chỉ có một thứ là Giới, chưa hoàn toàn hội đủ điều kiện, sợ chẳng có tướng lành này! Ông chẳng thấy trong các tôn giáo khác cũng có nhiều người suốt đời ăn chay mà chẳng thấy có thành tựu ấy.

* Hỏi: Do đâu mà tín đồ [Phật giáo] ăn chay? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Phật cấm sát sanh, chủ trương ăn chay. Đây chính là nguyên do.

* Hỏi: Gần đây, Bát Huệ phát tâm ăn chay, giảm ác, hướng thiện, nay đã ăn chay gần hơn nửa năm, tinh thần vẫn như cũ, nhưng thể lực giảm sút rất lớn, thân thể hư nhược, không biết có phải do ăn chay gây nên hay không? (*Thái Vĩnh Đức hỏi*)

Đáp: Ăn thịt mạnh mẽ, ăn chay yếu ớt, đó là tâm lý thế tục. Nếu nói ăn chay khỏe mạnh, ít bệnh, giới y học bèn hoài nghi. Sự thật là như vậy, nay tôi nêu ra một thí dụ: Voi, lạc đà, trâu, ngựa chẳng ăn thịt mà sức của chúng đều mạnh, bất quá, hổ, báo, sài lang tánh hung tợn mà thôi! Tăng sĩ Thiếu Lâm Tự đều ăn chay, mà Dịch Cân, Tây Tủy, Kim Chung Tráo, Thiết Bó Sam, quyền thuật, thiên hạ chẳng có ai địch lại, há còn dám chẳng tin ư?

* Hỏi: Em trai tôi cưới vợ, vẫn theo thói tục sát sanh, tôi thấy vậy đau lòng, nhưng trọn chẳng làm sao ngăn cản được! Mắt thấy giết chóc, chẳng biết là đối với việc này nên siêu độ bằng cách nào? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Niệm chú Vãng Sanh là được rồi, nhưng phải thành tâm.

* Hỏi: Có người hỏi tôi kẻ mổ lợn có thể quy y hay không? Nhưng ông ta quy y rồi vẫn phải giết lợn, như vậy thì có thể quy y hay chẳng? (*Trần Liên Sanh hỏi*)

Đáp: “*Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật*”. Lẽ nào kẻ giết lợn chẳng thể quy y? Cầu quy y, trước tiên nên sám hối thì mới là chân tâm. Có sao vẫn vung đao giết heo, tức là thiếu lòng sám hối, sợ chẳng thể đạt được lợi ích do quy y!

* Hỏi: Ăn cơm thường ăn nhằm canh thịt, hoặc ném nhằm những món rau có lẫn thịt loài thú, có trở ngại gì chẳng? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Kẻ ăn làm chẳng phạm giới, do vì vô tâm. Kẻ ném thử tức là phạm lỗi. Nếu do hoàn cảnh bó buộc, ăn rau bên cạnh thịt lại là chuyện khác.

* Hỏi: Trong toa thuốc Bắc thích hợp với tình trạng bệnh tật, cần phải pha trộn thêm các loài côn trùng phơi khô như chuồn chuồn, xác ve v.v... tín đồ bị bệnh có thể dùng hay chẳng? (*Trang Khánh Hiền hỏi*)

Đáp: Lúc ắt phải dùng thì khi chế thuốc hãy quán tưởng, chẳng thể so sánh với chuyện do tham ăn [mà làm như vậy], chỉ niệm Phật hồi hướng cho chúng là được rồi. Nếu giết những động vật còn sống để làm thuốc, ắt vi phạm giới luật, do giết chúng để làm lợi mình, đánh mất Bồ Đề tâm vậy!

* Hỏi: Các chứng bệnh tật đều do vi khuẩn xâm nhập thân thể, nếu uống thuốc có phạm tội giết vi khuẩn hay chẳng? *(Thái Thế Phương hỏi)*

Đáp: Vi khuẩn là thực vật vô tình, giết không sao cả, hướng là để trị bệnh ư?

* Hỏi: Kiến thuộc loại noãn sanh, các loài tiểu động vật thuộc loại noãn sanh chết rồi chẳng dễ sống lại, có sao mạng kiến lại đặc biệt thù thắng, lạ quá! Xin dạy rõ! *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Lời hỏi này dường như là chấp trước! Cư sĩ nói noãn sanh chẳng dễ sống lại; nếu sống lại bèn cho là quái dị. Nói như vậy chẳng phải là cho rằng [các động vật thuộc] ba lối sanh Thai, Thấp, Hóa chết đi vẫn thường sống lại đó sao? Nếu ba loài ấy chẳng thường thấy chết rồi sống lại, mà vẫn thường là chết rồi chẳng dễ gì sống lại, hễ chết là chết luôn, đó là chuyện thường; chết rồi sống lại là chuyện đôi khi [mới thấy].

* Hỏi: Đối với kiến và người, đều là có giác tánh, chẳng biết giết một con kiến hay giết một người, tội nào nặng hơn? *(Trịnh Nghĩa Lang hỏi)*

Đáp: Tánh mạng của chúng sanh bình đẳng. Chỉ có khởi tâm động niệm của người tạo sát nghiệp sai biệt rất nhiều! Đã có sai khác, tội quả sẽ chia thành nặng nhẹ. Cái tâm giết người so với cái tâm giết kiến hung ác gấp nhiều lần, cho nên tội to. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, ở đây tôi có thể nêu một thí dụ nhằm phân biệt rõ ràng: Người qua đường và cha mẹ trong nhà, cùng là người, nhưng thử hỏi cái tội giết cha mẹ và tội giết người qua đường có giống nhau hay chẳng?

* Hỏi: Cái gọi là vi khuẩn trong y học có phải là chúng sanh hay không? Là chúng sanh trong đường nào? Do nghiệp lực gì chuyển biến? Xin hãy chỉ dạy [những điều ấy] phát xuất từ kinh nào? Xin dẫn kinh làm chứng.

(Lâm Hòa Thọ hỏi)

Đáp: Các loài trong thế gian vật, chia làm ba loại lớn là động vật, thực vật, và khoáng vật. Động vật có tình thức, do nghiệp lực thông với cửu hữu (tam giới)³²; thực vật và khoáng vật vô tình, chẳng tạo nghiệp lực đạo, chẳng phải thọ báo. Vi khuẩn thuộc loại hạ đẳng thực vật, là vật thể vô tình, chẳng xếp vào đường nào [trong lục đạo].

* Hỏi: Nếu người bị bệnh, uống thuốc ít thấy công hiệu, cần phải dùng toa thuốc sử dụng động vật mới lành bệnh (chẳng hạn như bệnh hoàng đả³³ phải ăn ốc, quáng gà phải ăn gan heo hay bò, hoặc dầu gan cá); nhưng nếu là người thọ giới lại dạy người ta ăn động vật để trị bệnh, ngôn hạnh rốt cuộc rốt vào ác nghiệp, hay là vô ký (không thiện, không ác). Nếu là vô ký thì có thể nêu lên một thí dụ để dứt lòng nghi hay chằng? *(La Đức Chương hỏi)*

Đáp: Trị bệnh cho người khác là thiện nghiệp, dạy người khác sát sanh là ác nghiệp. Thiện ác xen lẫn, làm sao có thể nói là vô ký được? Ăn gan heo, dầu gan cá v.v... vẫn còn thể gọi là thuộc loại tam tịnh³⁴. Nếu ăn ốc thì sẽ chẳng phải chỉ giết một mạng, tội sẽ tính chồng chất lại. Thật ra, thuốc Tây lẫn thuốc Bắc đều có rất nhiều cách trị bệnh hoàng đả, trọn chẳng nhất định phải dùng ốc. Nếu bệnh hoàng đả thuộc âm chứng mà lầm lạc dùng ốc, đâm ra bệnh càng nặng hơn!

* Hỏi: Nếu có một gia đình ăn chay trường, nhưng thích mua cá, thịt, gan lợn v.v... cho con cái ăn. Nhưng khuyên giải người phụ nữ ấy, cô ta chẳng nghe, rốt cuộc nên dùng phương pháp nào để khuyên cáo? Tôi tính dùng câu thơ: “Ngật tha bán cân, hoàn bát lạng, oan oan tương báo hà nhật liễu” (Ăn nó nửa cân, đên tám lạng, oan oan tương báo thuở nào ngơi) thì có được hay không? Có phương pháp nào xảo diệu hơn không để khiến cho cô ta nghe theo? *(Tín Huệ hỏi)*

Đáp: Chính mình ăn chay trường, tự mình có công đức; con cái chẳng thể ăn chay, xét về tình, tuy chẳng thể ép buộc, chỉ đành mặc nó; nhưng nếu ngược ngạo vui vẻ mua cá thịt cho con, tức là gián tiếp sát sanh, gây họa cho con cái! Đấy đều là do chẳng hiểu đạo lý mà ra, nên mới làm chuyện hại mình, hại con! Câu thơ cư sĩ đã chọn chính là khuyên họ nên hoàn toàn thôi ăn thịt, dường như khó khăn, chẳng bằng trước hết cứu vãn lỗi lầm của người gia chủ ăn chay trường, kẻ đó là lại thiên xảo khuyên con cái người ấy ăn chay. Cổ nhân có một bài kệ về chuyện cha mẹ khuyên nhủ đứa con ăn thịt, giống hệt như chuyện này, nay tôi sao lục để [cư sĩ] thuận tiện bảo với người ấy: “*Trường trai, trường thọ nhân, thực nhục khiếm tha trái, tự tri cầu phước đức, nhân tương thân nhi hại*” (Trường trai: nhân sống thọ; ăn thịt: Mắc nợ người. Biết tự cầu phước đức, sao nữa hại con mình).

* Hỏi: Giết các loài trùng có tội lỗi hay không? Trong vườn trà và cam do em trai trồng để buôn bán, mùa Hè, các chủng loại bọ cam, sâu trà, cũng như các loại trùng khác sanh sôi rất nhiều, nếu chẳng giết sẽ bị tổn hại khá lớn, phải nên làm như thế nào? (*Lý Vĩnh Thanh hỏi*)

Đáp: Trước tiên, hãy nên biết: Sát sanh tạo tội thuộc về tánh ác tự nhiên trong nhân quả, chẳng thể hướng về vị thần nào [để cầu cạnh] cởi gỡ tội ấy được! Nguyên tắc là như vậy. Ông có thể hỏi thăm những chuyên gia nông nghiệp phương cách để ngăn ngừa trùng bọ sanh sôi thì hay hơn. Nếu không, trong chừng mực có thể, hãy gắng giết thật ít. Lúc bắt đắc dĩ, chỉ có cách niệm Phật hồi hướng cho chúng.

* Hỏi: Giết muỗi, trùng có tính là sát sanh hay không? Để cho chúng nó hút máu ta thì tốt hơn, hay diệt trừ chúng tốt hơn? (*Hoàng Thiên Tống hỏi*)

Đáp: “Sanh” chỉ động vật, “sát” là giết hại, điều này hết sức đơn giản, dễ hiểu. Cho nó hút máu là bố thí, diệt nó là sát hại, đấy là hai chuyện. Người chịu bố thí, tự nhiên chẳng giết. Đó là cảnh giới của Đại Thừa Bồ Tát, chẳng giết mà cũng chẳng bố thí, người học đạo bình thường đều có thể làm được!

* Hỏi: Có người nói: Quý có thể báo thù người sống, có chuyện ấy hay chẳng? (*Hoàng Thiên Tông hỏi*)

Đáp: Điều này chẳng cần tra cứu sách Phật, trong hai mươi bốn bộ sử của Trung Quốc đã ghi chép chuyện này nhiều lắm.

* Hỏi: Muốn tìm học với bậc lương sư, hồng phá vỡ khối nghi, nhưng xét bốn tánh của chính mình, do bản thân chẳng thuận tiện, chẳng dám khuấy nhiễu khiến người khác khổ não, con tính Thiền Tịnh Song Tu, không có thầy dìu dắt, nhất tâm lay Phật tu trì, có thể phá tan tâm tối, thấy diện mục sẵn có hay không? (*Ông Huệ Hân hỏi*)

Đáp: Thiền Tịnh Song Tu là nhân. Không có thầy thì Thiền đã không hiểu, mà Tịnh cũng chẳng thấu đạt; huống hồ Thiền Tịnh Song Tu ư? Nếu chẳng có minh sư, nhưng chịu thật niệm Phật, không đi sai đường, đó là người có thiện căn từ trước; do vậy, sẽ thật sự tự đạt được cái quả viên mãn. “*Thấy bốn tánh của chính mình*” là quả. Chẳng hiểu giáo tướng, tánh là gì, kiến là gì, đều là một khối đen kịt! Dẫu có nói được tu như thế nào, đắc như thế nào, há chẳng phải là nói suông bàn rỗng? Chỉ nên tinh tấn không lùi, hạ phẩm vãng sanh đã là bậc kiệt xuất, muốn đắc quả viên mãn phải nhờ vào cái nhân chân thật!

* Hỏi: Có kẻ bảo tôi “kinh Kim Cang dạy con người ta hết thấy đừng chấp tướng”, nói tôi niệm kinh cũng là chấp tướng. Tôi nghe lời ấy cũng có lý, nhưng chẳng niệm trong tâm lại bất an, nên làm như thế nào mới là đúng? (*Lưu Học Trung hỏi*)

Đáp: Nghe lời kẻ ấy ngỡ là có lý thì chính là chấp tướng; chẳng niệm trong lòng bất an cũng là chấp tướng. Đó đều là vì cư sĩ tri kiến chưa định, lay động theo chiều gió mà ra! Động ắt có tướng, định là vô tướng. Định là như thế nào? Đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này. Niệm tới mức thuần thực, chẳng biết năng niệm là gì, lại càng chẳng biết sở niệm là gì. Đã vô phân biệt, làm sao có tướng?

* Hỏi: Gần đây báo chí phương Nam có đăng tải một nông dân vừa sanh con, ba ngày sau, người mẹ ra ngoài giặt áo, chợt nghe tiếng đứa bé khóc thét lên, mẹ vội chạy vào xem, thấy một con chuột to nặng tới một cân đang cắn cổ đứa bé, máu tuôn đầm áo. Mẹ thấy vậy, vội chẳng tiếc thân đuôi chuột cứu con, nhưng đã chậm rồi, cổ đứa con đã bị chuột cắn một lỗ to, mê man bất tỉnh. Xin hãy chỉ dạy, đối với chuyện như vậy [có phải là] đệ tử Phật chẳng thể khai sát giới, người giữ giới bèn để chuột sống, bỏ mặc đứa bé? Xin hãy cởi gỡ mọi nghi nan này! (*Thái Vĩnh Đức hỏi*)

Đáp: Nếu lúc thấy chuột cắn đứa bé mà khoanh tay chẳng cứu, cho là làm như vậy nhằm giữ vẹn tánh mạng của chuột, bỏ mặc đứa bé, Phật đâu có dạy chuyện ngớ ngẩn như thế!

Hỏi: Con cái tin tưởng kính Phật, trọn chẳng phạm tội lỗi to lớn nào, nhưng làm cha mẹ, giữ vững lời giáo huấn của cổ nhân như “*chẳng đánh, chẳng nên người, roi đánh ra người tốt*” v.v... Kẻ làm cha mẹ có phải là có tội hay chẳng? Có bất lợi đối với con cái hay chẳng? (*Hành Ngọc hỏi*)

Đáp: Thiện khuyên, ác quản, đều nhằm mong con nên người, há có tội lỗi? Nhưng cũng phải nên xét tới trào lưu hiện thời, trừng phạt bằng cách đánh đập cũng chẳng phải là điều nên làm thường xuyên.

* Hỏi: Pháp thế gian khuyên người ta mền tiếc giấy có chữ, hãy nên thiêu hủy những tờ giấy bỏ đi ấy, nhưng người nghèo khổ trong thế gian chuyên nhặt giấy bỏ đi, đem bán cho xưởng chế giấy mong kiếm chút lời, trọn chẳng bỏ phí giấy. Một cử chỉ được hai điều lợi. Như vậy thì hai cách trước và sau, cách nào tốt nhất? (*Hành Ngọc hỏi*)

Đáp: Kính Phật hư nát, chẳng thể tu bỏ thì có thể chọn cách thứ nhất (thiêu hủy); nếu là giấy có những chữ thông tục, có thể chọn cách sau!

* Hỏi: Tệ nhân tuổi nhỏ vô tri, ngạo mạn chẳng nghe lời mẹ răn dạy, ngược ngạo dùng lời tục tằn mắng nhiếc song thân, nay đã trưởng thành, tự biết bất hiếu, mắc vô lượng vô biên tội lỗi, muốn cầu sám hối, nhưng song

thân đều mất đã lâu. Hồi hận chẳng kịp, trong lòng mười phần hổ thẹn và bi ai, không biết báo đáp ân cha mẹ như thế nào? Làm sao sám hối tội ấy?

(Phan Ngọc Tuyên hỏi)

Đáp: Mỗi ngày dành thời gian cố định để tụng một quyển kinh A Di Đà, niệm thánh hiệu Di Đà mấy trăm câu, hoặc mấy ngàn câu, đem công đức ấy hồi hướng song thân vãng sanh Cực Lạc, đó là báo ân chân thật, sám hối triệt để. Báo ân chớ nên biếng nhác, phụng sự bậc đã khuất như đang còn sống. Nếu có thể làm như thế, cổ nhân như ông Đinh Lan³⁵ chẳng còn riêng được tiếng thơm như trước nữa!

* Hỏi: Tôi nhớ ở quê hương nơi đất Mân (Phước Kiên), có một vị là Thạch cư sĩ, hành trì rất siêng năng, tín, giải, hạnh đều chân thật, đã thọ Tại Gia Bồ Tát Giới, có sao ông ta cưới ba vợ, bốn người thiếp, điều ấy há chẳng phải là trái nghịch chế định của Phật ư? Hậu học dựa theo lời Thạch cư sĩ đã nói: “*Do hoàn cảnh tốt đẹp, cưới gái nhà nghèo về làm thiếp cũng là một cách độ họ*”, [toan tính] do cơ duyên này, [bản thân tôi cũng] cưới nữ nhân khổ sở, khó khăn về làm thiếp có phải là cách tốt lành để độ chúng sanh hay chẳng? Xin hãy phán định, chỉ dạy! *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Thế sự như cuộc cờ, thiên sai vạn biệt, chẳng thể nhất loạt luận định được! Nếu thật sự vì độ họ tu đạo thì không gì chẳng được. Nếu chẳng thể độ, sẽ là tham đông quyền thuộc, tự chuốc lấy buộc ràng. Nếu nói “tuy chẳng thể độ, nhưng cũng có thể cứu họ khỏi đói nghèo”, tôi nói: Thật sự có cái tâm bố thí, cứu vớt, sao chẳng tự bỏ tiền ra giúp chi phí, kiếm người [xứng đôi vừa lứa với cô gái ấy] để gả, há chẳng phải là càng tốt đẹp hơn ư?

* Hỏi: Văn bói hể ngủ, mộng huyền liền dâng trào, thậm chí, trước khi đi vào giấc ngủ, mộng huyền đã dậy lên, có thể nói là chẳng lúc nào không mộng, nhưng văn bói hỏi dò người khác, ai nấy đều nói ít khi bị như vậy. Có sao riêng văn bói thường mắc phải, rốt cuộc là chuyện hiếm có hay thường có, có liên quan gì đến tâm lý hoặc sinh lý hay chẳng? Có phương pháp gì để khắc chế? *(Chương Phổ Minh hỏi)*

Đáp: Mộng cảnh toi bời là do tạp niệm quá nhiều, tinh thần chẳng thể chuyên nhất. Nếu cái thân Tứ Đại chẳng điều hòa thì cũng mộng nhiều!

* Hoi: Tôi thường nghe định nghiệp chẳng thể giải trừ, kẻ giết người nhất định bị người khác giết, nhưng trong Phật pháp bảo niệm Phật có thể tiêu tai miễn nạn, mà cũng có thể lìa khổ được vui, thậm chí giải thoát chứng quả. Vậy thì tội nghiệp sát nhân tiêu tan nơi đâu? (*Chiêm Kim Chi hỏi*)

Đáp: Giết người đền mạng, thiếu nợ trả tiền, đây là nguyên tắc. Nếu hiểu Phật pháp, sẽ có nhiều cách thiện xảo, đối với đối phương có thể làm cho họ siêu thăng, giải oán, trừ tan hoàn cảnh bức bách. Đối với chính mình, có thể tu đến mức đoạn các Hoặc vọng, nghiệp tận, tình không, tiêu trừ chủng tử [tội chướng do sát nhân] kết thành quả báo. Nhưng còn có hai điều ngoại lệ cũng cần nên biết: Một là người đại tu hành coi thân hư huyền, thần thông du hý, nên chẳng bỏ tướng quả báo. Như An Thế Cao đại sư, hai lượt đến Lạc Dương đền mạng; Thiền Tông Lục Tổ ban đêm gặp thích khách, đặt vàng lên bàn, bảo: “Chỉ thiếu tiền của ông!”, đây là những trường hợp như vậy đó. Hai là người tu Tịnh Độ đối nghiệp vãng sanh, thừa nguyện tái lai, độ thoát oán thân đều thành pháp lữ, chẳng lìa An Dưỡng, Nhất Sanh Bồ Xứ.

* Hoi: Trước kia, hậu học đọc Ấn Quang Văn Sao sanh lòng tin, cho nên đối với ngôn giáo của Ngài không gì chẳng coi như Pháp Bảo, nhưng tôi thấy Ngài chẳng cho người khác coi nhiều kinh giáo, có xem thì chỉ giới hạn trong kinh luận Tịnh Độ, đối với điều này chẳng thể không nghi ngờ. Bởi lẽ, đại sư Tông lẫn Giáo đều thông, có sao chẳng chấp thuận người khác cầu thông Tông thông Giáo, há có phải là bậc Bồ Tát hoằng dương Tịnh Độ nên làm như thế ư? Hay là vì thời Mạt Pháp căn tánh con người kém hèn, chỉ có trì danh mới khế cơ? (*Chung Quán Tĩnh hỏi*)

Đáp: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” là thánh huấn, lẽ nào chẳng cho phép người khác xem nhiều kinh giáo? Còn như chỉ hạn cuộc trong kinh luận Tịnh Độ, cũng không phải là [Tổ bó buộc phải tuân thủ] như thế; nhưng trong khi hỏi đáp, nếu Tổ nói như vậy thì do nguyên có nào? Đều là tùy thuận căn cơ mà tiếp dẫn, Tổ sợ kẻ ấy đọc kinh sách tràn lan, hiểu sai be bét, không chỉ

vô ích, mà còn có hại. Thử nêu thí dụ như: “*Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”, “*Ma tới giết ma, Phật đến giết Phật*”, “*tâm chẳng dính dáng đến đạo*”, “*chẳng tu, chẳng chứng*” v.v... Những ý chỉ ấy, kẻ sơ cơ làm sao liễu giải được! Đối với các thứ giáo nghĩa, đức Thế Tôn pháp vương còn chia thành năm thời để diễn giảng, nên biết là đức Phật đã thuận theo căn cơ mà phân chia thứ tự. Pháp là thuốc, ắt phải ứng theo căn bệnh mà cắt thuốc vậy!

* **Hỏi:** Trong xã hội xưa nay, có những nhân vật bậc thượng lại chẳng bằng những kẻ tầm thường, chẳng tin Phật pháp. Dựa theo nhân quả để nói thì: Được hưởng phước đều do kiếp trước đã tu, có sao nay có kẻ ngay cả vào chùa miếu lạy Phật cũng chẳng muốn, có phải là đời trước tu phước nhưng chẳng tu huệ đến nỗi đời này chẳng có duyên nghĩ tới Phật hay chẳng? (*Nhan Diên hỏi*)

Đáp: Đời này hiền đạt, chẳng muốn bước chân vào chùa chiền, thân cận Tam Bảo, tình hình ấy hết sức phức tạp. Cư sĩ nói “tu phước, chẳng tu huệ”, thì cũng là một nhân trong đời quá khứ. Lại còn hoàn cảnh tập tục trong hiện tại có sức ảnh hưởng cũng rất lớn. Đối với các tình hình tệ hại trong giáo pháp của chúng ta khiến cho người khác mất cảm tình, chúng ta cũng phải nên tự trách mình!

* **Hỏi:** Hai người bạn A và B là cấp trên lúc tôi mới học Phật. Hai vị này đều thông hiểu Thích, Đạo, Nho; nhưng ông A vừa nghe chánh pháp liền tu Tịnh Độ, phát Bồ Đề tâm, mỗi năm càng thêm tinh tấn. Ông B tuy khá thông hiểu thấu suốt Lý, lúc rảnh rỗi bèn bàn luận Phật học, biện tài hùng hồn, lưu loát, ca ngợi Phật pháp, rốt cuộc vẫn chẳng tin có Tịnh Độ, cảm ứng, luân hồi v.v... Dường như chỉ hiểu Lý thì sẽ có cách trừ bỏ trần cấu chấp trước, hòng trở về Minh Hạnh Túc, cùng lên Liên Bang, xin chỉ dạy! (*Nhan Diên hỏi*)

Đáp: Thật sự hiểu biết, thấy rõ ràng, và Thế Trí Biện Thông là hai con đường khác biệt rạch ròi! Cư sĩ bảo ông B thông suốt, thấu triệt Phật lý, tôi chẳng dám tin! Nếu thông triệt thì sẽ Quyền Thật chẳng hai, tự hiểu rõ lý Tam Đế viên dung, liền có thể pháp pháp vô ngại. Những chuyện như Tịnh Độ, cảm

úng, luân hồi v.v... kể từ thoát đầu là Hoa Nghiêm cho tới cuối cùng là Niết Bàn, không kinh nào chẳng nói mà ông B chẳng chịu tin, tự khoe kiến thức cao siêu, coi kinh Phật là kém hèn, thô lậu, làm sao có thể xưng là “thông suốt, thấu triệt”, mà cũng chẳng đáng để gọi là ca ngợi Phật pháp! Chắc cái học của ông ấy là do nghe ngóng [rồi ghi nhớ]. Nếu gặp bậc cao tăng đại đức, không chừng có thể chuyển biến cảnh giới!

* HỎI: Làm một đệ tử Phật kiên thành, trừ tận gốc tâm lý ngạo mạn, quý nhất là nhẫn nhục, nhưng nhẫn nhục có giới hạn hay không? Nên giới hạn tới mức nào? *(Châu Gia Lân hỏi)*

ĐÁP: Nên lấy Thất Giác Chi làm gương. Phàm những gì có ích cho chúng sanh, hoặc giúp tăng trưởng Bồ Đề thì Nhẫn cũng không có hạn định. Như đức Thích Ca chịu đựng vua Ca Lợi cắt chặt thân thể vậy. Nếu chẳng nhẫn sẽ có ích cho chúng sanh, tăng trưởng Bồ Đề thì Nhẫn bèn có tòng quyền, như xưa kia đức Thích Ca do cứu năm trăm thương nhân mà giết kẻ khởi ác tâm. Cơ duyên giết hại khi ấy là do lòng bi mẫn, chẳng phải là phần hận, nhằm cứu họ khỏi đọa lạc mà tự nguyện đọa lạc. Về hình tích dường như chẳng nhẫn, nhưng thật ra vẫn là nhẫn!

* HỎI: Đệ tử từ khi vào Phật môn, được Phật pháp un đức, cảm thấy hết thấy các nỗi thú vị trong nhân gian đều tẻ nhạt, vốn chuẩn bị tâm lý thi vào trường đại học cho thỏa ước mơ, nay [những ước vọng ấy] đều tiêu mất, đối với các thứ triết học và kinh tế học v.v... đều chẳng có lòng muốn tiếp tục nghiên cứu, tâm lý này có bình thường hay không? Xin rộng lòng chỉ dạy! *(Châu Gia Lân hỏi)*

ĐÁP: [Cái tâm] bon chen tranh đoạt danh lợi, cố nhiên nên nhạt mông; nhưng tấn đức tu nghiệp (tăng tấn đức hạnh, nâng cao trình độ) chớ nên tiêu cực. Ấy là vì lợi ích chúng sanh mà học Phật, ắt phải học hỏi pháp thế gian mới hòng đầy đủ phương tiện tiếp dẫn được!

* HỎI: Hành giả Luật Tông có thể vãng sanh Cực Lạc hay chăng? Hay là còn có phương pháp tu trì khác để cuối cùng sẽ trở về đó? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

ĐÁP: Mỗi tông có cách tu riêng, mục tiêu đạt được cũng có Quyền và Thật khác biệt. Vãng sanh Cực Lạc là quả của Tịnh Độ Tông, trước hết ắt phải có tín nguyện hạnh làm nhân. Nếu tu Luật Tông mà chịu hồi hướng Tây Phương, phát nguyện vãng sanh thì cũng được vãng sanh.

* HỎI: Kinh Kim Cang vốn chẳng chia thành ba mươi hai phần, nghe nói là do Chiêu Minh Thái Tử³⁶ đòi Lương chia ra [như thế], có phải là thêm vào để người đọc tụng đỡ tốn sức hay chăng? (*Trần Táo hỏi*)

ĐÁP: Kinh Kim Cang nguyên văn chẳng chia chẻ. Nếu muốn hiểu rõ về cách phân đoạn, đã có phương pháp khoa phán. Cách phân chia như hiện thời thật ra chẳng tinh tường, khéo léo, tương truyền là do Chiêu Minh Thái Tử định ra, cũng có thể nói là ý tưởng thoát đầu cũng nhằm để đọc tụng đỡ tốn công sức.

* HỎI: Đối với chuyện giữa trưa ăn một bữa, tôi đã từng xem lời giải thích trong Phật Học Vấn Đáp, mà cũng từng thỉnh giáo mấy vị pháp sư. Tự nhiên mỗi chuyện đều có lý do, tôi nghĩ chuyện này có mối quan hệ gì với thiện ác. Phong tục Trung Quốc từ xưa là ngày ăn ba bữa, Phật giáo hạn định ngày ăn một bữa, há chẳng phải là ép buộc con người tổn hại thân thể ư?

(*Trần Tử Lương hỏi*)

ĐÁP: Đối với câu hỏi này, ông đã xem lời giải thích, mà cũng đã nghe lời [các pháp sư] giảng giải, chẳng cần kẻ tầm thường phải rườm lời nhắc lại nữa! Chỉ có hai điều ông bắt bẻ “ép người” và “chẳng hợp phong tục từ xưa của Trung Quốc”, dựa vào đó để bài bác. Do tiên sinh nghi nơi ấy, nên tôi liền vâng lời phúc đáp chỗ ấy. Nhà Phật tuy có quy định giữa trưa ăn một bữa, người nào có thể giữ thì tuân thủ, kẻ chẳng thể giữ thì tùy ý. Trọn chẳng phải là mỗi giáo đồ đều phải hành như thế, há có chuyện ép buộc! Dầu là người đã thọ Bồ Tát đại giới, trong kinh vẫn dạy về giới luật cũng chỉ hạn định [giữ giới không ăn

quá Ngo] trong sáu ngày. Chỉ có người hiểu lợi ích của việc này, và hiểu rõ lý vệ sinh, phần nhiều tự động giữ quy định ngày ăn một bữa. Đây là [lời đáp cho câu vấn nạn] thứ nhất. Vũ trụ to lớn, Lý Sự muôn mối, có lẽ chẳng nên viện lẽ Trung Quốc có hay không [phong tục ấy] để phân định thiện ác. Trung Quốc thời cổ có chuyện giết người tuần táng, nay có nên vâng theo hay chẳng? Huống chi, [cổ nhân] coi ăn một bữa là quý, Trung Quốc thời cổ có lệ ăn như thế. Theo thiên Lễ Khí trong sách Lễ Ký, trong chương “*dĩ thiếu vi quý*” (coi ít là quý) có câu: “*Thiên tử nhất thực, chư hầu tái, đại phu sĩ tam, thực lực vô số*” (thiên tử ăn một bữa, chư hầu hai bữa, các quan ăn ba bữa, những người thường dân thì không có hạn định). Theo ý chung của các vị chú giải, câu này có nghĩa là bậc cao quý, đức dày, chú trọng ăn vừa no, [coi đó] là một nét tốt, chẳng quan tâm đến vị ngon của thức ăn. Ôi! Từ lúc đả đảo Khổng gia điếm³⁷, văn hóa Trung Quốc hoàn toàn mất sạch! Đây là [lời đáp cho câu vấn nạn] thứ hai.

* Hoi: Đệ tử quy y pháp sư thượng Sám hạ Vân, tu hành pháp Tịnh nghiệp nhiều năm, vâng giữ pháp trì danh, nhưng lúc niệm Phật thì ít, lúc lìa niệm thì nhiều, tâm suốt ngày sanh diệt chẳng ngừng, sanh, trụ, di, diệt, chẳng thành thể thống gì! Đệ tử đọc các trước tác của chư tổ sư xưa nay, thấy những câu như: “*Người học Phật chỉ cầu kiến tánh, mới là Phật tử*” v.v.. Do vậy, gần đây đọc Lục Tổ Đàn Kinh, [thấy kinh ấy] cũng luận định kiến tánh, trực chỉ nguồn tâm: “*Thành Phật, làm Tổ, chỉ do một tâm này, ai nấy vốn sẵn có, người người viên thành. Chúng sanh do mê, nên chẳng biết tự tâm là Phật*”. Do vậy, đệ tử tính bỏ Tịnh nghiệp để học Thiền, mong bái Ngài làm thầy, mong mỗi Ngài từ bi nhiếp thọ. Công khóa hằng ngày ấn định theo cách nào? Thời giờ tọa Thiền nên như thế nào? Xin hãy dạy rành rẽ! (*Trịnh Quân Hải hỏi*)

Đáp: “Kiến tánh thành Phật” là lời khẳng định quy kết về nguồn cội, nhưng cách kiến tánh như thế nào thì mỗi pháp mỗi khác. Đó gọi là: “*Quy nguyên vô nhị lộ, phương tiện hữu đa môn*” (về nguồn không hai lối, phương tiện có nhiều môn). Cư sĩ tuy đọc nhiều kinh điển, nhưng nói chung là thiếu người chỉ dạy, chẳng có hệ thống, nên mới gặp cảnh nghi ngờ, đi vào ngõ rẽ! Cần biết rằng: Tham Thiền nhằm cầu kiến tánh, nhưng niệm Phật cũng là cầu kiến tánh, nhưng có thể kiến tánh hay không chẳng phải là chuyện đơn giản! Nếu

kiến tánh, đương nhiên là tốt đẹp. Lỡ chẳng kiến tánh thì vẫn thuộc trong vòng khổ sở chẳng ngớt! Chỗ ổn thỏa của Tịnh Tông là đời nghiệp vãng sanh. Nếu kiến tánh trong đời này, cố nhiên là Thượng Phẩm, chứng [Vô Sanh] Pháp Nhẫn. Dầu chẳng kiến tánh, cũng đã thoát luân hồi. Cư sĩ đã quy y sám công, hãy nên nương theo Ngài tu Tịnh Độ, chớ nên sáng Tàn tối Sở, giờ con cò lên chẳng biết đặt xuống nơi nào nhất định, lỡ làng tiền đồ! Kẻ tầm thường này tuy xưa kia có học Tham Thiền đôi chút, nhưng tiểu ngộ cũng chưa có, đâu dám làm kẻ đui hướng dẫn người khác, mong hãy rộng dung!

* HỎI: Đối với quan niệm chính trị, Phật tử nên giữ thái độ như thế nào là thích hợp? (*Huệ Khang từ Phi Luật Tân hỏi*)

ĐÁP: Giáo đồ nhà Phật cũng là một phần tử công dân, phải dốc lòng trung đối với đất nước, tư tưởng thuần khiết, há có hai lòng! Phạm vi của cuộc hỏi đáp này vốn chỉ xoay quanh Phật lý, chẳng dính đến chính trị. Tiên sinh cứ gạn hỏi thì tôi thuộc hạng người chuộng cổ, nhưng biết “*đà hành bất nghĩa, tất tự tử*” (làm lắm chuyện bất nghĩa, ắt tự diệt vong) và “*nhân giả vô địch ư thiên hạ*” (người nhân từ thì trong thiên hạ chẳng có ai là kẻ đối địch). Hai câu này là giáo huấn của cổ nhân, là thiên kinh địa nghĩa.

* HỎI: Gần đây, tứ chúng học Phật, hễ quy y một vị thầy, ắt mong được ban một pháp hiệu. Pháp hiệu lại còn phải có chữ định cho từng thế hệ trong tông phái³⁸. Chữ đặt trong kệ truyền tông phái vốn là theo tông phổ của thế tục. Xưa kia, các vị đệ tử của đức Thích Ca như Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Tu Bạt Đà La v.v... đều chiếu theo tên họ vốn có [để xưng hô], trọn chẳng ban pháp hiệu theo pháp phái. Phật pháp truyền sang phương Đông, thoát đầu, Tăng Già vẫn dùng tên họ thế tục, về sau, có thể là lấy theo họ của thầy. Đời Tấn, pháp sư Đạo An đề xướng bỏ họ ngoài đời, theo họ Thích của đức Thích Ca. Sư có nói: Do sau bản kinh A Hàm được dịch vào đời Hán, có những câu như: “*Bốn con sông đổ vào biển, chẳng còn tên sông nữa*” v.v... [từ đây tăng nhân Trung Quốc] mới thật sự phổ biến thói quen bỏ tên họ gốc (tên họ ngoài đời). Khi ấy, chẳng những chưa có tự phái (kệ truyền thừa của pháp phái) mà giữa thầy và trò, pháp hiệu cũng ưa dùng lại một chữ, như Cao Phong và Trung Phong là theo lệ ấy. Sau thời Triệu Tống (Bắc Tống), các

phái đặt kệ truyền pháp rất phổ biến, hai chúng xuất gia cũng không ra ngoài lệ ấy, nên sau khi xuất gia, bỏ họ ngoài đời, lập phổ hệ mới, không khỏi hòa theo thói tục, muốn cho môn hộ, hệ phái chẳng ngày càng suy vi, há có được chẳng? Có nên trừ khử tận gốc thói quen hèn tẻ thuộc loại vô minh này hay không? (*Triệu Siêu hỏi*)

Đáp: Chuyện này xưa kia Ngẫu Ích đại sư đã từng nói tới, nhưng tới nay vẫn chẳng thay đổi. Luận theo phương diện Quyền, đối với ý nghĩa và tông chỉ của kinh luật, trọn chẳng có mâu thuẫn gì. Thuận theo lối xưa, hay theo kiểu hiện thời, dường như chẳng cần chấp nhặt. Hễ chấp thì chỗ nào cũng bị chướng ngại. Nếu cứ ắt phải trở lại lối cũ, há phải chỉ có chuyện này? Ngày nay, chuyện cơm áo, cư trụ của Tăng Già đều trở thành đề tài tranh luận. [Có những người khảo cứu thấy] thời đức Phật chẳng mặc áo hải thanh, thức ăn phải đi xin, chẳng ở trong chùa miếu, trừ những điều này ra, những chuyện vụn vặt còn nhiều hơn nữa, không thể kể xiết! Tôi trộm cho rằng: Đối với phương diện chất lượng, hãy nên nương theo kinh, đối với phương diện ứng dụng, chỉ cần không tổn hại đại thể, thuận theo cõi đời mà diễn biến cũng chẳng trở ngại gì. Còn như nói “do vậy sẽ tạo thành môn hộ”, dường như không phải thấy đều như thế, hoạn quan Mạnh Tử, Mạnh Tử xứ Ngô, Mạnh Tử người đất Trâu³⁹, tên vốn giống nhau, há có kết thành bè phái ư? Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán, Tử Cầm Trương⁴⁰, tên họ mỗi người mỗi khác, chẳng trở ngại tâm đầu ý hợp! Lại nghi [cách đặt pháp hiệu theo pháp phái] có phải là thói quen hèn kém do vô minh hay không, cố nhiên đây là một thói quen, nhưng nó chẳng dính dáng gì đến vô minh cả!

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên

Phần 1 hết

---o0o---

Phần 2

* Hỏi: Theo báo Bồ Đề Thụ kỳ thứ chín, điều thứ mười trong Châu Tử Biện Dị Lục có một câu nói về linh quý, chẳng biết nghĩa là gì? (*Ngô Diêu Vinh hỏi*)

Đáp: Trong lục đạo chúng sanh có quỷ đạo, tức là như thế tục hay nói: “*Người chết thành quỷ*”, có loài quỷ thông minh có thần thông, nên gọi là “*linh quỷ*”.

* Hỏi: Nói “*phước báo thiên*” là chỉ chư thiên trong Dục Giới hay là Sắc Giới Thiên? (*La Đức Chương hỏi*)

Đáp: Chỉ chung tam giới, do phước khác với huệ. Nếu là người có trí huệ, sẽ vượt khỏi tam giới.

* Hỏi: Niệm Phật có thể vãng sanh, lại còn có thể tu bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, bất luận nhàn rỗi hay bận bịu. Như vậy thì Phật giáo chẳng cần đến Tăng đoàn, [Tăng đoàn] chỉ tốn hao nhiều tiền tài của thí chủ mà thôi! Nếu người xuất gia làm chuyện hoằng pháp thì kẻ tại gia cũng có thể hoằng pháp. Nếu người xuất gia chẳng hoằng pháp, há chẳng phải là đâm ra mắc tội ư? (*Lý Vĩnh Bạch hỏi*)

Đáp: Đoạn trước [trong câu hỏi của ông] ý nghĩa chẳng rõ ràng, nên chẳng thể đáp được. Trong đoạn sau, [đối với câu hỏi] người xuất gia chẳng hoằng pháp v.v... có thể phỏng theo ý nghĩa quở trách bậc hiền giả để có thể nói là vị ấy chẳng phát đại tâm mà thôi!

* Hỏi: Vì sao cư sĩ chẳng thể cho người khác quy y? Cư sĩ hữu đức, hữu học, há chẳng tôn quý, thù thắng hơn kẻ xuất gia vô đức, vô học ư? Vì sao cư sĩ hữu đức hữu học vẫn phải hướng về kẻ xuất gia vô đức, vô học đánh lễ? (*Lý Vĩnh Bạch hỏi*)

Đáp: Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo nhất thể, đây là nghĩa lý nhất định trong Phật giáo. Tăng là tiếng gọi chung cả tập đoàn tỳ-kheo, chứ không chỉ một ai. Lời dạy của Phật được giữ trong kinh, Tăng đoàn có trách nhiệm lưu truyền kinh. [Phật, Pháp, Tăng] như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chẳng thể được. “*Quy y Tăng*” là quy y Tăng đoàn, chứ không phải là bái một ai đó làm thầy! Cư sĩ chẳng thuộc vào đó, nên chẳng có tư cách quy y cho người khác. Nay tôi lập ra một thí dụ để giảng rõ: Trường học có hiệu trưởng, có giảng nghĩa (những nghĩa lý được giảng dạy), có đông đảo giáo sư. Học sinh vào trường,

ắt cần phải nương theo ba thứ trên đây để học hành thì mới được ghi vào hồ sơ. Nếu kẻ ấy học ở ngoài trường ấy, theo người khác học giảng nghĩa, mà xưng là đã học từ trường ấy ra thì có được hay chẳng? Còn như đánh lễ người xuất gia thì cũng là [đánh lễ] toàn thể Tam Bảo, trọn chẳng phải là chuyên kính trọng một người nào. Túc hạ nói người xuất gia vô đức, vô học, cố nhiên là có người như vậy, nhưng chẳng thể bảo toàn bộ Tăng đoàn đều là như thế. Cư sĩ hữu đức, hữu học, chẳng thể bảo là không có ai, nhưng hiện thời hãy xét coi, có ai được như Duy Ma Cật, Nguyệt Thượng Nữ, Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Phó Huyền Phong, Bàn Đạo Huyền chư hiền?

* HỎI: Chúng sanh phiền não chưa đoạn, khi được Phật tiếp dẫn tới thế giới Cực Lạc, nếu tập khí ác trước kia lại khởi lên, sẽ làm ác, há Tịnh Độ chẳng bị quây lung tung thành đời ác Ngũ Trược u? Chúng sanh do gây tạo vô thí vô minh đến nỗi luân hồi trong sáu nẻo không ngơi, huống chi tập khí ác trùng trùng? (*Lý Vĩnh Bạch hỏi*)

ĐÁP: Tâm vốn chẳng sanh, do cảnh mà có, các pháp do duyên sanh. Hãy thử nhìn xem cảnh duyên nơi Cực Lạc giống như thế nào, sẽ biết lời hỏi ấy thuần là hý luận!

* HỎI: Đệ tử Phật áo mũ đơn sơ, giản dị, chẳng đeo anh lạc. Phẩm Phổ Môn có chép: Vô Tận Ý Bồ Tát cởi chuỗi anh lạc kết bằng các thứ bảo châu đeo trên cổ đem tặng [Quán Thế Âm Bồ Tát]. Bồ Tát là bậc tiên giác học Phật, trên thân đeo chuỗi anh lạc, nghĩa là sao? (*Cung Văn Thái hỏi*)

ĐÁP: Người học Phật còn tu nhân, hết thấy đều giản dị, sơ sài, chỉ sợ phương hại đạo tâm, nên phải tận lực tránh né trần nhiễm. Bồ Tát nơi quả địa, mãn phận nhị nghiêm (phước trí vẹn toàn), trọn đủ trăm phước, [các thứ trang nghiêm] tự nhiên hiện ra; như tỳ-kheo thời đức Phật râu tóc tự rụng, ca-sa đắp trên thân. Phật và Chuyển Luân Thánh Vương đều trọn đủ ba mươi hai tướng, đó là phước báo. Đó là lý do thứ nhất. Bồ Tát là đại phước điền, vì từ bi, thường nhận cúng dường. Đó là lý do thứ hai.

* HỎI: Thái Tử Tất Đạt Đa giảng sanh trong vương cung xứ Ca Tỳ La Vệ ở Trung Ấn Độ. Nơi trang ba mươi của bộ Viên Anh Pháp Sư Giảng Diễn

Tập, luận về Phật giáo và nhân sinh đã viết: “*Phật là bậc đại giác ngộ, giáng sanh trong nước Ca Duy Vệ của Trung Ấn Độ, làm Hoàng Thái Tử...*”

Ca Duy Vệ và Ca Tỳ La Vệ là hai nước ư? (*Cung Văn Thái hỏi*)

Đáp: Đây là dịch âm khác nhau, như A Bệ Bạt Trí và A Duy Việt Trí, A Tu La và A Tổ Lạc... Những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng có gì là lạ. Hiện thời cũng chẳng thiếu gì chuyện ấy. Như Trung Quốc dịch tên hai nước Đức và Nga là Đức Ý Chí (Deutschland) và Nga La Tư (Russia), người Nhật dịch là Độc Dật và Lộ Tây Á v.v...

* Hỏi: Các tôn giáo đều là khuyến thiện, pháp luật chấp thuận tự do tín ngưỡng. Tôi nghĩ bất luận học một tôn giáo nào cũng đều là học lấy sự tốt lành, nhưng các tôn giáo công kích lẫn nhau, hành động như thế có thể coi là thiện ư? Nếu dựa vào nói suông để khuyến kẻ khác học theo điều thiện, chính mình bất thiện, có phải là có chút mâu thuẫn hay không? (*Một độc giả tại Hoa Liên hỏi*)

Đáp: Tuy các tôn giáo đều khuyến thiện, Phật giáo tự có tánh chất đặc biệt, tức là chú trọng liễu sanh thoát tử, các tôn giáo khác chưa thể triệt để, điều này ắt phải nghiên cứu giáo nghĩa sâu xa rồi so sánh mới biết được. Nếu nói là học điều tốt, chẳng phải là nói phạm vi của tôn giáo chỉ hạn chế trong việc trở thành người tốt ư? Nếu biết suy lường, [sẽ nhận biết] Phật giáo chẳng phải chỉ có vậy mà thôi. Nói đến chuyện công kích thì chính là vấn đề giữa con người với nhau, chẳng phải là giáo nghĩa như thế, nhưng Phật giáo từ xưa luôn chịu đựng công kích, chẳng hề tự mình khởi xướng [chuyện công kích kẻ khác]. Nay tuy tranh biện với kẻ khác, cũng là do một số ít người kém sức nhẫn nại, nên chống lại mà thôi. Vì tính cách hộ pháp mà chẳng thể không có người như vậy, mâu thuẫn há phải tại ta ư?

* Hỏi: Kinh điển Phật giáo chữ đã kỳ quái, mà lời văn lại khó hiểu. Hiện thời vẫn giữ phương pháp cũ kỹ, chẳng biết thay đổi cho tốt đẹp hơn; do vậy, sức truyền giáo chẳng sánh bằng đạo Chúa. Tại hạ [phê phán như vậy] vẫn là do hảo ý, sao không nghĩ cách dịch cho kinh văn thông tục hơn một chút, khiến cho người khác vừa xem liền hiểu ngay! (*Một độc giả tại*

Hoa Liên hỏi)

Đáp: Thế tục có tục học, thánh có thánh học, thánh có thể bao gồm tục, nhưng tục chẳng thể gồm thâm thánh. Tuy vậy, trọn chẳng phải là không thể [lãnh hội thánh học], ắt phải tinh tấn cầu học, tuân theo thứ tự, có thể dần dần nâng cao trình độ. Giống như nhà trường trong thế tục, có Tiểu Học, Sơ Trung, Cao Trung, Đại Chuyên v.v..., chẳng thể nhảy lớp được! Hoặc như đối với văn học thế tục, kẻ ít thông đạt, dẫu đọc sách của Khổng Tử cũng chẳng thể hiểu, huống là kinh Phật ư? Nếu như dạy cho người ấy kinh văn thông tục, hễ nghe liền dễ hiểu, đấy chính là khiến cho kẻ căn tánh kém hèn chẳng thể tiến nhập cao sâu. Xin hãy coi các thứ bảo quyển⁴¹ và loan thi (thơ giảng cơ) của các thiện đường đều là vừa thông tục, vừa khuyến thiện, nhất là xem các truyện Tây Du Ký, Phong Thần Bảng v.v... càng cảm thấy thông tục, mà cũng có thể cảnh tỉnh cõi đời, nhưng có gì dính dáng tới đạo đâu! Còn như nói phiên dịch kinh sách, [điều này chưa thể tiến hành là vì] lý do tuyệt đối chẳng đơn giản, chẳng phải là có thể giải quyết trong vài câu! Xin hãy xem bản dịch Tứ Thư sang Bạch Thoại của Giang Hy Trương, trăm nỗi sai lầm, đã sớm bị kẻ hiểu biết chê trách. Thế đế mà còn như thế, thì cũng có thể biết thánh đế như thế nào!

* Hỏi: Ngày Hai Mươi Bốn tháng Chạp theo tục lệ là ngày tiễn thân, chẳng biết có ý nghĩa gì? (*Liên hữu thuộc ban Triều Tân hỏi*)

Đáp: Ngày hôm ấy tổng tiễn chư thân, chính là một diễn biến khác [của cô tục] ở nơi đây. Theo cổ tục Trung Quốc, ngày hôm ấy là ngày tiễn ông Táo, chẳng dính líu gì đến Phật học, cho nên chẳng cần phải bàn luận nhiều!

* Hỏi: Đại Thế Chí Bồ Tát là vị Bồ Tát nào? Tu thành tựu địa vị Bồ Tát nào? Đạo tràng ở đâu? Nhiệm vụ của Ngài như thế nào? (*Trần Thánh Âm hỏi*)

Đáp: Tứ sanh lục phàm trong mười pháp giới đều từng xoay vần nhiều kiếp, trong kinh cũng chẳng ghi chép trọn hết tên họ của từng người [trong các đời quá khứ] được. Những người được ghi chép đều là mấy vị đã quen nghe đến,

biết đến, nhưng [kinh điển] cũng chỉ [chép] mấy đời có liên quan tới cái quả trong hiện tại. Hiểu rõ điều này, ắt sẽ biết các vị đều tu tập nhiều kiếp. Ở đây nêu lên một vị, quả thật e rằng đã sót cả vạn, đâm ra chẳng hay lắm. Đạo tràng của vị Bồ Tát này hiện ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài cùng Quán Thế Âm Bồ Tát phù tá A Di Đà Phật, thực hiện nhiệm vụ tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Cực Lạc.

* Hỏi: Các thành viên trong gia đình do cá tánh, chí hướng, yêu thích đều khác nhau, đến nỗi cảm tình giữa đôi bên ngày càng xấu kém, tinh thần bị đè nén trong một thời gian dài. Nếu tranh luận, ắt sẽ phạm khẩu nghiệp. Nếu không, trong tâm chẳng thể kìm nén sự phẫn nộ. Trong Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có nói: “*Thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được liã sân*”, tôi cũng thường tuân lời Bồ Tát thực hành nhưng vô hiệu! Xin hỏi có phải là vì bản thân nghiệp nặng, nên Bồ Tát chưa thể cảm ứng hay không? Đối với cảnh ngộ như vừa mới trình bày, nên dùng thái độ nào để ứng phó? (Trần Thánh Âm hỏi)

Đáp: Tuy cư sĩ đã học Phật, nhưng đọc mấy câu hỏi, sợ rằng cư sĩ chỉ biết Sự, chưa hiểu Lý! Tám nỗi khổ trong đời người, trong ấy có hai thứ là chán ghét mà phải gặp gỡ và yêu thương phải chia lìa, trong gia đình cảm nhận nỗi khổ ấy nặng nề nhất. Nếu hiểu Lý, sẽ chiếu phá giả tướng, thấy mọi thứ đều bình đẳng, không khổ, không sướng. Dầu trong nhất thời, chưa thể đạt đến cảnh giới ấy, cũng nên quán trừu tượng: Quyển thuộc chẳng hợp ý kiến, thường dấy lên xung đột, sẽ có thể giảm nhẹ nỗi khổ do yêu thương mà phải chia lìa, vừa khéo để cắt đứt vướng mắc, chuyên tâm tu hành, đó là chuyển đổi chướng ngại, biến nó thành Tăng Thượng Duyên. Còn như niệm thánh hiệu không có hiệu quả, là do phiền não ma trong tự tánh nặng nề, sức Tam Bảo trong tự tánh quá nhẹ, liền biết hai phần nhiễm và tịnh trong tự tánh đang tranh hùng với nhau. Hễ mê thì nhiễm chướng ngại tịnh, hễ giác khởi lên thì tịnh chế ngự nhiễm. Nhiễm chướng ngại tịnh là “*pháp nhược, ma cường*” (pháp yếu, ma mạnh); tịnh chế phục nhiễm là đạo thắng, ma lùi. Mấu chốt là sức giác chiếu có đủ hay không?

* Hỏi: Niệm Phật muốn giải thoát sanh tử, thoát khỏi nỗi khổ luân hồi trong lục đạo, vì sao chỉ có rất ít người có thể liễu ngộ đời trước, còn đại đa số đều chẳng biết gì, tôi chưa hiểu đạo lý này! (*Huệ Diệu hỏi*)

Đáp: Điều này thuộc về vấn đề tri thức của mỗi người, như Nho sĩ trong cõi đời đọc câu “*du hồn vi biến*”⁴² trong Châu Dịch và câu “*vị tri sanh, yên tri tử*” (chưa biết rõ sống, làm sao biết chết) trong Luận Ngữ, Tả Truyện chép Bành Sanh hóa thành lợn, Sử Ký chép Như Ý là chó v.v... liền ngộ con người có đời trước. Kẻ học Phật đắc Túc Mạng Thông, biết đời trước, hoặc hiểu sâu xa Phật lý cũng tin có đời trước chẳng phải là hư huyền, nhưng giữa biển người, bậc kiệt xuất nói chung như “lông phượng, vảy lân”, những kẻ không biết [đông đảo như thế] có gì là lạ?

* Hỏi: Hư không vô cùng, đại thiên vô tận, Phật giáo cũng thế, nhưng vị Thi Giác tối sơ đã nương vào đâu mà giác, [giác ấy] có phải là vô thị hay không? (*Lý Học Thi hỏi*)

Đáp: Muốn biết Thi Giác, ắt trước hết phải biết Thi Mê. Nếu tiên sinh có thể biết rõ Thi Mê, sẽ tự hiểu rõ Thi Giác do nương vào đâu mà giác. Cuối cùng, [tiên sinh] lại nêu ra câu chất vấn: “Có phải là vô thị hay không?” Trong ý của Ngài có nỗi nghi vấn này, dường như có chỗ tự mâu thuẫn với chính mình. Trong phần trên, chẳng phải là tôi đã nói: “Để biết về giác, ắt trước hết phải biết về mê”. Kẻ hèn này học ít, chỉ nghe nói “vô minh” (mê) có “vô thị”, lại nghe nói có Bản Giác; xét kỹ, chữ Bản cũng chứa đựng ý nghĩa “vô thị”. Xin hãy gộp [những điều trên đây] để xem xét, chắc nỗi nghi của tiên sinh sẽ tiêu tan!

* Hỏi: Đức Phật dùng chánh pháp để đánh thức quần mê, nếu chín mươi chín chúng sanh đã chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì một chúng sanh cuối cùng có thể chứng đắc hay không? (Vì chữ Phật dịch ra là “tự giác, giác tha, giác hành viên mãn”. Dựa theo nghĩa này để giải thích thì

chúng sanh cuối cùng có thể tự giác, nhưng không có giác tha và giác hạnh viên mãn!) (*Lý Học Thi hỏi*)

Đáp: Đối với những kinh kẻ hèn này đã được đọc, được nghe, chỉ biết đến những lời như “hư không vô tận, thế giới vô tận, chúng sanh vô tận” v.v... hề biết bèn có thể dựa theo kinh để kính cẩn đáp lời. Nếu bàn đến câu hỏi về một chúng sanh cuối cùng, há chẳng phải là hý luận, chẳng phải là giả thiết ư? Tôi vốn chẳng thể đáp, nhưng lại sợ chẳng nhắc đến sẽ thiếu cung kính, chỉ đành vượt khỏi phạm vi [hiểu biết của chính mình] mà nói bừa: “Chúng sanh cuối cùng” nghĩa là chỉ còn sót lại một chúng sanh ấy, sau đó sẽ chẳng còn sanh nữa, nên một chúng sanh còn sót lại ấy ắt sẽ nghiệp tận, tình không, cho nên mới có thể chẳng sanh. Nếu không, vẫn còn sanh, chẳng thể nói là “tối hậu”.

Nếu chúng sanh ấy nghiệp tận tình không, chẳng còn đầu thai, có thể nói là “tối hậu”, cũng ắt trước hết phải độ chúng sanh, rồi mới chứng quả ấy. Dầu không có chúng sanh nào khác để độ, thì vẫn còn chúng sanh trong tự tánh để độ, vậy là tự độ và độ tha, không nghĩa nào chẳng viên!

* Hỏi: Đối với những người chẳng thấu liễu hành vi, chẳng ra tăng, chẳng ra tục, có thể gửi thư cảnh cáo hay chẳng? Nhưng cảnh cáo đối phương, chẳng tránh khỏi tạo khẩu nghiệp; nhưng tạo khẩu nghiệp chỉ là một người, nếu đối phương biết lỗi ắt sửa, sẽ duy trì, bảo vệ được danh dự Phật giáo cho đại chúng. Khẩu nghiệp ấy sẽ chứa đựng trong thức thứ tám, hay sẽ do đối phương hồi cải mà băng tiêu? (*Nhan Phật Triệu hỏi*)

Đáp: Đầy dẫy trong thiên hạ đều là như vậy, dường như chẳng thể cảnh cáo xiết! Cổ nhân chẳng nắm giữ địa vị, chẳng mưu tính đến sự cai trị, mà còn phân chia kẻ nào có thể nói, kẻ nào chẳng thể nói! Cư sĩ tuy sẵn nhiệt tâm, nhưng nếu chẳng phải là quan hệ bạn bè thân thiết, chớ nên đùng chạm để rồi chuốc oán. Còn đối với câu hỏi về khẩu nghiệp, vốn là chuyện lo nghĩ quá đáng! Phạm lợi lạc chúng sanh, dẫu quở trách, mắng chửi, vẫn là thiện nghiệp.

Hại chúng sanh, dù là cung kính, khen ngợi, vẫn là ác nghiệp!

* Hỏi: Trong sách do đàn cầu cơ ở tỉnh nhà [lưu truyền], có những bài do Thích Ca Mâu Ni Phật, Tây Phương Giáo Chủ và chư vị Bồ Tát v.v... mười phương ba đời chư Phật đến giáng bút, có chuyện ấy hay chẳng? (*Trần Kiện Hưng hỏi*)

Đáp: Có trường hợp là do kẻ hâu cơ bịa đặt [những bài giáng bút ấy] để dối đời! Có trường hợp do linh quỷ mạo danh gạt người. Tuy nói là giả mạo danh nghĩa, rốt cuộc vẫn là khuyến thiện, nhưng lời lẽ quê kệch, hoang đường, quả thật có thể gây trở ngại cho chánh tín của người khác, có lợi ích nhỏ nhặt cho những vùng quê mùa hẻo lánh, nhưng có hại lớn cho chánh đạo!

* Hỏi: Tôi vốn là loan sanh (thanh đồng chuyên phò cơ), nay đã quy y Tam Bảo làm đệ tử Phật, chẳng đến loan đường (điện cầu cơ) có bị các thần khiển trách hay chẳng? Nếu lại làm loan sanh thì có phù hợp với giới điều quy y hay không? (*Trần Kiện Hưng hỏi*)

Đáp: Thoạt đầu, thọ Tam Quy, được gọi là Phiên Tà Tam Quy, có nghĩa là cải tà quy chánh. Phật là thầy của trời người, là đáng được cả tam giới tôn quý; ai dám khiển trách đệ tử Phật? Giới đầu tiên trong Tam Quy là “*quy y Phật, chẳng còn quy y thiên ma ngoại đạo*”. Nếu lại làm loan sanh, rành rành là phạm quy giới, đánh mất tư cách đệ tử Tam Bảo!

* Hỏi: Chuyên ở nhà xem kinh sách và niệm Phật có được hay không? (*Trần Kiện Hưng hỏi*)

Đáp: Phật pháp viên dung, phương tiện tùy duyên, lẽ nào chẳng được! Chỉ có thành tâm là điều kiện bậc nhất, những thứ khác đều là phụ thuộc!

* Hỏi: Học Phật vì lẽ gì? Mục đích là như thế nào? Có đệ tử Phật bảo tôi là vì liễu thoát sanh tử, giải thoát lục đạo luân hồi, tôi nghĩ đó là cảnh giới xuất thế, nhưng phàm nhân chúng sanh nhập thế phải nên làm gì để đạt đến cảnh giới ấy? (Hoặc là thấy thấu suốt sanh tử, hay là sống chết thuận theo tự nhiên) (*Kỳ Vũ hỏi*)

Đáp: Nhập thế thì hãy nên “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, hiếu, đễ, trung, tín, chớ để thiếu sót*”. Đây là kiểm chế bản thân. Tiên hơn nữa

là Lục Độ, Tứ Nhiếp, phương tiện thiện xảo, rộng độ chúng sanh vượt sang bờ kia. Đó là lợi tha. Hai điều vừa nêu trên đây đều là đạo phải làm trong học Phật nhập thế. Hiểu rõ chuyện này, sẽ biết xuất thế dễ, mà nhập thế khó. Hơn nữa, hiểu Phật lý thì mới có thể thấy thấu suốt sanh tử. Đã học Phật, ắt sẽ chẳng phó mặc sanh tử cho tự nhiên.

* Hỏi: Đối với giới tà dâm trong Ngũ Giới, có đệ tử Phật bảo tôi, thường quán tưởng [kẻ mà ta khởi lên tâm niệm] là thân nhân, sẽ tự giữ được. Tôi là thanh niên ba mươi mấy tuổi chưa kết hôn, lại làm việc giữa cả đồng chúng sanh, bên ngoài bị lời dâm, tiếng tà dẫn dụ, bên trong có những xung động sinh lý, hướng chi sống trong vùng á nhiệt đới⁴³, tôi không có cảnh giới học Phật khá, tuy quán tưởng là người thân, vẫn chẳng thể khắc chế ma chướng. Tự biết đòi trước nghiệp nặng, xin hãy chỉ dạy phương pháp, khó nhất là không chế về mặt sinh lý! (*Kỷ Vũ hỏi*)

Đáp: Người tại gia vốn được phép chánh dâm trong hôn nhân, cần gì phải chuyên nghĩ đến tà dâm? Dầu chẳng học Phật mà phạm tà dâm thì cũng chẳng được đạo đức lẫn pháp luật chấp thuận, lại còn bị báo ứng nhân quả chi phối. Cầu khoái lạc chỉ trong chốc lát, chịu khổ ngàn kiếp, người thật sự thông minh sẽ tự có thể không chế. Người ta nói “quán tưởng là người thân”, chẳng qua là một phương pháp! Nếu dùng loại thuốc ấy chẳng được, hãy nên đổi loại thuốc khác, có thể chọn cách quán năm thứ bất tịnh để hành, thử xem như thế nào.

Chú thích: Ngũ Bất Tịnh Quán là:

1. Chủng tử bất tịnh: Thân này lấy nghiệp đã kết trong quá khứ làm mầm mống, hiện nay lấy tinh huyết của cha mẹ làm mầm mống.

2. Trụ xứ bất tịnh: Ở trong thai mẹ là chỗ bất tịnh.

3. Tự tướng bất tịnh: Thân này có chín lỗ, thường tuôn chảy đờm, nước mắt, đại tiểu tiện, các thứ bất tịnh.

4. Tự thể bất tịnh: Thân do ba mươi sáu vật bất tịnh⁴⁴ hợp thành.

5. Chung cánh bất tịnh: Thân này đã chết, đem chôn tan thành đất, trùng ăn vào thải ra phân, hỏa thiêu biến thành tro. Truy tìm đến rốt ráo, chẳng có một tướng thanh tịnh nào!

* Hỏi: Xin hãy chỉ dạy những sách vở căn bản nói về phương pháp trì giới và nhân quả thần thông trong Phật giáo. (*Kỷ Vũ hỏi*)

Đáp: Người mới học đọc về giới thì có sách Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu⁴⁵ dễ hiểu nhất. Sách nhân quả nhiều đến nỗi chẳng thể kể xiết, chắc là những nơi lưu thông kinh Phật đều có, nhưng viết bằng Văn Ngôn hay Bạch Thoại khác nhau, cần phải do chính mình chọn lựa. Có hai cuốn Thọ Khang Bảo Giám và Dục Hải Hồi Cường đều nói về cái hại do phạm lỗi tà dâm, hãy nên chọn đọc trước. Sách ấy là thuốc chữa căn bệnh của tiên sinh vậy!

* Hỏi: Trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao có nói: “*Nếu kẻ nào trung tiện, xông thâu Tam Bảo, có thể bị đọa làm giòi trong nhà xí*” (xem trang chín mươi hai sách [Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao] Tinh Hoa Lục). Nếu khi chúng ta đeo đội huy chương có hình Phật hay mật chú, ở chung với người khác, trong ấy có người trung tiện, xông trúng huy chương có hình Phật hay pháp bảo trên thân chúng ta, kẻ nào sẽ mắc tội? (*Huệ Khang hỏi*)

Đáp: Tội ở nơi hữu tâm tạo tác, ta đeo huy chương có hình Phật hay mật chú, người ấy làm sao có thể biết được? Hễ có chuyện như vậy, chúng ta nên tránh né để đôi bên chẳng phạm lỗi! Nhưng kẻ hèn này cho rằng những vật như huy chương có hình Phật hoặc mật chú chớ nên đeo thường xuyên, vì người tại gia, ở trong nhà phần nhiều bất tịnh, đấy cũng là khinh nhờn, hoặc lỡ quên đeo luôn vào nhà xí, sẽ thành bất kính!

* Hỏi: Trong nhà tôi không có Phật đường thích đáng, trong khi niệm công khóa mỗi sáng trong phòng, nhằm lúc người nhà cầm xô nước tiểu đi qua cửa, mùi hôi thường xông vào tận phòng tôi, ai sẽ bị mắc lỗi? (*Huệ Khang hỏi*)

Đáp: Người học Phật cần phải có trí huệ và từ bi, đã sợ uest vật xông thâu Phật thì hãy nên phương tiện thiện xảo, dựa theo tình hình mà tìm cách. Người ấy cầm xô nước tiểu đi ngang qua cửa, chẳng bước vào phòng, sao không làm

một tấm màn vải, treo ở cửa phòng để ngăn chặn? Ông lại nhiều lượt hỏi tội thuộc về ai, dẫu thuộc về người khác, nhưng người ấy tạo tội hoàn toàn do ta, ta yên lòng được sao?

* Hỏi: Nếu bị quỷ thần khuấy nhiễu nhiều thân tâm, sẽ có hiện tượng gì?
(Huệ Khang hỏi)

Đáp: Cũng chẳng nhất định, vì tội nghiệp có lớn nhỏ, oán độc có cạn hay sâu, nên hiện tượng ngàn muôn sai biệt, cũng chẳng phải là một trạng thái!

* Hỏi: Tôi kể từ khi bị bệnh tới nay, mỗi ngày thường thấy vật gì đó trong suốt bay quanh, trong ngực lại còn như có vật gì lấp đầy, ép chặt, chẳng thể thoải mái. Nếu lúc niệm Phật ra tiếng thì càng nặng hơn, dường như có người dùng bàn tay đè lên vậy. Khi ngủ, cũng từng mộng thấy có vật gì đó tay cầm đao muốn đâm tôi, nhưng tôi nhanh nhẹn chạy tránh khỏi, rốt cuộc bị nó đâm trúng lưng và hông, khi tỉnh giấc mới biết là do bắp thịt co rút. Có lúc cũng mộng thấy đang ăn gì đó, tôi chẳng biết có phải là ngạ quỷ hay chăng? Bình thường, tôi cảm thấy tâm thần u ám, buồn bực, rón da gà, lại còn thường sanh tâm kinh hãi, sân hận, ngờ vực. Đối với tình hình như trên, mong lão cư sĩ ấn chứng có phải tôi bị bệnh do quỷ khuấy phá hay chăng? Nên chữa trị như thế nào? (Huệ Khang hỏi)

Đáp: Tình trạng bệnh tật như ông đã nói, cũng sợ rằng là do oan nghiệt đời trước, hãy nên một mặt kiếm bác sĩ giỏi để chẩn đoán, chữa trị; một mặt nên cầu cao tăng, sám hối, thọ giới, chí tâm niệm Phật, hồi hướng trọn khắp, sẽ có thể hóa hung thành cát.

* Hỏi: Nếu người lúc đi ngủ, liền bất tỉnh nhân sự, ngẫu nhiên được lay gọi trong lúc ấy sẽ tỉnh lại, đây là do nguyên cớ nào? (Hà Khôn Mậu hỏi)

Đáp: Sự thấy, nghe, hay, biết, hết thảy động tác của con người hoàn toàn cậy vào lục căn và lục thức phan duyên lẫn nhau, liên lạc với nhau mà sanh khởi. Ở đây, tôi dùng đồng hồ để tỷ dụ, ý thức như dây cốt (dây thiêu), năm thức trước giống như các bánh xe răng cưa điều khiển kim giờ v.v... Khi ngủ giống

như ngưng chạy, “ngưng chạy” để tạm nghỉ, nhưng sức thúc đẩy của dây cót trợn chẳng mất đi, tỉnh lại giống như lên dây cót cho “đồng hồ chết” khiến cho nó lại chạy. Sức thúc đẩy của dây cót phát ra, các bánh xe răng cưa điều khiển kim giờ đều khởi tác dụng. Đây là giảng theo thể tục, nếu sau này ông nghiên cứu Duy Thức sẽ hiểu rõ chân nghĩa.

* Hoi: Lúc trời đất hỗn độn, những thần thức (linh hồn) chưa tu đến cõi Phật có thể tồn tại hay chẳng, hay là bị diệt vong? Đệ tử đã biết thần thức đến được Phật độ sẽ có thể tồn tại, nhưng nếu người chưa thể sanh về cõi Phật, lấy thế giới Sa Bà để so sánh, hễ gặp khi thế giới hỗn độn, nếu thần thức của người đã chết vẫn tồn tại thì thần thức ấy phải tới nơi nào? (*Hà Khôn Mậu hỏi*)

Đáp: Cư sĩ thấy các ngôi sao trong hư không hay chẳng? Số lượng của chúng có thể cùng tận hay chẳng? Nếu chẳng thể biết trợn hết số lượng các ngôi sao, thì cũng chẳng thể biết trợn hết số lượng các thế giới, nhưng vô lượng thế giới quả thật là thành, trụ, hoại, không chẳng ngừng. “Hoại, không” như hỗn độn, như trong biển sóng mồi cuộn lên, tan mất chẳng nhất định. Thần thức chẳng ở trong thế giới này, ắt trụ trong thế giới khác, đâu phải lo không có chỗ nương gá! Nhưng một câu “*hay là bị diệt vong*” [trong lời hỏi của ông] làm lẫn quá đỗi! Phải biết: Nếu có chuyện tiện nghi như thế, địa ngục há chẳng phải là uổng công lập ra hay chẳng?

* Hoi: Quỷ đạo là một trong tam ác đạo, cũng chính là một nẻo [luân hồi] hứng chịu ác báo do gieo nhân ác, vì sao quỷ đạo còn có sức thần thông, có thể vận dụng thần thông ấy để biến hóa, gây họa, tạo phước cho người đời trên dương gian, đó là do lẽ nào? (*Phương Phấn Thanh hỏi*)

Đáp: Tuy thuộc ác đạo, nhưng quả báo chẳng giống nhau, như súc sanh tuy thuộc về ác đạo, còn có lân, phượng, rùa, rồng là những con vật thiêng. Quỷ loại rất nhiều, [những con quỷ] thuộc về loại quỷ trong cõi trời Tứ Vương, và loài quỷ đa tài⁴⁶ thuộc quỷ đạo, sẽ có nhiều thần thông. Trong số ấy, có kẻ do quả báo mà đạt được, cũng có loài do sinh lý mà có thần thông. Chuyện họa

phước trong chốn nhân gian là do quý quan thi hành sự quyền biến, hoặc do báo ân v.v...

* Hoi: Tôi thấy gần đây ở Hương Cảng ấn hành tượng Địa Tạng Bồ Tát mười phần tinh xảo, trang nghiêm, nên cung kính thờ. [Trong tượng vẽ ấy], châu hầu hai bên Bồ Tát, bên trái là một cụ già râu dài, bên phải là một tỳ-kheo trẻ tuổi, họ là ai vậy? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Tượng Địa Tạng Bồ Tát thường được thờ phổ biến ở Trung Quốc chính là hình của một vị tỳ-kheo Cao Ly đời Đường. Vị tỳ-kheo ấy đến núi Cửu Hoa, được Mân Công thí đất, cúng dường, con trai ông ta bèn được Ngài thể độ xuất gia, pháp danh là Đạo Minh. Trong bức tượng do Hương Cảng in, vị tỳ-kheo bên phải là tôn giả Đạo Minh, cụ già bên trái là Mân Công.

* Hoi: Tôi có một người bạn chuyên xem tướng để kiếm sống. Một hôm, người bạn ấy đến nhà, vừa vào cửa liền nói: “Cửa nhà này hướng về phía Bạch Hổ⁴⁷, chủ phá tài”, tôi không đáp. Sau đấy, tôi nghĩ lời ấy chẳng thể tin, vì có Phật, Bồ Tát hiện diện, sẽ không có gì bất lợi, đúng chẳng?
(*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Thuật Âm Dương Ngũ Hành sanh khắc hạn cuộc trong chốn phàm tục. Đệ tử Phật hãy tuân theo lời dạy trong kinh, tin sâu nhân quả. Làm lành, dẫu ở cuộc đất xấu, đất cũng chuyển thành tốt; làm điều bất thiện, dẫu ở cuộc đất tốt lành, đất cũng chuyển thành hung. Thử xem, từ xưa, những kẻ quyền quý nhưng gian tà, tội lỗi, đối với nơi họ sống, há lẽ nào chẳng chọn chỗ tốt lành, nhưng tới khi tội ác đã ngập đầu, vẫn chẳng tránh khỏi cảnh nhà tan người mất, đây là do liên quan đến nhân quả hay là do cuộc đất tốt xấu vậy?

* Hoi: Người già tu tập ở nhà bị quấy nhiễu, đến nỗi phải xin vào chùa ở để tu, nếu kiếp này chẳng liễu ngộ, có bị mang lông đội sừng đền nợ hay chẳng? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Ở trong chùa, bỏ tiền cúng dường, hoặc tự lo ăn uống; nếu không mắc nợ, có gì phải trả?

* HỎI: Cha mẹ không biết chữ, hằng ngày niệm Phật theo đồng hồ chẳng gián đoạn, nhưng tôi làm con em trong khóa tụng sáng tối, nguyện hồi hướng cho cha mẹ, chẳng biết bài văn hồi hướng như thế nào? (Mong thầy viết một bài văn riêng) (*Phan Chấn Bang hỏi*)

ĐÁP: Dùng bài văn hồi hướng tám câu, mỗi câu năm chữ⁴⁸, thay đổi mấy chữ trở thành bốn câu là được rồi, kính cẩn nghĩ như thế này: “*Nguyện dĩ thử công đức, thượng báo phụ mẫu ân, tận thử nhất Báo Thân, vãng sanh Cực Lạc quốc*” (nguyện đem công đức này, hồi hướng ân cha mẹ, hết một báo thân này, vãng sanh cõi Cực Lạc).

* HỎI: Cúng dường Địa Tạng dùng hương, hoa, y phục, thức ăn, các thứ ngoạn cụ. “*Các món ngoạn cụ dùng cúng dường Bồ Tát*” có ý nghĩa như thế nào? (*Lại Đổng Lương hỏi*)

ĐÁP: Phạm những vật chẳng thuộc đồ dùng trong sinh hoạt thường ngày, như hết thấy các món cúng dường thanh tịnh để trang hoàng đều có thể gọi là “*ngoạn cụ*”. Những món như chuông, đỉnh, tranh chữ, tranh vẽ, đồ điêu khắc bằng kim loại hay đá, châu ngọc cũng đều là “*ngoạn cụ*”. Các thứ tràng, phan, lưới, luân, pháp loa trong nhà chùa, hoa, hương cũng đều là “*ngoạn cụ*”.

* HỎI: Ví như người tên Giáp thấy do tiền biệt người tên Ất mà sát sanh, bèn khởi lòng thương xót, điều ấy có công đức hay chẳng? Công đức to chừng nào? (*Trần Lâm Châu hỏi*)

ĐÁP: Tâm khởi lên thương xót là ý thiện, một hạt giống tốt lành, đương nhiên có công đức, nhiều hay ít cũng tùy thuộc sự phát tâm lớn hay nhỏ, há có thể đoán sẵn được ư?

* HỎI: Vì sao nhân loại có nam nữ khác biệt, lại xảo hợp mang thai sanh nở con cái, sao chẳng hóa sanh? (*Lý Học Thi hỏi*)

Đáp: Vạn pháp do nhân duyên sanh, có nhân và duyên của người nam bèn hiện thân nam, có nhân và duyên của người nữ bèn hiện thân nữ. Trời đất chia ra âm dương, nhị hoa cũng có đực và cái, không gì chẳng phải do nhân duyên. Bậc hiền triết thế gian cũng có các thuyết như vô cực, thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng v.v... biến hóa, có cùng một lẽ với thuyết duyên sanh. Nhân loại do dâm dục, nhục thể hòa hợp, nên có thai sanh. Cõi trời trong Dục Giới tuy dâm dục, nhưng chẳng chung đụng thể xác, nên hóa sanh. Sắc Giới Thiên chẳng dâm dục, nên cũng là hóa sanh. Noãn, thai, thấp, hóa, mỗi loài vốn đều có nhân duyên!

* HỎI: Có phải là hết thấy các quỷ thần đều có Ngũ Thông? Nếu như vậy, vì sao họ chẳng thể tự độ hoặc độ tha, mà phải cần pháp sư (siêu độ)?
(Mạc Ngã Hư hỏi)

Đáp: Sức thần thông của quỷ thần, có đến mấy thứ, hoàn toàn chẳng nhất định. Lại còn có lớn hay nhỏ sai khác! Phải biết: Chuyện “độ” lại còn có “siêu thăng” và “xuất thế” khác biệt, nhưng đối với hai thứ ấy, sức Ngũ Thông chẳng thể thực hiện! Vẫn là do nghiệp lực làm chủ thể, ác nghiệp đọa tam đồ, hữu lậu thiện bèn sanh trong cõi trời người. Nếu luận định về xuất thế, chỉ có Phật pháp; vì thế, ắt phải cậy vào pháp sư. Dẫn cho lục đạo thăng trầm trong thế gian, sau khi đã đọa, trước lúc thiện chủng tử khởi hiện hành, giống như té xuống vực sâu, ắt phải cậy vào thuyền bè mới có thể thoát ra. Phật pháp là chiếc bè báu, pháp ấy có sức chuyển nghiệp, nên nổi khổ hiện tiền cũng phải cậy vào Phật pháp để giải thoát.

* HỎI: Ngài Mục Liên cứu mẹ có phải là nhờ vào tâm lực của các vị đại Bồ Tát hay chẳng? Vì sao tâm có sức mạnh ấy? Từ nơi nào phát ra? Phát ra như thế nào? Xe hay thuyền có thể di động theo ý muốn là do ngoại lực thúc đẩy, tâm thật sự có sức tự thúc đẩy ư? Mẹ ngài Mục Liên do nghiệp chướng đã tiêu trừ (sau khi nghiệp chướng giảm nhẹ) mà được cứu đấy chẳng? Chúng sanh có thể đời nghiệp vãng sanh, nhưng nghiệp được mang theo trong ý thức, hay là mang theo ở nơi đâu? Vì sao trì chú, niệm Phật có thể tiêu nghiệp? Tiêu như thế nào? (Mạc Ngã Hư hỏi)

Đáp: Câu hỏi này được chia thành năm đoạn, cần phải chia ra để đáp.

1. Phàm là động vật sẽ có tâm (tâm ấy không phải là quả tim, mà chính là nói tới “linh giác”). Có tâm bèn khởi niệm, khởi niệm liền có chuyện tạo tác nơi ba chỗ thân, khẩu, ý. Chuyện được tạo tác có lớn, nhỏ, mạnh, yếu, lâu dài, tạm thời, các thứ khác nhau, đó là mức độ biểu hiện của tâm lực. Nho gia cũng nói tới tâm lực, họ từng nói: “*Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị*” (Chẳng chú tâm thì nhìn chẳng thấy, nghe chẳng lọt tai, ăn chẳng biết mùi vị). Hãy thử nghĩ: Thấy, nghe, phân biệt mùi vị là chuyện hết sức nhỏ nhặt, mà vẫn là tác dụng của tâm, huống gì những chuyện lớn hơn!

2. Ngài lại lấy xe và thuyền để tỷ dụ cái tâm, kẻ hèn này cho rằng tỷ dụ ấy chẳng thích đáng lắm, vì động lực có chủ động và bị động khác nhau! Xe và thuyền bất quá là vật thể bị động, chỉ có thể sánh với thân và miệng của con người, nhưng thân và miệng hoạt động là do tâm; như xe và thuyền hoạt động cũng có kẻ làm chủ, kẻ làm chủ ấy mới có thể ví như tâm!

3. Chuyện mẹ của tôn giả Mục Liên “tội tiêu, được cứu” chép trong kinh Vu Lan Bồn. Nếu chẳng tin kinh, chẳng còn gì để nói nữa!

4. Vãng sanh là thực thứ tám. Thứ này còn có tên là Hàm Tàng Thức, hết thấy các chủng tử thiện ác đều chứa trong ấy, giống như cuộn phim nhựa: Ảnh chẳng lìa khỏi phim!

5. Tôi cũng dùng tỷ dụ để nói rõ cùng Ngài: Tủ lạnh đóng băng cứng, mà dùng tay sờ soạng, ắt cóng tay, buốt da. Nếu dùng khí nóng thổi vào tủ lạnh thường xuyên, thử hỏi bên trong tủ có đóng băng cứng được hay chẳng?

* Hỏi: Kinh Kim Cang, trong phần thứ mười bảy tức phần Cứu Cánh Vô Ngã có câu “*danh nhất thiết pháp*” (gọi là hết thấy các pháp), pháp được nói trong phần trước là Phật pháp, đoạn giữa nói “pháp” chẳng phải là hết thấy các pháp, đoạn sau lại nói “*cố danh nhất thiết pháp*” (nên gọi là hết thấy các pháp). Ba đoạn ấy trước hết là “là”, rồi “chẳng là”, sau đấy lại “là”, chẳng biết đấy có phải là nói lời phương tiện hay chẳng? (*Nhan Văn Bạo hỏi*)

Đáp: Ngã Kiến là chương ngại lớn nhất trong việc cầu giác ngộ, trước hết ắt phải phá trừ, nhưng Ngã lại chia thành hai thứ là Nhân Ngã và Pháp Ngã, đều phải nên phá trừ. Mấy câu ấy mang ý nghĩa phá chấp trước Ngã và Pháp.

* Hỏi: Có sư X... là trụ trì chùa Y... tại làng Z... nhằm tuyên dương Phật giáo, thỉnh hai vị cư sĩ Giáp và Ất ở trong điện Tam Bảo chùa ấy, phát nguyện độ chúng sanh, chiêu sinh miễn phí, lập lớp học buổi tối nhằm mục đích khuyến thiện. Về sau, hai vị cư sĩ ấy giữ nghiêm ngặt nguyện trước, chẳng nhận của học sinh mảy may nào, nhưng vị trụ trì X... thấy chẳng thể kiếm lợi từ học sinh bèn khởi ác ý, muốn đuổi hai vị cư sĩ đi xa. Nhưng hai vị cư sĩ ấy do chính ông ta mời đến, nay lại bảo họ trở về, khởi xướng do ông ta mà phản đối cũng do ông ta, chẳng biết ai đúng, ai sai, kết quả về sau của ba người ấy như thế nào, kính xin khai thị? (*Nhan Văn Báo hỏi*)

Đáp: Chẳng cần luận định đúng hay sai! Về sau sẽ tự có nhân quả, nhưng giữa khách và chủ đã có định sẵn ranh giới, chủ đã chẳng muốn giữ, sao khách cứ phải khiên cưỡng ở lại?

* Hỏi: Sau đấy, chuyện này khiến cho nhân sĩ nơi ấy bất mãn, liền can thiệp với trụ trì, bắt ông ta giữ hai vị cư sĩ sống vĩnh viễn trong chùa ấy, mở cuộc họp quyết định lo riêng cơm nước cho hai vị cư sĩ, [các nhu cầu] trong cuộc sống thường ngày do người chủ quản nơi ấy phụ trách cung cấp, trụ trì cũng đồng ý; nhưng thành toàn cho cư sĩ tại gia là do yêu cầu của nơi ấy, cho nên trong chùa lại chia ra ăn uống riêng rẽ, chẳng biết hai vị cư sĩ ấy có vi phạm Thanh Quy của chùa miếu hay không? (*Nhan Văn Báo hỏi*)

Đáp: Chẳng ăn cơm nhà chùa, nên chẳng phạm Thanh Quy; nhưng cần gì mà phải làm chuyện oán ghét mà cứ phải gặp gỡ ấy!

* Hỏi: Nhưng cư sĩ Giáp là một người khách cô độc từ làng khác, nếu bây giờ bị đuổi đi, sẽ không có nhà để trở về, không chốn nương thân, do tình thế bức bách, bất đắc dĩ nhân sĩ nơi ấy phải chèo kéo, lưu lại, tạm thời ở trong chùa ấy, nhưng cư sĩ Giáp lại sợ sau này trụ trì chẳng vui lòng, nên đã cậy bạn bè khắp nơi xin ở nhờ chỗ nọ. Nếu may ra thành tựu, khi ấy, sẽ rời nơi đây sang đó. Chẳng biết vị cư sĩ này có trái nghịch tâm lòng phát nguyện và phạm

tội vọng ngữ do đã nhận lời lúc được người nơi ấy chèo kéo hay chẳng? *(Nhan Văn Báo hỏi)*

Đáp: Duyên hợp thì ở, duyên hết thì đi. Con người có sanh, trụ, dị, diệt, thế giới có thành, trụ, hoại, không; há có pháp nào thường hằng?

* Hỏi: Đệ tử có thể thờ hình của Vân Công thượng nhân và Địa Tạng Bồ Tát trong cùng một khung hình hay chẳng? *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Thờ riêng ra thì hay hơn! Nếu do vị trí hạn chế, dẫu thờ trong cùng một khung kiếng, phải đặt thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát ở phía trên.

* Hỏi: Khi cư sĩ hướng về tỳ-kheo-ni đánh lễ, nên xưng hô ra sao? *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Cũng gọi là pháp sư, chẳng cần khởi phân biệt.

* Hỏi: Nếu ngẫu nhiên gặp những vị đại cư sĩ Phật giáo trọn đời hộ pháp như Phương Luân, Niệm Sanh v.v... hướng về họ đánh lễ, nên xưng hô như thế nào? *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Người cao tuổi gọi là lão cư sĩ, người ngang tuổi thì gọi là đại cư sĩ.

* Hỏi: Tăng Bảo hiện thời, đang lúc cá rồng hỗn tạp, có sao những vị được gọi là đại cư sĩ trong Phật giáo chẳng phát động phong trào “kính Tăng”, khiến cho người trọn đủ tư cách Tăng Bảo được nâng cao địa vị. Có ganh đua, chọn lọc thì mới có thể đạt đến mục tiêu tuyển chọn, nhằm gạt bỏ những con quỷ làm kinh sám tăng chẳng ra tăng, tục chẳng ra tục, chấp Lý, hay những gã có vợ con, luôn mưu lợi cho tương lai cá nhân. Nếu có thể chọn lựa bất cứ vị nào cũng đầy đủ tư cách Tăng Bảo chẳng vướng mắc thì giáo phong mới được nâng cao. Nếu không, phong khí sẽ ngày càng bại hoại! *(Nhan Phật Triệu hỏi)*

Đáp: Sống ở nơi đây, trong thời này, cần phải mở rộng tầm mắt, nhận biết hoàn cảnh, so sánh sự phát triển của Phật giáo và các tôn giáo khác thì [Phật giáo] đã trở thành lạc hậu, hãy nên nhẫn nại, đoàn kết, chớ nên tạo nên chuyện phân hóa nữa. Kẻ làm kinh sám để kiếm sống, quả thật chẳng phải là [theo đúng] đại đạo, nhưng vẫn chẳng thuộc vào năm thứ tà mạng. Há có biết giáo pháp của chúng ta gặp hoạn nạn to lớn chẳng do các tôn giáo ngoại lai [gây ra], mà là do mấy tôn giáo vốn có trong nước đều mượn chiêu bài Phật giáo, bí mật hoạt động, tín đồ Phật giáo thiếu chánh tri kiến, đa số bỏ cái này chạy theo cái kia. Vì thế, trước mắt, hãy nên tìm cách cứu vãn, chớ nên xua cá xuống vực sâu⁴⁹!

* Hỏi: Câu “*Phạm âm, hải triều âm*” trong phẩm Phổ Môn chỉ sóng biển tại núi Phổ Đà, hay là nói Phật pháp phổ biến như hải triều? (*Nhan Văn Bạo hỏi*)

Đáp: Phạm Âm là âm thanh thanh tịnh, vô nhiễm; Hải Triều Âm là thuyết pháp khế cơ, giống như hải triều [lên xuống đúng giờ] chẳng lỗi hẹn. Triều Âm Động của Phổ Đà sơn là dựa theo kinh, chứ không phải là kinh văn mượn cảnh Phổ Đà để nói!

* Hỏi: Có người nói “*Xá Lợi Tử*” trong Tâm Kinh là ngài Xá Lợi Phất đệ tử trí huệ bậc nhất của đức Phật, có người nói là xá-lợi sau khi đức Phật nhập Niết Bàn lưu lại! Rốt cuộc là thuyết trước đúng hay thuyết sau đúng? (*Nhan Văn Bạo hỏi*).

Đáp: “*Xá Lợi Tử*” tuy có hai cách giải thích trước và sau như trên, nhưng Xá Lợi Tử được nhắc đến trong Tâm Kinh là tên người.

* Hỏi: Như Lai khởi lên pháp hạnh thanh tịnh khi tu nhân, nếu Bồ Tát ở giữa đại chúng, khởi tâm thanh tịnh, làm thế nào để xa lìa các bệnh, nghĩa ấy như thế nào? (*Phan Diệu Huyền hỏi*)

Đáp: [Ông nói điều trên đây] phát xuất từ kinh nào, chưa từng chỉ rõ, không cách nào tra khảo, chẳng thể đáp bừa!

* Hỏi: Muốn dạo trong biển đại tịch diệt của Như Lai, làm thế nào để có thể đoạn căn bản luân hồi? Trong các nẻo luân hồi, có mấy chủng tánh, tu Phật Bồ Đề có mấy thứ khác nhau? Nghĩa ấy ra sao? (*Phan Diệu Huyền hỏi*)

Đáp: Chưa thể hiểu rõ tôn ý, nên tạm thời chẳng đáp, xin hãy tha thứ.

* Hỏi: Đức Phật nói chẳng trụ trong hết thảy trụ, khi có hết thảy các cảnh giới xảy đến, chẳng thể giữ lấy. Con người hiện thời nói niệm Phật rất giống như Đại Thừa, [đó là do] vị tổ sư đời thứ mấy nói, hay là người ta thuận theo thời đại đã nói? (*Phan Diệu Huyền hỏi*)

Đáp: Tôi cũng chẳng thể liễu giải tôn ý trong câu hỏi này, nên chẳng đáp bừa!

* Hỏi: Nghe nói bên Mỹ có một đứa con nhà giàu, mẹ hắn có tài sản thật lớn, hắn mong sớm có ngày được hưởng, nên chẳng tiếc hết thảy, giết chết mẹ. Hắn có đáng bị phán tội tử hình hay không? Nếu bị kết tội tử hình, giết hắn đi thì có phạm giới hay không? (Nói theo quan điểm Phật giáo) (*liên hữu thuộc ban Liên Vân hỏi*)

Đáp: Chấp hành thưởng phạt thuộc về vấn đề chính trị. Giáo hóa, hướng dẫn lòng người là vấn đề giáo dục và tôn giáo, mỗi phương diện có quyền hạn riêng, chớ nên trộn lẫn lại để bàn định. Chính trị có các thứ pháp quy, tuân theo đó mà hành thì chính là tuân thủ phép nước. Kẻ phạm pháp bị phán tội tử hình là do pháp luật buộc tội chết, chứ không phải do quan tòa khiến cho hắn bị chết, giống như kẻ tạo ác vào địa ngục, là do nghiệp lực lôi dắt, quả thật chẳng phải do thần hay quỷ sai sử. Xét về lập trường Phật giáo, há có dị nghị!

* Hỏi: Kinh dạy “*nan hành đạo dị thành Phật, dị hành đạo nan thành Phật*” (đạo khó hành dễ thành Phật, đạo dễ hành khó thành Phật), xin hỏi nan hành đạo là gì, dị hành đạo là gì? (*Chung Quán Tĩnh hỏi*)

Đáp: Trong lời hỏi này, sợ là đã chép sai câu nói, hay là bịa đặt, xin hãy cho biết [câu ấy] xuất phát từ kinh nào, tôi sẽ lại kính cẩn trả lời để khỏi phạm lỗi!

* Hỏi: Tệ nhân có một chuyện lạ lùng! Có một khúc hát đã quên khuấy từ lâu, nay muốn hát khúc ấy, nhưng đã hoàn toàn không còn dấu vết hay ấn tượng để có thể tìm lại, từ đầu đến cuối không có cách nào nghĩ ra, nhưng về sau, đang trong lúc lơ mơ nửa thức, nửa ngủ, chợt buột miệng hát ra, đúng là màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn! Trước lúc ngủ, vì sao có huyền giác? (*Chương Phổ Minh hỏi*)

Đáp: Phạm có một ý niệm, hay một chuyện gì, đều có một bóng dáng được ghi trong thức điền thứ tám, điều ấy được gọi là “chủng tử”. Đã có chủng tử, hễ gặp duyên sẽ khởi hiện hành, thế tục thường gọi là “phản ảnh”.

Tuy ông nghĩ chẳng ra ca khúc ấy, nhưng nó thật sự ẩn tàng trong thức, chợt khởi hiện hành, nên tự nhiên có thể buột miệng hát ra.

* Hỏi: Lúc đức Thế Tôn giáng sanh, có một vị Bà La Môn tên là A Tu Đà (Asita) tiên nhân được phụ vương của Phật cho xem tướng Thái Tử. Lại nữa, theo kinh Kim Cang, trưởng lão Tu Bồ Đề lúc sanh ra, cha mẹ cũng mời một thầy tướng số đến gieo một quẻ, bói được một quẻ tốt, cho nên Ngài có một tên là Thiện Cát (Thiện Cát là từ dịch nghĩa của danh xưng Tu Bồ Đề mà biết), nên hiểu lý ấy như thế nào, xin chỉ dạy! (*Trần Tuyên Lâm hỏi*)

Đáp: Đức Thế Tôn giáng thế, xuất gia, chứng đạo, trải một thời gian ba mươi năm, mới thuyết pháp độ chúng sanh nên có Phật giáo. A Tu Đà tiên nhân xem tướng là chuyện trước khi lập giáo ba mươi năm. Chuyện ấy đối với Phật giáo có gì đáng ngại! Tu Bồ Đề theo Phật làm đệ tử, cũng là lúc đã trưởng thành, những chuyện trước khi Ngài quy y Phật môn chẳng liên quan gì đến Phật giáo!

* Hỏi: Ma Ha là lớn nhất, Ma Ha Đại Pháp Vương là Ma Ha to lớn bao gồm cả càn khôn và vũ trụ ư? Cõi tâm này là trời, trời cao chẳng có cực hạn, nhưng tâm vượt khỏi trời. Đất dày chẳng thể lường, nhưng tâm vượt hơn đất, tâm to lớn bao trùm thái hư, tâm lớn lao thay! Xin hãy chỉ dạy, trong hai đại nguyện ấy, nguyện nào là lớn? (*Lý Thanh Mộc hỏi*)

Đáp: Kinh dạy: “*Đương tri hư không, sanh như tâm nội, do như phiến vân, điểm thái thanh lý, hướng chư thế giới, tại hư không da?*” (Hãy nên biết, hư không sanh trong tâm ông giống như một vầng mây điểm giữa trời xanh, hướng hồ các thế giới ở trong hư không ư?). Ngài nói đến trời, đất, bất quá là một phần ngàn vạn của tam thiên đại thiên thế giới, sao lại cho là lớn. Nếu đem trời đất so với tâm thì có khác nào một bọt sóng trong biển cả!

* Hỏi: Xét theo cô lệ của nước ta, có các thứ tôn giáo khác nhau, đối với người thế tục, mỗi khi trong nhà có tang sự hay hỷ sự, ắt phải mời thầy Kham Du⁵⁰ đến xem xét địa lý, trạch nhật, tức là chọn lựa giờ hên, ngày tốt, cho đúng lẽ tương hình, tương khắc⁵¹ nhằm đón hên, tránh dữ v.v... Gần đây, tôi quy y Tam Bảo, trở thành tín đồ Phật giáo, đối với Phật lý cũng chưa nghiên cứu, trong bụng mười phần nghi ngờ, lo lắng; bởi lẽ, giáo đồ Phật giáo chúng ta cũng nên tuân thủ ba điều trên đây hay chẳng? (*Dương Kim Toàn hỏi*).

Đáp: Những chuyện như xem Địa Lý, chọn ngày v.v... đều thuộc về bói toán cát hung. Phật giáo đồ mà làm nghề ấy sẽ gọi là “tà mạng”, kẻ tin những chuyện ấy gọi là “tà tín”. Phật giáo đồ hãy nên tuân theo lý trí, đối với chuyện hướng lành, tránh dữ, hãy cầu nơi nhân quả, sẽ ngàn vạn phần chuẩn xác, chẳng cần phải noi theo thói tục.

* Hỏi: Chẳng biết giáo chủ nguyên thủy của các thầy chọn ngày và thầy Địa Lý tên họ là gì? [Câu hỏi] thứ hai là từ cổ đến nay đã bao nhiêu năm? (*Dương Kim Toàn hỏi*)

Đáp: Thuật này đâu phải là tôn giáo, làm sao có giáo chủ được! Bất quá, loại kỹ thuật này phần nhiều thoát thai từ thuyết Bát Quái, Âm Dương, Ngũ Hành.

Ắt bọn họ sẽ nêu tên một vị là tổ sư, nhưng phần lớn là gán ghép, hoặc bịa ra, kẻ hèn này chưa từng thân cận họ, nên chẳng biết họ tôn sùng ai!

* Hỏi: Quyết định tu theo một hạnh môn nào, phải quy y với pháp sư thuộc tông ấy để mong được chỉ ra chỗ mê mờ, nhưng tôi quy y với hòa thượng Quảng Khâm của Thiền Tông, nếu tu Tịnh Độ, có cần phải quy y lại với pháp sư trong Tịnh Tông hay chẳng? (*Trịnh Trường Lâm hỏi*)

Đáp: Quy y Tăng là quy y Tăng đoàn, hết thầy các vị Tăng đều là thầy ta, không cần phải quy y lại. Nếu học pháp môn, hướng tới các vị đại đức thuộc một tông chuyên môn [tu tập pháp môn ấy] giữ lễ đệ tử để thỉnh giáo, như Không Tử thông thạo lục nghệ⁵², thầy của Ngài cũng nhiều ngàn ấy!

* Hỏi: Khi tôi thọ giới, mặc quân phục đứng trước mọi người là vì tập khí thế tục chưa trừ, lại vì người niệm kinh cho tôi là một vị ni sư nên cảm thấy rất bất an, tâm cũng thiếu chí thành, quy y như vậy có phải là vô hiệu hay chẳng, hoặc là đâm ra còn có tội? (*Trịnh Trường Lâm hỏi*)

Đáp: Chuyện đã là quá khứ, dẫu hỏi chẳng làm được gì, nay chỉ còn cách đối trước Phật chí thành sám hối mà thôi!

* Hỏi: Phật tử do hoàn cảnh bức bách, phải ăn năm thứ tịnh nhục đến nỗi đâm ngán khó nuốt xuống được. Dẫu ăn rau bên cạnh thịt cũng thế, phải nên làm như thế nào? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Chỉ có rau xanh là được rồi, điều này cần gì phải bàn định nữa?

* Hỏi: Đệ⁵³ đọc cuốn Nam Hải Phổ Đà Sơn Truyền Kỳ Dị Văn Lục do pháp sư Chử Vân ở Phụng Sơn Phật Giáo Liên Xã trước tác, thấy những điều nói về sự linh cảm của đức Đại Bi Quán Thế Âm khiến cho kẻ khác nghiêm túc dấy lòng cung kính. Như vậy thì có phải là thánh tượng Quán Thế Âm Bồ Tát được thờ bởi các Thiên tự thông thường khác và các cư sĩ niệm Phật đều chẳng linh cảm bằng Quán Âm Bồ Tát tại đại đạo tràng Phổ Đà Sơn? (*Trác Trung Chân hỏi*)

Đáp: Bồ Tát linh ứng là do tâm cảm; nếu có thể chí thành, ở đâu cũng linh cả!

* Hỏi: Ngoài các cõi Phật trong mười phương, có các cõi Phật khác hay chẳng? Trong mười phương chư Phật, Bồ Tát, địa vị Phật chẳng có cao thấp, vị Phật nào thành Phật sớm nhất? Và A Di Đà Phật có phải là địa vị cao nhất trong mười phương chư Phật hay không? Lại nữa, có phải là trong mỗi câu chú Đại Bi đều có thánh hiệu Bồ Tát? (*Trác Trung Chấn hỏi*)

Đáp: Đã nói là “mười phương”, ắt trọn khắp chiều dọc lẫn chiều ngang, làm sao còn có gì ở ngoài được nữa? Nói tới Phật thì Phật Phật đạo đồng, nói tới Bồ Tát thì có bốn mươi hai cấp sai khác. Ở đây, dùng mặt trăng để tỷ dụ, từ mùng Một tới Mười Bốn đều ví như Bồ Tát, ánh sáng mặt trăng mỗi hôm mỗi khác. Còn ngày Rằm ví như đức Phật, trăng đêm Rằm tháng Giêng, tháng Hai, tháng Ba cho đến tháng Chạp, không gì chẳng giống nhau. Lời kệ xưng tán “A Di Đà đệ nhất” nhằm ca ngợi thệ nguyện của Ngài. Chú Đại Bi thuộc về Chân Ngôn, theo cổ lệ chẳng được phép phiên dịch. Đối với bản chú giải [chú Đại Bi] bằng hình vẽ (thường gọi là Đại Bi Xuất Tượng) được lưu hành trong thế gian, do kẻ hèn này học thức nông cạn, chẳng hiểu

Phạn văn, nhưng luôn cảm thấy hoài nghi. Chẳng hạn như trong bài chú, câu “sa bà ha” (svāhā) rất nhiều, nhưng mỗi câu “sa bà ha” lại được giảng khác nhau, sao lại có chuyện chữ giống nhau, âm giống nhau, mà rốt cuộc lại phân biệt nhiều đến thế? Cư sĩ hỏi điều này, xin thứ lỗi, tôi chẳng thể đáp được!

* Hỏi: Xứ Ấn Độ kể từ sau khi Phật Thích Ca thành Phật, đã trở thành thánh địa khởi nguồn của Phật giáo toàn thế giới, vậy thì trước khi Phật Thích Ca thành Phật, trong các quốc gia khác có Phật giáo tồn tại hay chẳng? (*Trác Trung Chấn hỏi*)

Đáp: Pháp vận của Phật, gồm bốn thời kỳ lớn: Chánh, Tượng, Mạt, Diệt. Trong thế giới này, trước đó tuy có Phật pháp, nhưng sau khi pháp diệt, Thích Ca Thế Tôn mới giảng thế. Nói như vậy, có thể nói là trước khi Thích Ca Như Lai giảng thế, các nước hoàn toàn chẳng có Phật giáo.

* Hỏi: Liên Tông kể từ Sơ Tổ Viễn Công đại sư (tổ Huệ Viễn) cho tới Ân Công đại sư (tổ Ân Quang) viên tịch, tính tới vị tổ thứ mười ba chỉ có mười ba vị. Tổ sư hai tông Thiên và Mật, tính đến hiện tại có bao nhiêu vị?

(Trúc Trung Chấn hỏi)

Đáp: Thiên kể từ ngài Đạt Ma từ Tây Phương sang [Trung Hoa], trở thành Đông Độ Sơ Tổ, sau khi truyền tới Ngũ Tổ, bèn chia thành hai phái Nam Bắc. Phái phương Bắc chẳng phân chia, phương Nam từ Lục Tổ trở xuống có ngũ gia thất tông⁵⁴ khác nhau. Mỗi chi phái đều khởi sắc, mỗi tông có tổ riêng, phức tạp khó thể thuật trọn, ông có thể tra cứu trong sách Ngũ Đăng Hội Nguyên⁵⁵. Hệ thống truyền thừa của Mật Tông được tính theo cách đặc biệt, khởi đầu từ Đại Nhật Như Lai ở Tây Thổ, trải qua [các tổ sư ở] Trung Quốc, cho tới Hoàng Pháp Thượng Sư của Nhật Bản thì ngừng, gọi là “*bát tổ tương thừa*” (tám vị tổ truyền thừa)⁵⁶.

* Hỏi: Ma Vương Ba Tuần đạt được phước ma ra sao? Khi phước ma đã hết, có đọa tam ác đạo hay không? Sau khi Ba Tuần đọa lạc, có phải là do ma con, ma cháu nối ngôi làm ma vương giống như Nhất Sanh Bồ Xứ được nói trong kinh A Di Đà hay không? *(Trương Bảo Hành hỏi)*

Đáp: Ma vương báo tận, tự nhiên đọa lạc. Còn như nói ma con, ma cháu kế vị, tuy chưa thấy kinh văn [nói như vậy], nhưng tôi nghĩ là chuyện đương nhiên.

* Hỏi: Địa ngục trong Phật giáo là nói tới nơi nào? Có phải là duy tâm sở tạo hay không? *(Trương Bảo Hành hỏi)*

Đáp: Trong kinh có nói dưới chân núi Thiết Vy và dưới đất v.v... đều là những chỗ có đại địa ngục; trong núi, ngoài đồng trống đều có, đấy là tiểu địa ngục cô độc!

* Hỏi: Trong Phật giáo, hai chúng xuất gia chẳng ăn các thứ thịt, nói là vì chúng sanh đều là cha mẹ trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ, và là chư Phật vị lai, nên chẳng nhẫn tâm ăn thịt chúng sanh, nhưng trong kinh điển có nói chư thiên khi hưởng hết phước báo trong cõi trời, có lúc đọa làm gỗ, đá, kim

loại, đất. Vậy thì trong các thứ rau dưa cũng có chúng sanh bị đọa, nếu hai chúng xuất gia ăn rau dưa, há chẳng phải là phạm giới ư? (*Truong Bảo Hành hỏi*)

Đáp: Hưởng hết phước trời, đọa lạc trong các đường thấp hơn, đó là chuyện thường nghe nói. Còn như hóa làm gỗ, đá, kẻ hèn này xem kinh quá ít, chưa hề thấy, chỉ để đó chẳng bàn tới, chờ bậc thông gia [giải đáp]. Hàng xuất gia ăn các thứ rau, phải cẩn thận gột sạch các loài trùng nhỏ. Thời cổ chưa có nước máy, những thứ để uống phải dùng vải lọc, suy ra cũng biết! Nhưng hạnh kiêng giết cũng chỉ là dốc hết tâm lực [thực hiện], dốc hết sức tránh né, nhằm trọn hết lòng từ bi của ta. Nếu thân tâm chẳng làm được, chỉ đành thuận theo, như hít thở và đi lại, không gì chẳng sát sanh! Lỗi do vô tâm đã nặng nề lắm rồi; vì thế, càng chớ nên cố tình giết chóc!

* *Hỏi*: Trong quá trình địa cầu thành, trụ, hoại, không, trong thời kỳ hoại, lục đạo chúng sanh đều tới nơi nào? Kinh lại nói phía dưới Tứ Thiên Thiên đều bị phong tai, hỏa tai, thủy tai gây hại, vậy thì trong quá trình Không, Tứ Thiên Thiên vẫn tồn tại như cũ, hay cũng bị bại hoại? (*Truong Bảo Hành hỏi*)

Đáp: Thân chúng sanh trong Tứ Thiên có sanh tử, thế giới có thành, hoại; nhưng thế giới hoại chẳng bắt buộc phải trải qua ba tai nạn ấy, đến lúc, nó sẽ tự tiêu diệt, giống như nhà bằng gỗ bị cháy. Nước, lửa, gió cố nhiên có thể hoại [tam thiên đại thiên thế giới]. Dầu chẳng trải qua những tai nạn ấy, lâu ngày, nó sẽ tự hư nát.

* *Hỏi*: Trong khóa tụng sáng tối, có câu Nam Mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát và Nam Mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát, hai vị Bồ Tát ấy là ai vậy? (*Truong Bảo Hành hỏi*)

Đáp: Kẻ ít học này chưa thấy bản khóa tụng ấy, chỉ có thể dùng sự để luận sự mà thôi! Nhật Quang và Nguyệt Quang là danh tự, giống như tên của người ta là X... hay Y... Nói chung, hai vị Bồ Tát ấy là “hiếp sĩ”⁵⁷ (Bồ Tát trợ thủ thân thiết) của Đông Phương Dược Sư Như Lai, giống như Tây Phương Di Đà Như Lai có hai vị hiệp sĩ là Quán Âm và Thế Chí.

* Hỏi: Giải hạ, kết hạ [nghĩa là gì?] Bùa là [thứ thường được sử dụng bởi] Đạo gia, nhà Phật có bùa hay chẳng? (*Hoàng Bá Kính hỏi*)

Đáp: Đây là quy chế Tăng chúng tới mùa Hạ bèn an cư, bắt đầu từ ngày Mười Sáu tháng Tư tới chín mươi ngày mới xong. Khi bắt đầu thì gọi là Kết, khi kết thúc gọi là Giải. Cũng có lệ an cư bắt đầu từ ngày Mười Sáu tháng Năm, hoặc từ đầu tháng Tư hoặc tháng Năm, cho nên có ba thứ an cư khác nhau. Chưa hề nghe nói tới “bùa” trong nhà Phật. Hơn nữa, cư sĩ đã nói chính mình đã thỉnh Phật Học Từ Điền, mà vẫn không thể tra được. Thật ra, chẳng phải vậy, những điều đã hỏi trên đây, trong Phật Học Từ Điền đều có ghi chép tường tận. Vì thế, tôi trả lời đơn giản. Nếu muốn biết chi tiết, xin hãy tự tra!

* Hỏi: Tôi vừa đọc lời tựa của bộ Trăm Sơn Văn Sao⁵⁸ thấy có đoạn: “...*Ngoài trần lao của pháp thế gian, còn dính thêm trần lao trong Phật pháp*”. Tôi tự hồ có cảm, nhưng chưa thật sự hiểu rõ nghĩa rộng và nghĩa hẹp của “trần lao trong Phật pháp” (*Lâm Trường Thanh hỏi*)

Đáp: Những thứ như Văn Sao, phần nhiều là lời lẽ cảm kích, trọn chẳng giống như lời giáo huấn trong kinh, chẳng cần phải đối với câu nào cũng coi như là mực thước về Phật lý. Huống chi lời lẽ ấy được ghi trong lời tựa, càng chẳng cần phải đổ công sức tìm tòi. Ở đây, tôi bỏ qua lời tựa, chỉ giải nghĩa bốn chữ “*Phật pháp trần lao*” là được rồi! Phật pháp chỉ là Nhất Thừa, không hai, cũng chẳng ba. Phàm những gì ở ngoài Nhất Thừa đều là trần lao, đây là nghĩa rộng. Hương, đèn, củi, gạo, kinh sám, pháp hội, nhận lời mời đi cúng kiếng, trai tăng, tiếp đãi họ Trương, đưa tiễn họ Vương, không gì chẳng phải là trần lao, đều có thể nói chúng là [trần lao hiểu theo] nghĩa hẹp.

* Hỏi: Cổ nhân nói: “*Vạn ác, dâm đứng đầu, chư thiện, hiếu làm đầu*”, nhưng gia cảnh bần hàn đến nỗi phải bất hiếu, khiến cho song thân ngậm oán về với đất, nên làm như thế nào mới tốt? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Trọn hết đạo hiếu không do giàu hay nghèo, cốt sao tận tâm tận lực mà thôi! Cha mẹ đã khuất bóng, muốn báo đại ân, chỉ có làm Phật sự mà thôi!

* Hỏi: Sau khi phản tỉnh, đau đớn sửa đổi những sai trái trước đây, hằng ngày tích lũy công đức, giúp kẻ khó khăn, nâng đỡ người gặp nguy hiểm, đối với người khác chẳng dối gạt, thấy điều ác bèn bực tức, vâng làm các điều thiện v.v... có thể bù đắp cái tội bất hiếu hay chẳng? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Phản tỉnh bèn sửa ác, tu lành, cố nhiên là rất tốt đẹp. Nếu có thể đem những điều lành đã làm, đối trước Phật, hồi hướng cho song thân, khiến cho cha mẹ siêu thăng, há chỉ tiêu tội, mà còn có công đức rất to!

* Hỏi: Cổ nhân nói “*thiên tử có mười bốn hồn, những kẻ khác đều là ba hồn bảy phách*”⁵⁹, nhưng thiên tử cũng thuộc trong phạm vi lục đạo, sao lại có nhiều hồn hơn vậy? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Điều này chẳng do kinh nói, [toàn là thế tục] nói láo mà chơi, nghe láo chơi đó thôi!

* Hỏi: Con người sống trong dương gian, có ba vị thần ở trong cùng một thân, một trăm năm sau, thi thần tận diệt, nguyên thần và thức thần đã chuyển thế, sao lại có quỷ khuấy phá? (*Phan Chấn Bang hỏi*)

Đáp: Tam thần cũng là lời lẽ bịa đặt của ngoại đạo, Phật giáo chỉ thừa nhận vô minh là thức thần mà thôi! Thức thần chuyển thế, vốn chia ra lục đạo, chuyển vào cõi trời người thì gọi là trời người, chuyển vào quỷ, súc sanh thì là quỷ, súc sanh. Người đời lẫn lộn giữa thức thần và quỷ, lầm rồi!

* Hỏi: Đức Phật nói “*tam xa*” là xe dê, xe nai và xe ngựa⁶⁰, phân biệt ra sao? (*Tiêu Thiệu Thanh hỏi*)

Đáp: Dựa theo ba loại xe ấy lớn nhỏ khác nhau, ví như Phật pháp có Đại, Trung, Tiểu Thừa.

* Hỏi: Vì lẽ gì các đồng tu ở Trung Thổ mỗi dịp mùng Một, ngày Rằm bèn siêng tu, ăn chay khá đông? (*Trạch Mạnh Thu hỏi*)

Đáp: Chắc là vì đơn giản, dễ nhớ.

* HỎI: Đệ tử từ lúc sáu tuổi, em trai ba tuổi, mẹ hai mắt bị mù, hoàn cảnh gia đình lại túng quẫn, hai anh em con đời này tội nghiệp sâu nặng, thuở bé ốm bệnh, mẹ đi lại bất tiện, vẫn phải vì con giặt giũ, sắc thuốc, chịu đựng hết mọi nỗi gian khổ, chăm bẵm cho con thành người, vất vả gấp trăm lần người thường, phải tận hết hiếu đạo mới báo đáp được muôn một, nhưng mẹ đã về Tây, mỗi khi nhớ tới công lao chăm bẵm, nuôi dưỡng, lòng đau như đốt, phải làm như thế nào mới hòng bù đắp ân dưỡng dục? (*Vương Văn Toàn hỏi*)

Đáp: Nói theo pháp thế gian, phải ngẩng lên không thẹn với trời, cúi xuống chẳng hổ với người, vì đất nước tận trung, đối với chức vụ trọn hết nghĩa, làm một người hoàn toàn chánh trực, nhằm rạng danh cha mẹ. Nói theo pháp xuất thế, mỗi ngày tụng kinh, hoặc là niệm Phật, đem công đức ấy hồi hướng cho người đã khuất, khiến họ được siêu thăng Tịnh Độ. Nếu có thể làm được hai chuyện ấy, sẽ thật sự là báo ân, mà cha mẹ cũng thật sự được lợi ích vậy!

* HỎI: Trong thời Kháng Chiến, em trai tôi bị quân Nhật cưỡng ép làm lao dịch cho quân đội Nhật tại các nơi như Phi Luật Tân v.v... cho tới khi Kháng Chiến kết thúc, các nơi đồn đãi đồng bào Đài Loan bị tử thương ở phương Nam rất nhiều, lòng mẹ xót con tha thiết, bèn bày hương án ngoài trời, lập nguyện: Nếu em tôi được bình an trở về, sẽ mổ lợn, dê, thuê đoàn hát tuồng về diễn để tạ ơn Thiên Đế, nhưng đệ tử nay đã quy y Tam Bảo, chẳng nỡ giết mổ sanh linh nữa, hát tuồng để tạ ơn thần thì chánh phủ chẳng cho phép lãng phí [như vậy], phải làm như thế nào thì mới có thể hoàn thành nguyện lớn của mẹ tôi? (*Vương Văn Toàn hỏi*)

Đáp: Vì câu cho quyền thuộc của chính mình đoàn viên bèn phát nguyện sát sanh và diễn tuồng để đền ơn thần thì một là vi phạm chế định của Phật, hai là trái nghịch mệnh lệnh của chánh phủ, [cả hai điều ấy] đều có chỗ chẳng hợp lẽ. Cổ nhân nói “*mệnh lệnh trong lúc loạn có thể chẳng tuân theo*”, cư sĩ đã quy y Tam Bảo, hãy nên tuân theo Phật pháp, đối trước Phật sám hối, đổi chuyện ấy thành [như thế này]: Nếu có nhiều tiền thì cứu trợ kẻ nghèo; nếu ít tiền thì phóng sanh, so ra sẽ là điều lành chân thật hơn!

* Hỏi: Trong Liễu Phàm Tứ Huán có nói trời, đất, quỷ thần xét soi tường tận tội ác của con người, đối với tội nặng sẽ giáng xuống trăm nỗi tai ương, họa hại, điều ấy có giống với nghiệp báo như đức Phật đã nói hay chẳng? (*Tiêu Kim Vinh hỏi*)

Đáp: Trời, đất, quỷ thần xét soi và nghiệp báo trọn chẳng có gì không thông. Ví như trong thế gian, tòa án, trại giam tuy khắc nghiệt, nhưng bị tra hỏi, bị xử phạt, vẫn do chính mình tạo ra. Càng phải nên biết tòa án, nhà tù vẫn là do con người tạo ra; trời, đất, quỷ thần do tâm tạo ra.

* Hỏi: Tôi nhiều lần thấy chùa miếu ở Đài Loan thờ chung thần với Phật, có đúng pháp hay chẳng? Có trái nghịch giáo nghĩa Phật giáo hay chẳng? (*Chiêm Dưỡng hỏi*)

Đáp: Nói tới tôn giáo thì phải có tín ngưỡng nhất định. Tạp loạn sẽ chẳng hợp với điều mình tôn sùng, sự tu học sẽ chẳng có thành tựu. Ví như chân đạp lên hai chiếc thuyền, thuyền tách ra, sẽ rơi xuống nước! Có đạo nhân giữ miếu thờ thần, về sau thờ thêm Phật, tức là dần dần giác ngộ. Có tăng ni ở trong chùa Phật, về sau thờ thêm thần, tức là dần dần chuyển thành mê. Nếu muốn đúng pháp, ắt trước hết phải hiểu lý.

* Hỏi: Người xuất gia ở trong thần miếu, mặc y phục của người xuất gia, cũng đã thọ giới thì có phải là Tăng Bảo hay không? (*Chiêm Dưỡng hỏi*)

Đáp: Xuất gia, thọ giới, tức là Tăng Bảo. Nếu trước đó đã sống trong miếu, có thể tạm thời an thân nơi ấy. Nếu sau khi xuất gia mới ở miếu thì là kẻ chẳng hiểu lý!

* Hỏi: Phật giáo đồ có nên tôn kính thần hay không? (như Ma Tổ, Quan Đế, Tiên Công v.v...) (*Chiêm Dưỡng hỏi*)

Đáp: Chúng sanh bình đẳng, đều là quyền thuộc trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, hãy nên nhất loạt cung kính, đây là hạnh của Thường Bất Khinh

Bồ Tát; nhưng cung kính và thờ phụng rất khác biệt, và muôn phần chớ nên lẫn lộn. Như đối với nguyên thủ của nước mình, chính mình phải phơi gan trải mật, ủng hộ, phụng sự; đối với nguyên thủ của quốc gia khác, chỉ nên cung kính trọn lễ mà thôi! Hiểu rõ điều này, tín đồ nhà Phật đối với Phật và chư thần sẽ có chừng mực vậy!

* Hỏi: Thần cũng làm nhiều chuyện cứu thế, có bằng với Bồ Tát hay chẳng?
(*Chiêm Dưỡng hỏi*)

Đáp: Bồ Tát là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Giác. Không chỉ cứu thân mạng của con người, mà còn dạy người ta minh tâm kiến tánh, đại giác, đại ngộ, chúng quả rốt ráo. Thần chỉ có năng lực cứu vớt thân xác, chẳng thể độ chúng sanh giải thoát luân hồi, cho nên chẳng thể gọi là Bồ Tát.

* Hỏi: Có những vị thần cảm ứng còn linh hơn Phật, Bồ Tát, há thần thông của Phật, Bồ Tát chẳng bằng thần ư? Người bình thường tin Phật đa số là vì lành bệnh. Nếu niệm kinh, niệm Phật giúp họ, phần nhiều chẳng được nhanh chóng bằng dùng chú thuật của thần giáo! (*Chiêm Dưỡng hỏi*)

Đáp: Linh ứng do tâm chí thành cảm nên. Tâm đối với thần chuyên tinh, sẽ cảm thần linh ứng, tâm đối với Phật chuyên tinh, ắt cảm Phật linh ứng. Đối với hai câu hỏi do cư sĩ đã nêu, đều là do người ấy có duyên sâu với thần, có duyên cạn với Phật, nên cảm ứng có chậm hay nhanh. Nay tôi nêu một tỷ dụ, xe ba bánh ở đầu phố, cuối ngõ, vẫy tay liền chạy tới, xe mô tô ắt phải ra giữa đường gọi, nhưng ai nấy đều có xe. Nếu đồng thời cùng lái đi, coi thử xe nào tới trước?

* Hỏi: Phật pháp nói mười phương ba đời, vậy “mười phương” chỉ những phương nào? Lại nữa, cư sĩ tu hành tại gia sáng tối thường nên tụng kinh nào và thánh hiệu Phật, Bồ Tát bao nhiêu câu thì mới hợp với tiêu chuẩn tu hành? (*Trác cư sĩ hỏi*)

Đáp: Bốn phương, bốn góc và trên, dưới, hợp thành mười phương. Tại gia cư sĩ, các việc bề bộn, cơ hội tham phỏng ít ỏi, tu pháp môn Tịnh Độ sẽ thuận tiện. Nên tụng kinh A Di Đà, đối với Phật hiệu nên trì sáu chữ hồng danh. Tại các chỗ lưu thông kinh Phật tại Đài Loan đều có cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy (chỉ dẫn nơi ngõ rẽ), hãy nên dùng để tham khảo.

* Hỏi: Trong [tựa đề] Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và câu “*trì trung liên hoa đại như xa luân*” (trong ao hoa sen to như bánh xe), chữ Hoa (華) đọc là Hoa (花), sao không viết thẳng là chữ Hoa (花), người chép kinh thuở ấy rốt cuộc có dụng ý gì? (*Trác cư sĩ hỏi*)

Đáp: Hoa (華) là chữ cổ, sách cổ thường dùng; những kinh đọc trong hiện thời đa số được dịch vào thời Tấn - Ngụy, cho nên vẫn tuân theo cách viết ấy!

* Hỏi: Đối với câu Nam-mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, người niệm Phật tại nội địa (Hoa Lục) đều đổi cách đọc chữ Bi (悲) giống như chữ Bôi (杯), nhưng người niệm Phật ở nơi đây (Đài Loan) đa số đọc đúng âm chữ Bi, rốt cuộc âm đọc nào mới là chuẩn xác? (*Trác cư sĩ hỏi*)

Đáp: Chữ này chẳng cần phải câu nệ, đọc theo giọng từng vùng đều được!

* Hỏi: Người đời vào sinh nhật, dùng món chay cúng Phật là được rồi, nhưng có người nói: Nhất định phải thỉnh hòa thượng xuất gia đến tụng kinh, lạy ông trời, như vậy có đúng hay không? (*Chiêm Kim Chi hỏi*)

Đáp: Sinh là một trong mười hai nhân duyên lưu chuyển, thuộc vào hai Đé Khổ và Tập, vốn chẳng đáng vui, nhưng từ đời Đường trở đi, mới lưu hành [tập quán ăn mừng sinh nhật], trở thành phong khí thịnh hành. Tuân theo thói tục mừng thọ, cúng Phật là tốt đẹp, còn lạy Ngọc Hoàng chớ nên làm! Đã chẳng phải là chế định của đức Phật, lại chẳng phải là cổ lễ, chẳng cần phải nghe theo, tin tưởng lời lẽ của người đời, thêm một chuyện chẳng bằng bớt đi một chuyện!

* Hỏi: Người xuất gia có bệnh cũng cầu Ngọc Hoàng, cầu trường thọ, cầu bình an, chẳng biết có hợp với Phật pháp hay chẳng? *(Chiêm Kim Chi hỏi)*

Đáp: Kẻ ấy chắc chắn chẳng phải là người xuất gia chân chánh, thật sự tu trì, chẳng biết thọ mạng và bình an không do trời nắm quyền. Dầu có nói là sám hối, kỳ đảo, đệ tử Phật cũng nên đối trước Phật để thực hiện.

* Hỏi: Xin hỏi danh xưng của chư thiên? Thuộc về cõi nào? Tuổi thọ ra sao? Tương ứng với bao nhiêu năm trong tuổi thọ con người? Vua của chư thiên được xưng hô ra sao? *(Diệu Nguyên hỏi)*

Đáp: Nói đại lược, có hai mươi tám tầng trời, sáu tầng dưới cùng gọi là Dục Giới, mười tám tầng giữa gọi là Sắc Giới, bốn tầng trên gọi là Vô Sắc Giới. Mỗi tầng đều có tên riêng, tầng có thọ mạng thấp nhất là năm trăm tuổi, theo cách tính năm mươi năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên cõi trời, lên mỗi tầng cao hơn cứ tính theo cách ấy. Tên các cõi trời có thể thấy trong khắp các kinh. Muốn [tra cứu] đơn giản, hãy kiểm xem trong một cuốn kinh A Di Đà có kèm theo ghi chú, tra trong phần [giảng về] Tự phần cũng sẽ tự hiểu rõ.

* Hỏi: Vua trời của Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo, Hồi Giáo và các ngoại đạo v.v... thuộc về cõi trời nào? *(Diệu Nguyên hỏi)*

Đáp: Hai mươi tám tầng trời chia thành tam giới, trong [phần trả lời cho] câu hỏi thứ nhất tôi đã nói rõ. Xét theo Phật lý để nói, có thể tu mười thứ thiện nghiệp, sẽ thăng lên Dục Giới Thiên, có công phu Thiên Định mới sanh vào hai cõi trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Kẻ hèn này chẳng biết công hạnh đã tu của các tôn giáo và ngoại đạo ấy, nên chẳng có cách nào nói được sự thăng giáng của họ.

* Hỏi: Địa cầu có tuổi thọ là bao nhiêu? Nay đang nhằm thời kỳ nào? Sau này, còn thời kỳ nào nữa? Chừng bao nhiêu năm? *(Diệu Nguyên hỏi)*

Đáp: Tôi từng nghe các nhà khoa học bàn định, địa cầu là vật được mặt trời phun ra, tuổi thọ của mặt trời đến nay đã có lịch sử sáu mươi ức năm. Dựa theo điều này để luận định, tuổi thọ của địa cầu phải ít hơn mặt trời. Hiện thời nhằm thời kỳ Trụ, trong tương lai sẽ là thời kỳ Hoại. Tôi chẳng hiểu ý câu cuối, xin thứ lỗi chẳng thể kính đáp. Hơn nữa, chuyên mục này được lập ra dành cho hàng sơ cơ chưa liễu giải Phật lý, câu hỏi ấy đã vượt ra ngoài phạm vi [của chuyên mục này], theo lệ chẳng đáp, chúng tôi tạm chấp nhận một lần này!

* Hỏi: Địa cầu vào thuở đầu có thời đại Băng Hà, có thời đại Khủng Long, đây là do nguyên nhân nào? (Có nhiều người cho rằng trời tạo ra con người, phải trải qua mấy lần thất bại là lẽ đương nhiên. Xin hỏi lão cư sĩ, nguyên nhân căn bản có phải là như vậy hay không). Nói đến địa ngục phải chăng là nói đến trạng thái trong thời kỳ ấy (*Diệu Nguyên hỏi*)

Đáp: Hai chữ “nguyên nhân” là đối với kết quả, truy tìm đối tượng, trong ấy bao gồm điều đã được nhắc tới “thất bại là chuyện phải có, là nguyên nhân căn bản”. Đã nói là thất bại, làm sao có kết quả thành tựu? Có nhiều người có nhận thức rất khác với kẻ hèn này, giải thích ý nghĩa của từ ngữ còn khác nhau, học lý sẽ không có cách nào nghiên cứu, thảo luận! Nếu hỏi về địa ngục thì xin tra trong kinh Phật (kinh Địa Tạng và Lương Hoàng Sám đều có ghi chép), chớ nên sờ soạng trong tối tăm. Tôi chỉ dùng lời nói của Khổng Tử để kính khuyên. Khổng Tử là thánh nhân mà còn nói: “*Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm, dĩ tư, vô ích, bất như học dã*” (Ta thường suốt ngày chẳng ăn, suốt đêm chẳng ngủ để suy nghĩ, vô ích, chẳng bằng học). Bàn luận lung tung với mọi người chẳng bằng đọc sách!

* Hỏi: Ngoại trừ Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười phương vô lượng cõi Phật cũng giống như Sa Bà chia thành tam giới ư? (*Diệu Nguyên hỏi*)

Đáp: Một đại thiên thế giới có tam giới, thế giới vô lượng vô biên, tam giới cũng vô lượng vô biên.

* Hỏi: Có người cho rằng trên địa cầu còn có sanh mạng thì chẳng về Tây Phương Tịnh Độ cũng chẳng sao! Có người cho rằng pháp môn Tịnh Độ là một loại chánh sách dành cho dân ngu, vì ngu phu ngu phụ có thể tu pháp này. Có người nói tu hành tại Sa Bà là được rồi, chẳng có nơi nào là Tây Phương Tịnh Độ, vì Phật, Tổ cũng nói: “Cõi Phật cũng là huyễn, chẳng thật”, cho nên chẳng cần vãng sanh Tây Phương, vãng sanh cõi Phật trong tự tâm là được rồi; bởi “tâm tịnh, cõi Phật sẽ tịnh”. Những ý kiến đã ghi như trên đây có phải là đúng đắn vẹn mười hay chẳng? Nếu không đúng, xin lại giải thích một phen! (*Diệu Nguyên hỏi*)

Đáp: Có thể chia thành ba đoạn để đáp.

1. Địa ngục cũng có sanh mạng cực dài, bằng lòng ở mãi trong ấy thì cũng chẳng có gì là không được!

2. Tam Tạng kinh điển, đâu đâu cũng chỉ về Tịnh Độ, tôi không nghĩ toàn là chánh sách ngu dân, nhưng tôi chẳng biết cụ già Thích Ca làm cho chúng sanh ngu mê để mong cầu điều gì? Cổ nhân tu Tịnh Độ có Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chư đại Bồ Tát. Trung Quốc có Huệ Viễn, Trí Giả, Vĩnh Minh, Liên Trì, chư tổ. Lịch đại danh thần, danh nho, có Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha, Văn Ngạn Bác, Lữ Mông Chánh, Viên Hoằng Đạo, Bành Xích Mộc (Bành Tế Thanh), đâu chỉ vài ngàn người! Nếu bảo những vị ấy là ngu phu ngu phụ thì muốn chửi ai là ngu phu ngu phụ, chắc chắn họ là bậc đại thánh nhân trí huệ vô thượng! Đáng tiếc là chúng sanh phước bạc, chưa hề thân cận họ.

3. Tự tâm là gì, quả thật kẻ hèn này vẫn chưa biết, vẫn chưa hiểu, chẳng dám nói là đúng hay sai. Chẳng thà xin [ông hãy] hỏi vị thiện tri thức đã thốt ra [những lời ấy] dạy rõ [tự tâm] là vuông, tròn, dài, ngắn, xanh, hồng, đỏ, trắng [như thế nào] để mọi người đại triệt, đại ngộ!

* Hỏi: Tệ nhân biết chữ Hán sơ sài; do vậy, đối với khóa tụng niệm sáng tối, khó tránh khỏi đọc sai, hoặc có chỗ phát âm chẳng chuẩn. Những điều này có chỗ thiếu lễ kính, hoặc mắc tội lỗi hay chẳng? (*Lý Mộc Tuyên hỏi*)

Đáp: Hãy nên cầu người đã từng học Phật ở nơi ấy dạy truyền khẩu cho ông, sẽ ổn thỏa!

* Hỏi: Trong kinh, những chữ lạ, hiếm thấy rất nhiều, trong từ điển thông thường cũng khó tìm thấy, chẳng biết có từ điển về cách phát âm trong kinh sách để tham chiếu hay không? (*Lý Mộc Tuyên hỏi*)

Đáp: Chữ trong kinh thì còn có thể tra trong tự điển được, chứ chữ dùng trong thần chú phần nhiều chẳng ghi trong ấy. Nếu nói đến chuyện học chú, bất luận có nhận biết mặt chữ hay không, theo lệ, nên cầu thầy Mật Tông truyền dạy!

* Hỏi: Trong cuốn Phật Môn Tất Bị Khóa Tụng có hai đoạn kinh tụng niệm sáng tối, chẳng hạn như khóa tụng buổi sáng từ trang hai đến trang ba mươi lăm, các trang đều phải niệm hết, hoặc là tụng một phần cũng được? Nếu tụng một phần cũng được, trong khóa tụng sáng tối nên dùng phần nào?

(*Lý Mộc Tuyên hỏi*)

Đáp: Sách ấy vốn là khoa mục phải đọc của các khóa tụng trong chùa chiền, người tại gia chẳng cần phải phiền phức như thế, có thể chọn đọc những phần trọng yếu. Nếu chẳng thể tự quyết định, nay tôi sẽ gửi riêng cho ông một cuốn sách nhỏ có hướng dẫn cách tụng niệm đơn giản, hãy chiếu theo đó để làm thì sẽ ổn thỏa.

* Hỏi: Danh mục và chủng loại kinh sách rất nhiều, mỗi ngày luân lưu tụng niệm có được hay chẳng? (*Lý Mộc Tuyên hỏi*)

Đáp: Nhật tụng chuyên chọn lấy một, hai thứ để làm công khóa tu trì nhất định, dùng nhiều thứ sẽ rối loạn. Nghiên cứu thì chẳng hạn định số lượng, nhưng vẫn phải lấy “có thể tiếp nhận hay không” làm chuẩn.

* Hoi: Tệ nhân thân thể chẳng khỏe, bác sĩ chẩn đoán “sáng dậy phải ăn một cái trứng gà”; nếu ăn trứng thì có phải là phạm giới hay chẳng? (*Lý Mộc Tuyên hỏi*)

Đáp: Trứng có sanh mạng, ăn vào sẽ là sát sanh, nhưng mỗi ngày phải ăn, tức là giết nhiều lắm! Thân thể chẳng khỏe sẽ có loại thuốc chánh đáng. Nói đến thuốc bổ thì có nhiều loại thuốc vitamin dạng viên, có thể hỏi bác sĩ chẩn đoán để châm chước sử dụng. Lại nữa, dược phẩm Trung, Tây Y chế thành thuốc bổ loại viên há phải chỉ có mấy trăm loại? Cần gì cứ nhất định phải ăn trứng gà?

* Hoi: Sát sanh để tế thần có tội chướng hay không? Chẳng do chính mình ra tay giết thì như thế nào? (*Lý Mộc Tuyên hỏi*)

Đáp: Sát sanh là ác nghiệp, lẽ đâu vô tội? Tế thần nhằm cầu phước, nguyên nhân đã là ác, lẽ nào được phước? Hơn nữa, vị thần thông minh, chánh trực, ắt chẳng hưởng [đồ huyết nhục hiến tế ấy]. Nếu thần hưởng, sẽ chia sẻ tội với kẻ giết. Ngay cả trong trường hợp chẳng do chính tay ta giết, nghi là vô tội, xin hỏi vụ án thâm Trương Xương Niên được báo chí đăng tải gần đây, Uông Chân trọn chẳng ra tay, nhưng họ Uông có tội hay vô tội vậy?

* Hoi: Trong sách Kỹ Lộ Chi Quy, trang hai mươi, trong điều thứ nhất có những câu như “*nói tới cung kính Bồ Tát thì Bồ Tát tâm rất từ bi, chuyên giúp Phật độ thoát chúng sanh*”, và trang bốn mươi tám, điều thứ nhất là “*đâu đâu cũng có chuyện cầu cơ, phù loan, kẻ giáng đàn chẳng phải là tiên thì cũng là Phật, xét coi giáo huấn của bọn họ có đáng tin cậy hay chẳng?*” Lời đáp là: “*Các đàn cầu cơ ở các nơi quá nửa là do loài quỷ có linh khí, giả mạo danh hiệu tiên, Phật để giáng đàn*” v.v... Nói như vậy thì ngoài Phật, Bồ Tát trong tự viện đáng nên cung kính ra, tượng Quán Thế Âm Bồ Tát bằng gỗ khắc được người ta thờ phụng, lễ kính cũng có thể giáng đàn chỉ dạy, những vị Bồ Tát như vậy có nên cung kính hay chẳng? Đây chẳng phải là loài quỷ có linh khí mạo nhận danh nghĩa Đại Sĩ ư? (*Dương Văn Ngọc hỏi*)

Đáp: Cúng dường, cung kính là một chuyện; cầu cơ, phù loan là một chuyện khác, chớ nên nói nhập nhằng! Thờ phụng, cung kính, trọn chẳng phân biệt là chùa miếu hay gia đình, đều có công đức, hoặc ngấm ngấm, hoặc rõ rệt, đều có thể cảm ứng. Đây là lễ thường về mặt Sự và Lý. Cầu cơ, phù loan, xét về hình tích giống như đồng cốt, bất luận trong chùa chiền hay trong gia đình đều do linh quỷ mạo danh, thuộc loại mê tín, làm càn, nên người trí chẳng chấp nhận!

* HỎI: Do người học thường đến chùa chiền lễ Phật, xem Tứ Thập Nhị Phẩm Nhân Quả Kinh khuyên tu pháp môn Niệm Phật. Trong những sách Phật khác, chẳng thấy nói đến sự tích của Quan Thánh Đế Quân, có sao chùa chiền thờ tượng gỗ của Quan Thánh Đế Quân, vị này chẳng phải là Phật, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát, cũng chẳng phải là thần kỳ, vì sao phải thờ ông ta? *(Dương Văn Ngọc hỏi)*

Đáp: Tứ Thập Nhị Phẩm Nhân Quả Kinh là tiểu thuyết, tuy nội dung chẳng báng Phật, nhưng nói chung toàn là những lời lẽ thiếu chứng cứ. Kể từ sau thời Tùy - Đường, Quan Thánh Đế Quân đã được thờ như một vị thần Già Lam hộ pháp truyền mãi tới nay, giống như thờ Vi Đà Bồ Tát vậy.

* HỎI: Trước đây, do nhà chùa tặng cho kẻ học đạo một trang Phương Pháp Niệm Phật Tại Gia và [những điều được nói trong] trang ba mươi bảy và ba mươi tám sách Kỹ Lộ Chỉ Quy phù hợp với Phương Pháp Niệm Phật Tại Gia, nhưng ngoài tâm niệm Phật hiệu như vậy ra, có còn phải học Thiền Định hay không? Nếu là tại gia niệm Phật, ngoài các giới “giết, trộm, dâm, tham, sân, si” phải giữ ra, còn phải giữ giới nào nữa? *(Dương Văn Ngọc hỏi)*

Đáp: Niệm Phật thuộc về Tịnh Tông; nếu có thể trọn đủ ba món Tín, Nguyện, Hạnh, chắc chắn có thành tựu, không cần phải học Thiền. Bởi lẽ, Thiền mà chẳng gặp minh sư, mò mẫm trong tăm tối, tổn sức mà chẳng đạt được gì. Nếu trì Phật hiệu đến nhất tâm bất loạn, đó là Thiền Định. Tự giữ giới nơi tam thân nghiệp và tam ý nghiệp cố nhiên có công đức, nói chung, chẳng bằng cầu thầy chính thức trao truyền giới pháp sẽ hợp lẽ. Hơn nữa, còn thật sự hiểu giới tướng.

* HỎI: Dựa theo tính toán của cư sĩ Giang Vị Nông trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, số năm trong một kiếp là mười ba ức bốn ngàn mấy vạn năm. Lại nữa, trong Hiền Kiếp sẽ có một ngàn vị Phật xuất thế, nhưng chỉ có thời gian cách biệt giữa hai vị Phật Thích Ca và Di Lặc là lâu tới năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Sự sai khác như vậy khiến cho kẻ khác khá khó hiểu! (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

ĐÁP: Kiếp chia thành ba thứ tiêu, trung, và đại; cách tính toán trong các kinh luận cũng không nhất trí. Theo Trí Độ Luận, cứ một chu kỳ tăng giảm (tức là tuổi thọ con người từ mười tuổi, mỗi một trăm năm tăng thêm một tuổi, cho tới khi thọ tám vạn bốn ngàn tuổi là cực hạn; lại giảm như thế đến khi chỉ còn mười tuổi bèn không giảm nữa) là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Cách tính của Giang cư sĩ là cách tính theo tiểu kiếp. Lại nữa, [thời gian] ngài Di Lặc cách đức Thích Ca, tuy nói là hơn năm mươi sáu ức năm, nhưng trọn chẳng phải là thời gian cách biệt giữa vị Phật xuất thế trước và vị Phật xuất thế sau luôn luôn là như vậy!

* HỎI: Đối với công đức thọ trì, đọc tụng kinh Kim Cang, trong kinh ấy, đức Thế Tôn thường nói: “*Ngã u Nhiên Đẳng Phật tiền đắc trì... vô không quá giả*” (ta ở trước đức Phật Nhiên Đẳng được gặp gỡ... chẳng để luống uổng). Công đức ấy chẳng bằng một phần ngàn vạn ức công đức trì tụng, vậy thì có phải là chư Phật trước đức Thế Tôn [Thích Ca Mâu Ni Phật] chẳng nói kinh này hay không? Nếu chẳng vậy, đức Thế Tôn sẽ khỏi phải khổ sở tu nhiều kiếp? (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

ĐÁP: Tuy các đức Phật trước đó có kinh điển giống như vậy, nhưng còn khác biệt ở chỗ có gặp gỡ hay không, đây là lý do thứ nhất. Hiện thời, kinh Kim Cang há chẳng phải là phổ biến ư? Nhưng kẻ chẳng gặp, chẳng nghe, làm sao tính nổi số lượng? Tuy tụng trì có nhiều công đức, vẫn là thiên trọng tu phước; nếu nói đến chuyện thành Phật thì vẫn phải nên tu Huệ, đoạn Hoặc; đây là lý do thứ hai. Thử xem trong hiện thời chẳng thiếu người tụng kinh Kim Cang, nhưng ngay lập tức thành Phật, rốt cuộc được mấy ai?

* HỎI: Thành Phật ắt phải tự giác, giác tha, giác hành viên mãn, loại công phu ấy thuần túy thuộc về nội chứng; nhưng xét ra, trình độ giác ngộ của Bồ Tát so với sự giác ngộ của Phật thì một đẳng cạn, một đẳng sâu, thế mà Quán Âm đã được xưng tụng là “*cổ Phật hóa hiện*”, có sao phải nhất định lui xuống địa vị Bồ Tát, mãi cho đến tương lai sẽ kế tục địa vị A Di Đà Phật? Học nhân ngu si, quả thật khó hiểu được ý này! (*Hồ Chánh Lâm hỏi*)

ĐÁP: Đấy đều là phương tiện thiện xảo, là tướng thị hiện độ sanh. Như đức Thế Tôn vốn đã thành Phật từ rất lâu, nhưng vẫn đến cõi này, hiện tám tướng thành đạo. Hãy nên biết những điều ấy đều là dùng thân làm gương, nhằm dẫn dụ con người tấn tu. Nếu hiểu rõ Quán Âm Như Lai không chỉ thị hiện làm Bồ Tát, mà còn thị hiện làm Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến trời, rồng, tám bộ v.v... ba mươi hai tướng, sẽ chẳng nghi ngờ chuyện này nữa!

* HỎI: Lúc công việc rảnh rồi, bèn hoằng dương Phật pháp, các bạn đồng nghiệp phần nhiều chẳng tin, nhưng cũng chẳng báng bỗ. Có phải là kẻ hoằng dương đức hạnh lẫn học vấn cạn mỏng, chẳng có sức chiêu cảm, hay là do cái nhân của các đồng nghiệp với Phật chưa chín muồi, mong bậc đại đức ban cho phương thức tốt đẹp để lợi khắp những kẻ chấp trước! (*Nhan Điền hỏi*)

ĐÁP: Ứng cơ thuyết giáo (giảng giải giáo pháp phù hợp căn cơ của người nghe), vốn chẳng phải là chuyện dễ. Bất luận đối phương tiếp nhận hay không, đối với họ, đã gieo một hạt giống; đối với ta, tăng thêm một phần công đức, đôi bên đều được lợi ích. Đã chịu phát đại tâm ấy, đó là Bồ Tát, hãy nên tận hết sức mình, học rộng pháp môn, khuyến hóa người khác, chẳng chán, chẳng nhọc, trì lâu ngày, thường hằng, sẽ tự đạt được hiệu quả kỳ diệu!

* HỎI: Đức Phật dạy chỗ nào cũng đều có thể là đạo tràng. Tôi hề thuận tiện bèn nói nhân quả, có kẻ nghe xong bèn biện luận, bài bác: “Thuyết ấy chẳng hiện thực, do cổ nhân đặt ra để khuyên đời”, nên nêu chứng cứ nào để phá tâm mê ấy? Xin hãy trả lời! (*Nhan Điền hỏi*)

ĐÁP: Nêu chứng cứ bằng chuyện xưa, không gì chẳng dựa theo kinh sách, nhưng đã không tin kinh sách, có thể tin những chuyện đăng tải trên báo chí

hiện thời hay chẳng? Khắp nơi đều là nhân quả, tiếc là chẳng giác ngộ. Không tin tưởng sách cổ, báo chí đăng tải cũng chẳng ngộ, chỉ đành đợi tới khi đích thân [kẻ ấy] trải qua cảnh ấy, may ra sẽ tin tưởng! Tuy thân đã từng trải mà vẫn chẳng tin, dầu Phật xuất thế, sợ cũng chẳng thể cứu kẻ ấy được! Kẻ hèn này càng không thể làm gì được!

* HỎI: Trong các đồng nghiệp, có một kẻ tàn phế nửa người, lại ngược ngạo bảo mọi người đừng tin Phật pháp, công khai đối trước hàng Cận Sự Nam chánh tín hung hăng chửi bới Phật, Bồ Tát âm ỉ, khiến người nghe rợn da gà, có nên tranh luận với người ấy, hay là xót thương gã đó nghiệp chướng sâu nặng, để mặc hẳn sanh diệt theo nghiệp lực, chẳng đòi co với hẳn? *(Nhan Diên hỏi)*

ĐÁP: Đừng bận tâm đến hẳn để đòi bên khỏi chuốc lấy phiền não, ai đi đường nấy, mỗi người có nhân quả riêng.

* HỎI: Đệ tử Phật vào phòng đỡ đẻ của vợ, rồi vào chùa Phật thờ Tam Bảo lễ Phật, chẳng biết có phạm lỗi hay không? Nếu theo luận lý Đạo Giáo thì vào phòng sanh là nơi ô uế, chẳng thanh tịnh, đời sau sẽ mắc quả báo do tội chướng! *(Lý Thanh Thủy hỏi)*

ĐÁP: Sau khi vào phòng sanh, lại muốn về chùa lễ Phật, có thể tắm gội, hể tâm chân thành, thân sẽ trong sạch.

* HỎI: Nếu là cư sĩ, do hoàn cảnh gia đình, chưa quy y Phật môn, nhưng chiếu theo giới luật nhà Phật để tu trì, không biết công đức có giống như đã quy y hay chẳng? *(Lý Thanh Thủy hỏi)*

ĐÁP: Đừng nên lẫn lộn giữa quy y và tu trì; nhưng đã tin thờ Phật, hãy nên quy y thì mới hợp Lý và Sự. Chỉ tu trì, chẳng quy y, tuy có công đức, nhưng thiếu sự thừa. Nếu tin thờ mà thiếu thành kính, công đức sẽ ít. Nếu quy y mà chẳng tu trì, hoặc giải đãi chẳng tiến bộ, cũng chẳng được nhiều công đức.

* Hỏi: Tại gia cư sĩ lúc mới học, nghiên cứu nông cạn, mỗi ngày tụng kinh, trong một ngàn chữ, ước chừng có một chữ đọc sai, sau đây lại tụng đúng, chưa biết có tội lỗi hay chẳng? (*Lý Thanh Thủy hỏi*)

Đáp: Làm mà biết sửa, chẳng có gì tốt lành hơn!

* Hỏi: Sau khi hết thầy chúng sanh cùng lên Liên Bang, họ có tâm tấn tu vô thượng, tiếp tục tu trì hay không? Trừ lúc tu trì ra, sống lâu mà trọn chẳng tịch tịch, chán ngán, buồn bã ư? Sống đã lâu bèn lại trở vào lục đạo hay chẳng? Nếu là có, hết thầy hữu tình sẽ đều là “*trí nhập ngu, ngu nhập trí*” lưu chuyển chẳng có kỳ hạn, như vậy thì đối với hết thầy chúng sanh và chính mình, đức Phật có ích lợi chi đâu? Thành Phật có tác dụng gì? Nếu nỗ lực tu hành, đến cuối cùng đạt được kết quả gì? (*Mạc Ngã Hư hỏi*)

Đáp: Chán tịch tịch là vọng tình lưu chuyển, tán loạn, qua lại trong sáu đường, bị nghiệp lực lôi dẫn luân chuyển. Tu trì là tu đến mức “nghiệp tận, tình không”. Đến cảnh giới ấy, Tịch và Chiêu cùng viên dung, đắc đại tự tại, đây là kết quả chân thật. Nghiệp đã tận, làm sao có thể vào lục đạo (nuơng theo bốn nguyện [trở vào lục đạo] độ chúng sanh chẳng thuộc lệ ấy)?

Tình thức đã rỗng không, làm sao có thể chán nhàm tịch tịch được? Chỉ vì tu đến mức “nghiệp tận, tình không” trong cõi này khá khó, sanh về Liên Bang dễ tu hơn. Lý khó dễ đã được chép tường tận trong các kinh luận Tịnh Độ, ở đây, chẳng thể do mấy lời bèn có thể nói trọn hết được!

* Hỏi: Xưa kia, tôi đã nghe “*nhân quả ba đời chẳng sai sót mảy may*” tức là nói sau mấy đời rồi mới thọ báo, hoặc sau mấy kiếp rồi mới thọ báo, dám hỏi thế gian này có khả năng vĩnh viễn an ninh, hòa bình hay không? Đợi tới khi Di Lặc tôn giả giáng sanh, trong lúc ấy, có chúng sanh thọ ác báo hay không? Chiến tranh, án mạng có phát sanh hay không? Nếu không, thì do nguyên nhân nào? (*Mạc Ngã Hư hỏi*)

Đáp: Đối với câu hỏi này, nếu nói nông cạn sẽ chẳng viên mãn, nói sâu sẽ khó hiểu, ở đây tôi chọn cách nói chiết trung. Chỉ có Tịnh Độ của Phật là vĩnh viễn an ninh. Cõi này có tên là Sa Bà, do cộng nghiệp của chúng sanh ác tâm

hiển hiện, vốn vô thường, ắt phải trải qua các giai đoạn thành, trụ, hoại, không. Trên thế giới chẳng thể vĩnh viễn thường hằng, lẽ đâu có an ninh vĩnh viễn? Dầu cho tới khi ngài Di Lặc giáng sanh, bất quá là hiện tượng tốt đẹp hơn thời Mạt Pháp chút ít mà thôi. Ngũ Nghịch, Thập Ác vẫn phát sanh y như cũ, thành, trụ, hoại, không vẫn lưu chuyển như cũ. Nếu thiên hạ thái bình, Phật Di Lặc tội gì phải đến cõi này!

* Hỏi: Nghe nói có Lão Mẫu Giáo⁶¹, còn gọi là Di Lặc Phật Giáo, đồ chúng miệng chỉ niệm “*Lão Mẫu từ bi, Lão Mẫu từ bi*”. Theo như họ nói, [tu hành theo đạo của họ mới] có quả vị, chẳng coi chur Phật, Bồ Tát trong Thích Giáo ra gì, đó là do duyên có nào? Xin chỉ dạy! (*Nhan Điền hỏi*)

Đáp: Kẻ nghiệp chướng sâu, tâm tánh cũng rất mê hoặc. Rất đổi mê hoặc nên thị phi điên đảo, kẻ ấy tự nhiên dễ nhập tà ma. Nghiệp nặng, chướng sâu chính là nhân; mê hoặc, điên đảo chính là duyên.

* Hỏi: Những kẻ truyền đạo của bọn họ (Lão Mẫu Giáo) đều tự xưng là “*tiên nhân*” (người giới thiệu, tiên cử), nắm giữ cơ cấu chung trong đạo. Họ cũng nói: Thích Giáo là Hồng Kỳ, còn bọn họ là Bạch Kỳ, chỗ nào cũng có giáo đồ. Có sao hội Phật giáo nơi đó chẳng làm cho họ quay về nẻo chánh, cứ để cho họ xằng bậy tự tôn, tự đại? (*Nhan Điền hỏi*)

Đáp: Phật giáo công khai giảng diễn, chỉ sợ chúng sanh chẳng phân tà, chánh, chẳng qua kẻ mê hoặc sâu, giống hết như kẻ bệnh tật đã lậm đến cao hoang, hết thuốc chữa đó thôi! Chẳng phải là hội Phật giáo không khuyên dạy, chỉ là không có cách nào khởi tử hồi sanh!

* Hỏi: Nghe nói Chương Gia đại sư đã viên tịch là bậc đại đức Thiên Tông, tộ nhân bá Chương Gia đại sư làm thầy (tập thể bá sư). Nếu xét theo cá tánh của tộ nhân mà nói, tự cảm thấy nên tu Thiên Tông; nếu xét theo hoàn cảnh để nói, nên tu Tịnh Độ Tông; chẳng biết tôi nên làm như thế nào mới thỏa đáng? (*Trương Duy Minh hỏi*)

Đáp: Chương Gia đại sư thật ra là Mật Tông. Nên biết quy y là quy y Tăng đoàn. Trong Tăng đoàn ấy, các pháp đều có đủ. Nếu luận về cách tu, pháp nào phù hợp căn khí cá nhân cũng đều tốt đẹp. Cư sĩ đã do hoàn cảnh đáng nên tu Tịnh Độ thì hãy nên tu Tịnh Độ.

* Hỏi: Bí mật của Thiền Tông là chẳng truyền cho người khác, tỳ nạn từng bái bậc đại đức trong Thiền Tông là Chương Gia đại sư làm thầy, có thể do điều kiện ấy mà hỏi đạo với bậc đại đức trong Thiền Tông hay không? (Trương Duy Minh hỏi)

Đáp: Thiền Tông trọn không có thuyết “bí mật chẳng truyền”, chớ hiểu lầm! Do tâm tánh cùng một lối, hoàn toàn do tự ngộ, chẳng thể dùng lời lẽ để truyền dạy được! Đó gọi là “ngôn ngữ đạo đoạn” (dứt bặt ngôn ngữ). Cư sĩ toan hướng về bậc đại đức Thiền Tông để hỏi đạo, chưa hề chẳng phải là điều tốt đẹp, nhưng Thiền đức là người như thế nào, trước hết phải nhận biết!

* Hỏi: Nếu tu Tịnh Độ Tông, mà nghiên cứu thêm Thiền Tông để hiểu rõ lý, có phải là sẽ tinh tấn nhanh hơn, lại còn khéo léo ở chỗ “nhất cử lưỡng tiện” hay chẳng? (Trương Duy Minh hỏi)

Đáp: Bất luận tu Thiền hay tu Tịnh, đều phải hiểu lý. Nếu có thể thông hiểu sâu xa một pháp, sẽ tự hiểu những pháp khác. Trộm bàn: Nay nhằm thời kỳ Mật Pháp, đang lúc căn tánh con người trì độn, kém cỏi, tinh thông một thứ đã khó lắm, kiêm tu sợ rằng càng khó hơn nữa!

* Hỏi: Trong Bất Khả Tư Nghị Công Đức Lục có ba đoạn nói về trình tự, cách thức tu Tịnh Độ; có phải là chọn ra bất cứ cách nào thích hợp hoàn cảnh của chính mình là được hay không? Nếu sau khi đã làm xong cách thức tu trì theo thứ tự, có thể tiếp tục tụng kinh điển hay không? Kinh điển nào so ra thích đáng, xin hãy nêu ra! (Trương Duy Minh hỏi)

Đáp: Kinh có nghiên cứu và đọc tụng sai khác, có thể tham khảo nơi trang sáu mươi một, trong phần trả lời câu hỏi của cư sĩ Thẩm Chung Ngũ, sẽ có công hiến. Cư sĩ đã tính tu Tịnh, trước hết hãy nên đọc kinh điển Tịnh Độ.

Nếu chẳng thông hiểu pháp môn của chính mình, mà đã xem rộng các môn khác, sợ môn nào cũng đều chẳng thành!

* Hỏi: Có nên tự soạn bài văn hồi hướng phát nguyện hay không? Vì bài do tôi tự soạn thuần xuất phát từ tự tâm, cũng giống như lập thệ, giống như là một bài tự truyện cá nhân, chẳng thể nói dối được! (*Trương Duy Minh hỏi*)

Đáp: Người sơ cơ chưa hiểu rõ Phật lý, sợ phát nguyện chẳng chánh đáng, hãy nên dựa theo [những bài văn hồi hướng phát nguyện] do cổ đức đã định sẽ tốt hơn. Sau này, [khi đã có] chánh tri chánh kiến thì cũng có thể tự soạn văn phát nguyện.

* Hỏi: Tệ nhân rất muốn kiêng dứt đồ mặn, nhưng thân thể lắm bệnh, suy nhược tới cùng cực do thiếu dinh dưỡng. Nếu từ bỏ những thứ như thịt, cá v.v... thân thể càng thêm suy nhược hơn, trong tình hình này, có nên giữ tâm niệm tuy ăn mà chẳng vì tham vị ngon, khi ăn luôn giữ lòng đại bi hay chẳng? (*Trương Duy Minh hỏi*)

Đáp: Chẳng ăn thịt, cơ thể suy nhược; đối với vấn đề này, hiện tại vẫn chưa luận định dứt khoát, chưa được giới y học và khoa học khảo sát trong một thời gian dài, nên chẳng dễ dàng nhanh chóng đưa ra lời quyết đoán được! Cư sĩ vốn là kẻ sơ phát tâm, hết thầy tạm thời thuận theo phương tiện cũng chẳng phải là không được. Sau này, nếu tu học tiến hơn, sẽ có thể tự giải quyết.

* Hỏi: Chẳng biết là đối trước người chết tụng kinh, lễ sám thì là tụng cho người chết nghe, hay tụng cho người sống nghe? (*Trần Liên Sanh hỏi*)

Đáp: Thật ra câu hỏi “tụng cho ai nghe” chính là câu hỏi “tiêu [tội chướng] cho ai”. Ví như có người sanh ghẻ, để chữa trị, phải giải phẫu, chẳng phải là vấn đề làm cho ai xem, mà là vấn đề chữa trị cho ai!

* Hỏi: Con người sau khi chết, chẳng biết là vẫn còn đang ở linh tiền⁶² hay là đã chuyển sanh theo tội nghiệp? (*Trần Liên Sanh hỏi*)

Đáp: Sau khi chết, trước khi vào lục đạo, sẽ có Trung Âm Thân, thân ấy có thể bị triệu vời tới linh tiền, hoặc sau khi đã đọa quỷ đạo, cũng có thể triệu vời tới linh tiền. Trừ hai trường hợp này ra, sẽ chẳng thể triệu vời được. Nhưng hai trường hợp này đều có thọ mạng kha khá; nếu như thọ mạng đã tận, sẽ có chỗ nương gá khác, chẳng thể đến nữa!

* Hỏi: Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh do vị Phật nào nói, và nói ở chỗ nào? (*Trần Liên Sanh hỏi*)

Đáp: Lời kinh đã nói phân minh: Do Quán Tự Tại Bồ Tát nói trong thời kỳ đức Phật giảng Bát Nhã, Ngài vãng mạng nói ra. Kinh này có mấy bản dịch tiếng Hán, xem các bản dịch thời Đường - Tống, như bản dịch của các vị Pháp Nguyệt, Trí Huệ Luân, Pháp Thành, Thi Hộ v.v... đều có những câu chữ [cho thấy kinh ấy được nói] tại núi Linh Thứu thành Vương Xá.

* Hỏi: Chẳng biết La Hầu La là do thần thông sanh ra hay do dâm dục sanh ra? (*Trịnh Nghĩa Lãng hỏi*)

Đáp: Lũ phàm phu chúng ta hãy nên tuân theo những gì được kinh điển xiển dương, truyền thuật, cổ đức đã nói là “*thần thông thị hiện*”, sao cứ phải nghi hoặc lăm nõi? Nếu cứ muốn cầu chứng thực, chỉ có cách thỉnh vấn đức Thế Tôn, chứ lời những người khác nói đều là suy đoán mà thôi!

* Hỏi: Trong sách Phật ghi chép về tuổi tác lúc [thái tử] Tất Đạt Đa xuất gia có hai thuyết: Một là Ngài xuất gia năm mười chín tuổi, thuyết kia là năm hai mươi chín tuổi, chẳng biết thuyết nào là đúng? (*Trịnh Nghĩa Lãng hỏi*)

Đáp: Hai thuyết ấy đều được chép trong kinh Phật, nếu chúng ta chẳng có sự khảo cứu kha khá, chỉ đành chấp nhận cả hai thuyết. Biết thì nói biết, không biết thừa không biết, chính là thái độ của người học. Thử nghĩ những người kết tập kinh điển đều là đệ tử Phật, hoặc là người truyền lại, cách Phật chưa xa, nếu có [chi tiết nào nói] hai cách khác nhau, làm sao chúng ta có thể quyết đoán chính xác. Chẳng hạn như năm tháng đức Phật giáng sanh, cho đến nay vẫn tranh luận chưa ngớt, rảnh đâu để luận định độ tuổi khi Ngài xuất gia!

* Hỏi: Thuở Phật tại thế, thấy lũ kiến, mỉm cười nói: “Bầy đực Phật đã xuất hiện trên thế gian mà [bọn chúng] chưa thoát thân kiến”, nay thì đến chỗ nào cũng đều có kiến, có phải chúng đều mang thân kiến từ quá khứ mãi cho đến nay đó chăng? Bồn tánh của chúng có bị giảm thiểu hay chăng?

(Hồng Hoàn hỏi)

Đáp: Chưa khai Thiên Nhãn, chẳng thể biết chuyện đời trước được. Suy theo lý, trong số ấy ắt có những con kiến từ trước thời thất Phật [cho tới nay] vẫn chưa thoát thân kiến, chỉ có điều chẳng thể khẳng định kiến ở bất cứ nơi nào cũng đều đã mang thân kiến từ thuở ấy. Những con kiến dẫu mang thân kiến từ trước thời bầy đực Phật, xoay vần đến nay, tánh cũng chẳng giảm; nhưng sợ là ô nhiễm càng sâu, duyên giải thoát càng mờ mịt vậy!

* Hỏi: Đức Thế Tôn lên cõi trời, vào cung rồng thuyết pháp, đó là thần thức đến hay sắc thân đến, còn như các đệ tử cùng đi theo [sẽ đến] bằng cách nào? *(Hồng Hoàn hỏi)*

Đáp: Đức Thế Tôn pháp lực vô biên, thần thức và sắc thân đều có thể đến được, các vị đệ tử đều là đại A La Hán, đều có thần thông, nên đều có thể cùng đi.

* Hỏi: Con người sau khi chết, đầu thai vào quỷ đạo, sẽ có cha mẹ, anh em trai, chị em gái, lục thân quyến thuộc? Hay là trợ trọi một mình?

(Hồng Hoàn hỏi)

Đáp: Quỷ có thai, noãn, thấp, hóa tứ sanh. Trong những loài quỷ thai sanh và noãn sanh, đương nhiên có quyến thuộc.

* Hỏi: Học nhân có một người bạn học pháp môn Tịnh Độ, sớm tối tụng niệm công khóa kiên thành, và hằng ngày niệm Phật hiệu hơn một vạn tiếng. Gần đây có người chèo kéo học Kim Cang Đối Quyền, lại có người bạn rủ rê nghiên cứu Phật pháp, ông ta hằng ngày luyện tập giảng diễn để có thể hoằng pháp, chẳng biết học niệm Kim Cang Đối Quyền là tốt, hay học

Phật pháp là tốt? (*Hồng Hoàn hỏi*)

Đáp: Học Phật nhằm liễu sanh tử, quý ở chỗ giải hành tương ứng, lại trọng ở chỗ tự giác, giác tha, chẳng học Phật pháp, làm sao có thể hiểu? Chẳng hiểu thì làm sao có thể giác tha? Diễn giảng Phật pháp đều đáng nên học. Niệm Phật là hành, nhưng chớ nên cầu giải mà bỏ sót hành. Còn về Kim Cang Đới Quyền, đây chính là một thứ kinh sám ứng phó bên ngoài, người tại gia học thứ ấy có ích gì đâu?

* **Hỏi:** Trong sách Nhị Khóa Hợp Giải do Đài Loan Bồ Đề Thư Cục xuất bản, nơi trang mười một, trong đồ hình thứ nhất về Hoa Tạng, có nói tứ châu chính là bốn địa cầu. Có đến bốn địa cầu thì cũng không phải là chẳng được, nhưng theo sách ấy nói, địa cầu trôi nổi trong bốn biển nước mặn, tự hồ chẳng phù hợp sự thật (bốn phía địa cầu là không khí, chẳng phải là biển nước mặn), nên giải thích như thế nào mới hòng thông suốt, hợp lý? (*Trâm Chung Ngũ hỏi*)

Đáp: Các tướng thế giới vốn thuộc huyễn hóa, chẳng thật, chẳng thường! “Chẳng thường” là thành, trụ, hoại, không, đổi khác trong từng sátna. “Chẳng thật” là đều do tâm biến, chỉ có thức, chẳng có cảnh. Căn cứ theo đó, bốn châu, biển nước mặn đều vô sở hữu. Phàm những gì có tranh chấp, thay đều là hý luận, đó là Chân Đế. Nếu nói theo Tục Đế, văn tự của cổ nhân giản lược, lại qua phiên dịch, Lô sơn có thể bị mất diện mục thật sự. Lại qua hình vẽ của người đời sau, biến thành hình thức cố định, khô cứng, [khiến người đọc] càng thêm lạc trong mây mù. Lại do nhiều người chú giải, mỗi vị chấp một lẽ, khiến cho người ta càng hiểu sai lạc, nghi ngờ nhiều hơn. Ý kiến hèn tẻ của tôi cũng là đoán mò: Dường như nói một châu là một quả địa cầu cũng chẳng sao, biển nước mặn cũng không nhất thiết phải ở ngoài địa cầu! Bởi “châu” chính là đất liền ở giữa nước, có thể là đơn độc hay hợp thành nhóm sai khác, như Đài Loan là hòn đảo đơn độc, nhưng Phi Luật Tân là quần đảo. Diêm Phù Đề là một nhóm các châu, bao gồm các châu Á, Mỹ, Âu, Úc, đều cùng được bao quanh bởi biển nước mặn, phía dưới là phong luân, tức không khí bao phủ hoàn cầu. Dường như đối với những thuyết xưa nay, không có gì chẳng thích hợp!

* Hỏi: Nơi trang thứ chín mươi bảy của sách Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục có nói: “*Khi duyệt kinh, chớ nên suy xét ý nghĩa của kinh*”, nhưng khi dịch kinh Phật từ tiếng Ấn Độ sang tiếng Hán, không gì chẳng phải là suy xét sâu xa ý nghĩa kinh, lại còn cân nhắc từng chữ. Nếu duyệt kinh chớ nên tìm hiểu, suy xét nghĩa kinh, há chẳng phải là người dịch kinh đa sự ư?

(*Trâm Chung Ngũ hỏi*)

Đáp: Đối với kinh, người học có các cách duyệt, đọc, tụng và nghiên [khác biệt]. Duyệt là lặng lẽ xem, đọc là đối trước quyển kinh đọc ra tiếng, tụng là xếp kinh lại, đọc thuộc lòng, “nghiên” là suy xét tường tận nghĩa lý. Ba cách trước đều nhằm cầu Định, cách cuối cùng nhằm chuyên cầu Huệ, đều có giới hạn rạch ròi. Khi hành ba phương pháp trước mà nếu kèm thêm tư duy, không chỉ Định chẳng thể thành, mà ngay cả ba pháp ấy cũng đều chẳng thành! Hành một pháp cuối cùng mà nếu kèm thêm những cách khác, cũng giống như vậy! Lời của tổ Ấn Quang nói chẳng phải là không được “*nghiên kinh*” (nghiên cứu nghĩa lý của kinh), mà là khuyên chớ nên dùng các pháp loạn xạ!

* Hỏi: Núi Tu Di nằm giữa bốn đại bộ châu, chỉ đức Phật có thể thấy, hay là phàm phu tu hành cũng có thể thấy, hay là núi Tu Di là một danh từ tỷ dụ?
(*Dư Bình hỏi*)

Đáp: Lời đức Phật nói có hiện lượng ngữ, tỷ lượng ngữ, thí dụ ngữ, tùy thuận ngữ, giả định ngữ. Kẻ hèn này mắt thịt, chẳng thể chứng kiến núi ấy. Cư sĩ dựa theo thánh ngôn lượng, liền tin chuyện ấy là thật sự có, cũng chẳng mắc lỗi gì!

* Hỏi: Có người hỏi một câu trong phẩm Phổ Môn: “*Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ*” (Nếu có nữ nhân muốn cầu con trai, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức, trí huệ. Nếu muốn có con gái, liền sanh con gái đoan chánh, xinh đẹp), đó là nói kẻ không con nếu cầu Bồ Tát sẽ có thể sanh con. Nếu như trong mạng đã định sẵn là vô con, vẫn có thể cầu được ư?
(*Dư Bình hỏi*)

Đáp: Trong mạng có con, sanh con trai hay con gái thì đó là chuyện thuộc khả năng của người ấy. Trong mạng không có con mà có thể sanh con thì mới là sức thần thông gia bị của Bồ Tát.

* Hỏi: Chân lý Phật giáo có phải là lấy tam pháp ấn làm đại biểu. Nếu có thứ nào khác, xin đại đức hãy dạy căn kẽ! (Tức là chân lý của Gia Tô giáo (đạo Thiên Chúa) ở chỗ nào)? *(Kha Bãng hỏi)*

Đáp: Tam pháp ấn⁶³ chính là Tiểu Thừa, Đại Thừa chỉ có một pháp ấn (tức Thật Tướng) mà thôi! Chân lý chính là cái lý chẳng thể nào phá trừ được, nên gọi là “*bất khả tư, bất khả nghị*” (chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ). Ất phải phá trừ hai chấp là Ngã Chấp và Pháp Chấp thì mới có thể thấy được. [Những thứ ngôn luận] lao xao suốt ngày phần nhiều thuộc vọng ngữ, trọn chẳng phải là chân lý. Điều này chỉ dành nói với bậc trí, khó thể nói với kẻ thông tục! Kẻ chẳng có Phật trí mà nói đến chân lý thì chỉ [nói được] một mảnh vụn của chân lý mà thôi. Chân lý trong giáo pháp kia (Gia Tô giáo), tôi chẳng biết!

* Hỏi: Tam Tạng mười hai bộ kinh mỗi tạng có mấy quyển? *(Kha Bãng hỏi)*

Đáp: Tại Trung Quốc, từ thời Tùy - Đường tới nay, các đời đã thu thập kinh điển [đưa vào Đại Tạng Kinh] khác nhau, lại còn có các thứ phiên bản, hoặc tăng, hoặc giảm, mà số quyển của các phiên bản được thu thập trong mỗi đời cũng đều chẳng đồng nhất. Nếu chia [theo từng triều đại] để nói, sẽ rườm rà khôn xiết! Chỉ nói tới bản cuối cùng do Tần Già Tinh Xá ấn hành⁶⁴, tổng số đã lên tới hơn tám ngàn bốn trăm quyển! Nếu chia theo Tam Tạng để nói, mỗi Tạng có bao nhiêu quyển, kẻ hèn này vô ý, chưa thể kiểm tra. Ngay như Đại Tạng Kinh được in ở Đài Bắc trong hiện thời, tuy ở ngay trước mắt, mà xét coi mỗi Tạng có bao nhiêu quyển, quả thật tôi cũng chưa hề để ý! Điều này giống như đối với căn nhà kẻ hèn này đang ở, có người hỏi: “Trên nóc nhà ông, ngói lợp có mấy miếng? Kiếng gắn cửa sổ có mấy tấm?” Bèn trở mặt chẳng đáp được, chỉ đành nói: “Để tôi coi lại rồi mới thưa!”

* Hỏi: Kinh Tạng được kết tập mấy lần? Mỗi lần cách thời đức Phật nhập diệt bao nhiêu năm? *(Kha Bãng hỏi)*

Đáp: Đại khái, Tiểu Thừa [kết tập kinh điển] bốn lần. Có lần kết tập ngay trong năm đức Phật nhập diệt; có lần cách một trăm năm, và có lần cách hai trăm, bốn trăm, năm trăm năm. Hình như Đại Thừa kết tập một lần, sau khi đức Phật diệt độ, đã kết tập trong bảy ngày bảy đêm. Điều này dính dáng đến khảo cứu học, ắt phải đối chiếu nhiều loại sách, mới biết được đầu mối, cũng chẳng phải là vấn đề [có thể trình bày] trong dăm ba câu! Trong Thái Hư Đại Sư Toàn Thư có ghi chép cặn kẽ, có thể tra duyệt.

* HỎI: Phật giáo từ khi nào truyền vào Trung Quốc, đến nay là bao nhiêu năm? (*Kha Bãng hỏi*)

Đáp: Sử sách Trung Quốc ghi chép tường tận, không thể phủ nhận, là từ thời Minh Đế (28-75) nhà Đông Hán; nhưng những điều được ghi chép trong sách khác, mỗi điều đều có chứng cứ. Như theo Tây Nhung Truyện của bộ Ngụy Lược⁶⁵ và Liệt Tiên Truyện⁶⁶ của Lưu Hưởng ghi chép thì trong thời Thành Đế và Ai Đế nhà Tây Hán cũng có kinh Phật. Lại nữa, thời Hán Vũ Đế, Tỳ Tà Vương tới hàng, [vua Hán được dâng tặng] vị thần mình vàng⁶⁷, chuyện này lại thuộc đầu thời Tây Hán. Theo Thập Di Ký⁶⁸ của Vương Gia, thời Yên Chiêu Vương, đạo nhân nước Thân Độc⁶⁹ tới kinh đô nước Yên. [Sách ấy] còn chép Tần Mục Công được [hiến tặng] tượng đá. Nhìn vào những điều trên đây, mỗi chuyện đều xảy ra trước [thời Hán Minh Đế]. Sách Liệt Tử lại chép thời Châu Mục Vương có chuyện hóa nhân hiện đến. Đây là thuyết sớm nhất về lúc đạo Phật truyền vào Trung Quốc. Tóm lại, đều là tìm cầu nơi dấu vết. Trung Quốc quen thói “*trọng tiền, khinh hậu*”, tức là kẻ tôn sùng Phật ắt muốn [đẩy thời điểm Phật giáo truyền vào Trung Quốc] sớm hơn; kẻ ghét Phật ắt muốn đẩy lùi [thời điểm ấy] chậm trễ hơn. Trừ thuyết [Phật giáo truyền vào Trung Quốc vào thời] Hán Minh Đế ra, những thuyết khác đều còn đang tranh luận chưa ngã ngũ, kẻ hèn này chẳng giỏi khảo sát chứng cứ, chỉ đem những điều chính mình đã biết để kính cần đáp lời mà thôi.

Phật Học Vấn Đáp Loại Biên

Phần 2

---o0o---

HẾT

¹ Trung Lang là tên tự của Viên Hoằng Đạo (1568-1610). Viên Hoằng Đạo có hiệu là Thạch Công, là người xứ Công An, sống vào đời Minh, hai em trai là Viên Tông Đạo và Viên Trung Đạo đều tài danh, nên người đời thường dùng chữ Tam Viên để gọi họ. Qua trước tác, họ đã thành lập riêng một trào lưu văn học gọi là Công An Phái. Tác phẩm Phật học nổi tiếng nhất của Viên Hoằng Đạo là Tây Phương Hiệp Luận.

² Trọng Hựu là tên tự của Đinh Phước Bảo, một nhà Phật học nổi tiếng thời đầu Dân Quốc, tác giả bộ Phật Học Đại Tự Điển.

³ Diễn Thánh Công là tước vị thế tập dành riêng cho hậu duệ đích truyền của Khổng Tử. Tước vị này được coi như bắt đầu từ thời Tần khi Tần Thủy Hoàng phong cho cháu chín đời của Khổng Tử là Khổng Phục làm Thiếu Phó. Hán Cao Tổ đổi tước vị này thành Phụng Kỵ Quân, Hán Nguyên Đế đổi thành Bao Thành Quân, Hán Thành Đế đổi tước vị này thành Ân Thiệu Gia Hầu. Thời Tào Ngụy đổi thành Tông Thánh Hầu, rồi lần lượt đổi thành Sùng Thánh Hầu (đời Bắc Ngụy), Cung Thánh Hầu (đời Bắc Tề), Trâu Quốc Công (đời Tùy), Văn Tuyên Vương (đời Đường Huyền Tông), về sau đổi thành Văn Tuyên Công. Chức vụ này đổi thành Diễn Thánh Công dưới đời Tống Nhân Tông và danh hiệu này giữ mãi cho đến thời Dân Quốc. Năm 1935, với ý định xóa bỏ mọi quan chức nhà Thanh, chính quyền Dân Quốc đổi Diễn Thánh Công thành Đại Thành Chí Thánh Tiên Sự Phụng Kỵ Quan. Sau khi người cuối cùng giữ chức Diễn Thánh Công là Khổng Đức Thành

qua đời vào năm 2008, chức quan này bị phế trừ, tuy con cháu Khổng Đức Thành vẫn kế tập tước vị này, nhưng không còn dinh thự, không có lương bổng, mà cũng chẳng có nhân viên trực thuộc.

⁴ Tuy gọi là Khảo Tuyển Bộ, nhưng bộ này chẳng dính líu gì đến công tác thi cử trong bộ Giáo Dục. Khảo Tuyển ở đây chịu trách nhiệm sát hạch trình độ chuyên môn các công chức, thanh tra các cơ cấu khảo tuyển nhân viên trực thuộc chánh phủ, quy định chính sách, chế độ đãi ngộ, thăng cấp, giáng chức, thuyên chuyển công chức.

⁵ Nguyên văn “*thọ chi lật táo*”. Thời cổ, do in sách bằng mộc bản, ván khắc chữ thường làm bằng gỗ cây lật hoặc cây táo do số của những loại gỗ này thẳng, dễ khắc, ván lại bền, lâu hư. Vì thế, chức tưng một tác phẩm nào sẽ được tái bản nhiều lần, người ta dùng từ ngữ “*thọ chi lật táo*”.

⁶ Đông Lỗ là thành ngữ chỉ tỉnh Sơn Đông, do vào thời Xuân Thu Chiến Quốc, địa bàn đất Lỗ thuộc tỉnh Sơn Đông. Cụ Lý Bình Nam là người xứ Tế Nam, tỉnh Sơn Đông.

⁷ Kỳ Hoàng là Kỳ Bá và Hoàng Đế, hai vị được coi là thánh tổ của y học Trung Hoa. Theo truyền thuyết, Kỳ Bá ưa thích y dược, ban ngày nếm thuốc, nghiên cứu dược tánh, ban đêm tập dưỡng sanh, nắm vững hệ thống kinh lạc. Do Hoàng Đế cũng ưa thích y học nên tìm đến học hỏi với ông; về sau, Kỳ Bá trở thành đại thần của Hoàng Đế. Người Trung Hoa vẫn coi bộ Hoàng Đế Nội Kinh là cuộc thảo luận y học giữa Hoàng Đế và Kỳ Bá.

⁸ “*Phá mê khai ngộ*” (phá mê hoặc, khơi gợi sự giác ngộ). Ở đây, cư sĩ Từ Tĩnh Dân dùng chữ Khải (啟), không phải “khai” (開) nhằm ca ngợi lời giải đáp của cụ Lý Bình Nam giống như một khai thị quan trọng hướng dẫn người học, người hỏi tự nhận thức, tự tìm ra lẽ chánh qua lời dạy.

⁹ Ngũ Minh (Pañca vidyā-sthānāni) năm thứ học thuật chánh yếu của cổ Ấn Độ gồm:

1. Thanh minh (Sabda-vidyā): Ngôn ngữ học, nghiên cứu điển tịch.
2. Công xảo minh (Silpakarma-vidyā): Công nghệ, kỹ thuật, toán pháp, lịch số.
3. Y phương minh (Cikitsā-vidyā): Y học, dược học, chú pháp.
4. Nhân minh (Hetu-vidyā): Luận lý học.

5. Nội minh (Adhyātma-vidyā): Cái học về diệu lý ngũ thừa nhân quả. ¹⁰ Lý thú: Chỗ quy kết của nghĩa lý trong kinh điển.

¹¹ Nạp tảng: Do tỳ-kheo mặc ca-sa bằng các mụn vải chằm lại nên gọi là Nạp Tảng.

¹² Đây là lời tán thán cụ Lý Bình Nam ứng cơ thuyết pháp, tâm rộng rang giống như chuông kêu to hay nhỏ tùy theo người gõ. Cũng như vậy, tùy theo căn cơ sâu cạn của người hỏi, mà lời đáp phù hợp khít khao.

¹³ Lý Quảng và Trình Bất Thức là hai danh tướng thời Đông Hán. Lý Quảng nổi tiếng phóng túng, không chú trọng quân kỷ, nhưng thương lính như con nên binh sĩ phục tùng, thường chuyển bại thành thắng; trong khi đó Trình Bất Thức hết sức nghiêm khắc, quân lệnh như núi. Ở đây, pháp sư Dung Hy dùng từ ngữ “*điều đầu sâm nghiêm*” để diễn tả quân kỷ của Trình Bất Thức, điều và đầu là hai dụng cụ bằng đồng bằng sắt có thể dùng để đun nước, nấu cơm của mỗi quân nhân, và dùng để gõ làm hiệu lệnh tuần tra trong đêm tối.

¹⁴ Doanh Kiêu (瀛嶠): Một tên gọi ít phổ biến của Đài Loan, Doanh là biển khơi, Kiêu là ngọn núi cao nhọn.

¹⁵ Tatami là một loại thảm hay đệm lót nền kết bằng rơm trong kiến trúc truyền thống của Nhật Bản.

¹⁶ Bá Di họ Tử, thuộc thị tộc Mặc Thai, tên là Doãn, tự Công Tín, là con trưởng của Á Vi, vua nước Cô Trúc (nay thuộc thành phố Đường Sơn, tỉnh Hà Bắc). Em trai là Thúc Tề được vua cha dự định truyền ngôi, nhưng điều này trái với tông pháp truyền ngôi cho dòng đích thời ấy, nhưng Thúc Tề không muốn đoạt ngôi của anh, Bá Di cũng chẳng muốn trái lời cha, nên hai anh em cùng bỏ trốn, chạy sang đất của bộ lạc Châu, được Châu Văn Vương coi trọng. Khi Châu Vũ Vương hưng binh phạt Trụ, Bá Di và Thúc Tề đã chặn đường, khóc lóc can ngăn, nhưng Châu Vũ Vương đã quyết ý. Khi Trụ Vương bị diệt, hai anh em khóc lóc, quyết định chẳng ăn thóc lúa nhà Châu nhằm biểu hiện lòng trung với nhà Thương, trốn vào núi Thủ Dương ẩn cư, ăn vỏ cây, rau dại sống qua ngày. Về sau, có người nói thiên hạ đã là của nhà Châu thì cỏ hoang, rau dại cũng là của nhà Châu, họ bèn nhịn đói đến chết.

Liễu Hạ Huệ (720-621 trước Công Nguyên), họ Triễn tên Hoạch, biểu tự là

Cầm, một tên tự nữa là Quý, người nước Lỗ, là hậu duệ của công tử Triễn (con trai Lỗ Hiếu Công); do vậy, họ gốc của ông là Cơ, do gọi theo tên của tổ phụ nên thành họ Triễn. Liễu Hạ là tên thực ấp (đất phong của ông), Huệ là thụy hiệu, cho nên mới thường gọi là Liễu Hạ Huệ. Ông làm quan đại phu nước Lỗ, ông được coi là thủy tổ của những người mang họ Liễu sau này. Ông là nhân vật được coi là người đức hạnh, với câu chuyện: Trên đường thấy một phụ nữ bị rét cóng sắp chết, nên ông cởi áo khoác phủ cho cô ta rồi ôm cô ta trong lòng cho hết lạnh, nhưng chẳng khởi tà tâm.

¹⁷ Đồ Hương (Vilepana) là loại hương dùng để bôi trên thân nhằm khử mùi hôi khi trời nóng bức. Có nhiều loại đồ hương, đơn giản nhất là loại dùng Chiên Đàn nghiền thành bột hòa với nước để bôi trên thân, có loại dùng sáp hòa hương liệu để bôi thân, có loại xông ướp áo cho thơm. Nói cách khác, có thể hiểu Đồ Hương là các loại nước hoa và các chất deodorant sau này. Do đồ hương có tác dụng khử mùi hôi, khiến cho thân thể thơm tho, giống như trì giới khiến cho thân tâm thanh tịnh, thơm sạch, xông ướp thân tâm bằng hương đức hạnh. Vì thế, Đồ Hương biểu thị Trì Giới.

¹⁸ Đây là một tác phẩm ghi sự truyền thừa của Phật giáo vào Trung Hoa, không rõ viết vào thời nào và ai là tác giả. Theo đó, Phật giáo truyền vào Trung Hoa từ thời Hán Minh Đế trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-75) và đã liên tục bị Đạo giáo công kích. Nguyên bản hoàn chỉnh của tác phẩm này đã bị thất truyền, chỉ còn những phần trích dẫn trong các bộ sử liệu về sau như Tập Cổ Kim Phật Đạo Luận Hành, Quảng Hoàng Minh Tập, Pháp Uyển Châu Lâm v.v...

¹⁹ Tư Không là chức quan được thiết lập từ thời Tây Châu, được xếp vào hàng Tam Công, tương đương với Lục Khanh. Tư Không cùng với Tư Mã, Tư Khấu, Tư Sĩ, Tư Đồ được gọi là Ngũ Quan. Tư Không tương đương với Thượng Thư bộ Công về sau này, chương quản công tác thủy lợi, xây dựng cung thất, các công trình công cộng v.v...

²⁰ Cao Quý Hương Công là tước hiệu của Tào Mao (241-260), là cháu nội của Tào Phi (con trai trưởng của Tào Tháo). Năm 254, quyền thần Tư Mã Sư phế lập Tào Phương (Ngụy Thiệu Đế), đưa Tào Mao lên ngôi vua, làm con rỗi cho Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu thao túng. Khi vua trưởng thành, toan trừ khử bè lũ Tư Mã Sư, nhưng bất thành, bị giết, nên không có đế hiệu. Sử

chỉ gọi vua là Cao Quý Hương Công theo đất phong khi còn là công tử của Đông Hải Vương Tào Lâm.

²¹ Tăng Sâm (505-435 trước Công Nguyên), tự là Tử Dư, người xứ Nam Phú, nước Lỗ (nay là Bình Ấp, tỉnh Sơn Tây), là một trong những học trò lỗi lạc của Khổng Tử, có mỹ hiệu là Tông Thánh. Tăng Sâm, Khổng Cấp, Nhan Hôi và Mạnh Tử, được Nho gia xưng tụng mỹ hiệu Tứ Phối (tức bốn truyền nhân xuất sắc nhất của Khổng Tử). Tương truyền ông là người trước thuật các sách Đại Học, Hiếu Kinh. Sách chỉ nói ông là hậu duệ của vua Hạ Vũ, vốn có họ là Tụ, nhưng không giải thích vì sao đến đời cha ông lại có họ là Tăng. Khi Khổng Tử mất, ông là người kế thừa mối đạo, cháu nội của Khổng Tử là Khổng Cấp cũng theo học với ông. Ông nổi tiếng với câu nói: *“Mỗi ngày ta tự xét mình ba việc: Nhận lời làm giúp người ta việc gì có thật tình làm hay không? Cùng với bạn bè giao ước điều gì, có thất tín hay không? Thầy dạy ta những gì, ta có nghiên cứu học tập hay không?”* Điều này được Nho gia gọi là *“Tăng Tử tam tỉnh”* (ba điều phản tỉnh của Tăng Tử).

²² Nguyên văn là Đài Đao, chữ này vốn là chữ dùng để gọi chức quan Thị Ngự Sử đời Đường. Phàm những chuyện liên quan đến Ngự Sử Đài đều do quan Thị Ngự Sử lo liệu nên gọi là Đài Đao. Về sau, chữ Đài Đao được dùng như một từ ngữ tỏ lòng kính trọng hoặc gọi người khác một cách văn vẻ.

²³ Tạng Đầu Phật: Quả vị Phật trong Tạng Giáo. Viên Mãn Phật: Quả vị Phật trong Viên Giáo.

²⁴ Viên Mai (1716-1797), tự Tử Tài, hiệu Giản Trai, biệt hiệu Tỳ Viên Lão Nhân, là một thi nhân và văn sĩ đời Thanh, người xứ Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, từng làm tri huyện Giang Ninh, và là một trong tám đại gia về thể loại Biền Văn đời Thanh. Trước tác có Tiểu Thương Sơn Phòng Văn Tập, Tỳ Viên Thi Thoại, Tử Bất Ngữ, Thái Muội Văn. Viên Mai thích sưu tập những câu chuyện cũ, kỳ dị, viết thành bộ Tử Bất Ngữ, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vy Thảo Đường Bút Ký của Kỳ Hiểu Lam. Ông ta thích luận bàn về đạo Phật, nhưng không hiểu đến nơi đến chốn nên có những dị thuyết rất lạ lùng, chẳng hạn bảo Lăng Nghiêm do người đời Lục Triều bịa ra, nhưng chẳng nêu được một chứng cứ khả tín nào. Ông cũng rất thích ăn uống, nên đã sưu tập mọi

công thức chế biến món ngon vật lạ thời ấy, viết thành cuốn Tỳ Viên Thực Đơn. Cuốn Thực Đơn ấy cũng được dịch sang tiếng Nhật.²⁵ Lục Triều là sáu triều đại liên tiếp trong lịch sử Trung Hoa, có hai cách hiểu:

1. Đông Ngô (do Tôn Quyền sáng lập), Đông Tấn (hậu duệ của nhà Tây Tấn, được kể từ lúc Tư Mã Duệ làm vua), Tống (do Lưu Dụ sáng lập, khác với nhà Đại Tống hoặc Triệu Tống sau này của Triệu Khuông Dã), Tề (do Tiêu Đạo Thành sáng lập), Lương (do Tiêu Diễn sáng lập), Trần (do Trần Bá Tiên sáng lập). Sáu triều đại này lần lượt đóng đô tại Kiến Khang (Nam Kinh). Đây là cách hiểu của Hứa Tung trong bộ Kiến Khang Thực Lục.

2. Đông Ngụy (do Tào Phi sáng lập), Tấn (do Tư Mã Viêm sáng lập), Tống, Tề, Lương, Trần. Đây là cách hiểu của sách Tư Trị Thông Giám (do Tư Mã Quang soạn).

²⁶ Theo kinh Trường A Hàm, có lần một vị trưởng giả của thành Vương Xá đã đặt một cái bát bằng gỗ trầm trên sào rất cao, thách thức có vị thánh nhân nào có thể lấy xuống được, ngài Tân Đầu Lô dùng thân thông bay lên đoạt lấy bát trầm ấy, được quần chúng tán thưởng vang dội. Đức Phật quở trách Ngài đã lạm dụng thân thông để làm chuyện vô ích nên cấm Ngài không được nhập diệt mà phải trụ thế làm phước điền cho chúng sanh cho đến khi Di Lặc Phật ra đời.

²⁷ Si mị võng lượng là thành ngữ chỉ chung các loài yêu quái. Theo truyền thuyết, thời cổ loài quỷ quái trong núi sâu, rừng rậm thì gọi là Si và Mị, các loài tinh quái trong núi sông, cây cối thì gọi là Võng, các loài yêu tinh ẩn nấp trong chôn tẩm để trêu ghẹo hại người thì gọi là Lượng.

²⁸ Lữ Tư Miễn (1884-1957), tự Thành Chu, bút danh Nô Nguu, quê ở huyện Vũ Tấn, tỉnh Giang Tô, từng dạy đại học Quang Hoa tại Thượng Hải, chủ nhiệm bộ môn lịch sử. Thông Sử chính là bộ Lữ Trước Trung Quốc Thông Sử của ông Lữ.

²⁹ Nguyên Nhân Luận có tên gọi đầy đủ là Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận, một quyển, do ngài Tông Mật soạn vào đời Đường. Luận này dựa trên tông chỉ của kinh Hoa Nghiêm để luận định cội nguồn vũ trụ và con người, chủ yếu dùng luận thuyết Hoa Nghiêm để phá những kiến chấp “vạn vật do hư vô đại đạo sanh ra” hoặc do Thượng Đế sanh ra.

³⁰ Nguyên văn “*trương hiện nhi tiếu, mạc nghịch ư tâm, thứ kỷ cận chi*”. Câu này sử dụng hai thành ngữ “*trương thị nhi tiếu, mạc nghịch ư tâm*” (nhìn nhau cười, tâm đầu ý hợp). “*Mạc nghịch*” là đôi bên thuận thảo, hết sức hợp ý, hình dung bạn bè chơi với nhau thân thiết, chẳng hề có mâu thuẫn, kèn cựa nào. Thành ngữ này dựa theo một câu trong thiên Đại Tông Sư của Nam Hoa Kinh. “*Thứ kỷ*” là “gần như, dường như”. Từ ngữ này dựa theo câu nói trong sách Sử Ký, thiên Tần Thủy Hoàng Bản Kỷ: “*Quả nhân dĩ vi thiện, thứ kỷ tức binh cách*”, câu này được các nhà chú giải giảng là “qua nhân vì làm lành, gần như châm dứt chiến tranh”.

³¹ Bá Công là một danh xưng của thần Thổ Địa. Người Hoa gọi thần Thổ Địa bằng nhiều danh xưng như Bá Công, Đại Bá Công, Phước Đức Chánh Thần, Phước Đức Lão Gia, Thổ Địa Công Công, Phước Đức Công, Thổ Địa Công, Thổ Địa Gia, Địa Chủ Công, Thổ Công, Phước Đức, Thổ Địa, Thổ Bá, Thổ Chánh, Địa Chủ, Xã Thần, Xã Công, Xã Quan, Hậu Thổ v.v...

³² Cửu hữu, còn gọi là Cửu Cư, hàm nghĩa hữu tình chúng sanh trong tam giới có chín nơi cư trụ, gồm: 1) Nhân gian và sáu cõi trời trong Dục Giới. 2) Sơ Thiên Thiên. 3) Nhị Thiên Thiên 4) Tam Thiên Thiên 5) Vô Tướng Thiên 6) Không Xứ Thiên 7) Thức Xứ Thiên 8) Vô Sở Hữu Xứ Thiên 9) Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

³³ Hoàng đả (Jaundice, còn gọi là Icterus), còn gọi là Hoàng Bệnh, hay Hoàng Đản, là một chứng bệnh da vàng như sáp, tròng mắt cũng vàng do thặng dư chất bilirubin (đản hồng tố) trong máu. Khi lượng bilirubin trong máu cao hơn 1,8 mg/dL sẽ thấy triệu chứng hoàng đả. Chứng bệnh này thường là dấu hiệu gan bị tổn thương như trong các trường hợp viêm gan siêu vi (hepatitis) hay ung thư gan, ung thư lá lách, hoặc nhẹ hơn là ống mật bị nghẽn, tụy tạng có sạn v.v...

³⁴ Tam tịnh là Tam Tịnh Nhục tức là ba thứ thịt có thể ăn nếu không có gì khác để ăn hay vì lý do đặc biệt cần ăn như chữa bệnh chẳng hạn. Tam Tịnh Nhục là thịt của con vật nếu chính mình không thấy nó bị giết, hoặc chẳng hoài nghi do mình mà nó bị giết, hoặc chẳng do chính mình giết.

³⁵ Đĩnh Lan là một nhân vật sống vào đời Hán và được đưa vào danh sách hai mươi bốn người con có hiếu (Nhị Thập Tứ Hiếu). Cha mất sớm, ông được

mẹ nuôi dưỡng khôn lớn. Mỗi ngày Đinh Lan cày cấy, đến trưa mẹ mang cơm ra đồng cho ăn; nhưng Đinh Lan đôi xử với mẹ rất tệ hại, bất luận mẹ đưa cơm sớm hay trễ, ông ta đều chửi mắng. Về sau, Đinh Lan biết lỗi, toan tạ tội với mẹ. Khi mẹ đưa cơm đến, ông ta chấp tay, nhưng quên bỏ roi xuống, mẹ ngỡ Đinh Lan toan đánh bèn cầm đầu chạy, nào ngờ va phải một cái cây lê chết tươi. Đinh Lan chặt cây ấy, nhờ thợ tạc hình tượng mẹ để làm kỷ niệm. Mỗi ngày đều cung kính đôi trước tượng thưa hỏi, tạ tội. Khi Đinh Lan cưới vợ, bà vợ do đố kỵ, lấy kim đâm tượng, tượng gỗ tuôn máu đỏ tươi. Đinh Lan biết chuyện liền bỏ vợ. Do câu chuyện này, thời cổ, khi khắc bài vị thờ mẹ, người Hoa thường dùng gỗ cây lê.

³⁶ Chiêu Minh Thái Tử tên thật là Tiêu Thống (501-531), con trai trưởng của Lương Vũ Đế, tên tự là Đức Thí, là một văn gia nổi tiếng của Trung Quốc, được lập làm Thái Tử vào năm Thiên Giám nguyên niên. Tên thật khi mất là Chiêu Minh nên ông thường được gọi là Chiêu Minh Thái Tử. Tuy mất sớm (chưa đầy ba mươi một tuổi), ông đã góp phần biên soạn bộ tổng tập thi văn Trung Quốc từ thời cổ cho đến khi ấy, đặt tên là Văn Tuyển (thường được gọi là Chiêu Minh Văn Tuyển). Đối với kinh điển Phật giáo, ông cũng nghiên cứu sâu xa. Do có công hiến lớn, ông cùng cha (Lương Vũ Đế) được một số chùa Thiên Tông ở Hoa Nam thờ như thần hộ pháp.

³⁷ Đây là khẩu hiệu của các nhà tân học quá khích như Hồ Thích, Trương Độc Tú trong phong trào Ngũ Tứ chủ trương xóa bỏ cái học cũ, phế bỏ Khổng Mạnh. “Đả đảo Khổng gia điểm” là “đả đảo tiệm buôn của nhà họ Khổng”.

³⁸ Nguyên văn là tự phái, tức là mỗi pháp phái truyền thừa có một bài kệ quy định cách đặt pháp danh. Chẳng hạn, tông Lâm Tế theo pháp phái của ngài Vạn Phong Thời Ủy sẽ vâng theo bài kệ: “*Tổ đạo giới định tông, phương quảng chứng viên thông, hạnh siêu minh thật tế, liễu đạt ngộ chân không, như nhật quang thường chiếu, phổ châu lợi ích đồng, tín hương sanh phước huệ, tương kế chấn từ phong*”. Theo đó, chẳng hạn thầy chữ Siêu thì trò sẽ có pháp danh là chữ Minh. Từ đời chữ Minh, tại Việt Nam, đã biệt xuất ít nhất ba thiền phái là Lâm Tế Chúc Thánh (Minh thật pháp toàn chương...), Lâm Tế Liễu Quán (Thật Tế đại đạo, tánh hải thanh trừng...) và Minh Hành Tại Toại (Minh chân như bảo hải, kim tường phổ chiếu thông...)

³⁹ Nguyên văn “*tự nhân Mạnh Tử, Ngô Mạnh Tử, Trâu nhân Mạnh Tử*” : Đây là ba nhân vật có cùng chữ Mạnh trong tên họ: Tự nhân Mạnh Tử được nhắc tới trong bài Cảng Bá của thiên Nhĩ Nhã kinh Thi: “*Tự nhân Mạnh Tử, vi tác thữ thi, phàm bách quân tử, kính nhi thính chi*” (hoạn quan Mạnh Tử, làm bài thơ này, quân tử đi qua, kính xin nghe lấy). Theo lệ cổ, người cùng họ không thể lấy nhau, Lỗ Chiêu Công muốn lấy người con gái xứ Ngô làm vợ, nhưng cô ta cùng họ Cơ giống như nhà vua, vua bèn đổi họ cô ta thành

Ngô, vì cô là con đầu lòng trong nhà nên vua đặt tên cho cô ta là Ngô Mạnh Tử. Khổng Tử phê phán: “*Quân tử u Ngô, vị đồng tánh, vị chi Ngô Mạnh Tử, quân nhi tri lễ, thực bất tri lễ*” (Vua lấy con gái đất Ngô, vì cô ta cùng họ, bèn gọi cô ta là Ngô Mạnh Tử, vua mà biết lễ thì còn ai mà chẳng biết lễ nữa). Mạnh Tử đất Trâu chính là Mạnh Kha, tự Tử Du, quê ở Trâu Thành, tỉnh Sơn Đông, là người kế nghiệp Khổng Tử.

⁴⁰ Đây là tên ba nhân vật do Trang Tử đặt ra trong thiên Đại Tông Sư sách Nam Hoa Kinh. Trang Tử viết: “*Tử Tang Hộ, Mạnh Tử Phán, Tử Cầm Truong ba người trò chuyện, bảo: ‘Ai có thể lấy vô tâm để kết giao với nhau, giúp nhau mà chẳng lộ dấu vết? Ai có thể vượt khỏi ngoại vật, nhảy vào chỗ vô cùng, quên hết sanh mạng, không biết nơi đâu là cùng tận?’ Ba người nhìn nhau cười, trong bụng cảm thấy rất hợp nhau, bèn kết làm bạn*”.

⁴¹ Thiện đường: Các miếu thờ hay điện thờ của dân gian, hay Đạo giáo, chủ yếu là thờ cúng tạp nham thần thánh dân gian, thờ kèm thêm Phật, Bồ Tát, thường làm chuyện phước thiện như chữa bệnh, phát thuốc miễn phí. Nhiều khi mang tiếng là “thiện đường” nhưng chỉ giới hạn phát chẩn mỗi năm vài lần, chủ yếu lên đồng, cầu cơ, chữa bệnh bằng bùa chú, tiến hành các lễ cầu an, siêu độ, trấn yểm, rước xách, cúng tế của Đạo giáo, hoặc do những kẻ hiểu sự bày đặt ra các nghi thức phỏng theo Phật giáo như trai đàn chẩn tế, thí thực v.v...

Bảo quyền: Các bản “kinh” được tin là do Phật, Bồ Tát, tiên, thánh trao truyền trong các đàn cầu cơ. Theo tổ Ấn Quang, trong nhà Phật, không hề có kinh điển nào gọi là “bảo quyền” và các vị “Phật, Bồ Tát” trong đàn cơ đều là linh quý mạo danh. Loạn thi là các bài thơ do “thần tiên” giáng bút trong các đàn cầu cơ vì cơ bút có hình chim loan, nên còn gọi là loạn bút. Người nâng cơ bút cho viết thành chữ trên mâm cát sẽ gọi là Thanh Đồng, Loan Sanh, hoặc Đồng Tử.

⁴² Đây là một câu trong sách Châu Dịch: “*Tinh khí vi vật, du hồn vi biến, thị cố tri hồn thần chi tình trạng*”. Theo giáo sư Từ Tinh Dân trong Độc Dịch Gián Thuyết, câu này phải hiểu như thế này: Sanh mạng của chúng ta được bắt đầu từ âm dương giao hội của cha mẹ, thần thức bèn nhập vào thai, nhờ vào tinh khí của cha mẹ mà thành thân hình. Đó

là “*trinh khí vi vật*”. Khi thân thể già suy, chết đi, thần hồn mất nơi nương náu, phải bồng bồng nên gọi là “*du hồn*”. Đến khi gặp âm dương giao hội, cảm khí phận tương ứng bèn nương gá vào thai, lại bắt đầu một cuộc sống mới, nên gọi là “*du hồn vi biến*”.

43 Á nhiệt đới (subtropical): Á nhiệt đới là vùng khí hậu chuyển tiếp giữa nhiệt đới và ôn đới, thường nằm giữa vĩ độ 23,5 và 40, thuộc Bắc Bán Cầu lẫn Nam Bán Cầu.

44 Ba mươi sáu môn bất tịnh: Theo Tam Tạng Pháp Số, quyển bốn mươi tám, ba mươi sáu môn bất tịnh được chia thành ba loại: Ngoại tướng, thân khí và nội hàm. Mỗi loại gồm mười hai môn. Ngoại tướng gồm là tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước miếng, đờm nhớt, phân, nước tiểu, ghét (hòm), mồ hôi. Thân khí gồm da, da non, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ chài, mỡ sa, óc, màng bọc nội tạng. Nội hàm gồm gan, mật ruột, bao tử, lá lách, thận, tim, phổi, sanh tạng, thực tạng, đờm đỏ, đờm trắng. Sanh tạng chính là phần phía trên của bộ máy tiêu hóa, thực tạng là phần phía dưới hệ thống tiêu hóa.

45 Đây chính là tác phẩm Phật Thuyết Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Tướng Kinh Tiên Yếu, tức là tác phẩm chú giải kinh Phật Thuyết Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Tướng Kinh của tổ Ngẫu Ích.

46 Đa tài quý: Quý có phước báo, được nhiều người cúng bái như vua Diêm La, Thành Hoàng, Thổ Địa, Ma Tổ, quý vương v.v... Nói chi tiết thì Đa Tài Quý tuy thuộc quý đạo, nhưng được ăn uống no đủ, có thể lực, thần thông, chia thành ba loại như sau:

1. Khí giả: chuyên ăn những thứ vật cúng tế đã bỏ đi (như các đồ cúng của người đời, giấy tiền vàng bạc v.v...)
2. Thát giả: Ăn những vật con người bỏ quên, để thát lạc.
3. Đại Thế: Có thể lực lớn, có phước báo, được người đời thờ phụng (như quý vương, Diêm La, Thành Hoàng, các vị thần kỳ), hay có oai thế có thể đoạt lấy vật thực mình mong muốn như các loài Dạ Xoa, La Sát v.v...

47 Bạch Hổ chính là phương Tây, tượng trưng cho mùa Xuân. Thuật Phong Thủy gọi tên bốn phương theo bốn con vật linh, tức Thanh Long (phương Đông), Huyền Vũ (phương Bắc), Bạch Hổ (phương Tây) và Châu Tước (phương Nam). Thậm chí Nhị Thập Bát Tú cũng được chia theo bốn phương vị này, chẳng hạn bảy ngôi sao Khuê, Lâu, Vị, Ngang, Tắt, Chùy, Sâm thuộc về Bạch Hổ. Ở đây, gã thầy bói nói Bạch Hổ chủ phá tài là do đã dựa trên bốn mạng của gia chủ bị tương khắc với hành của phương vị Bạch Hổ.

48 Tức là bài “*nguyên dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ...*” thường dùng trong Tịnh Tông.

49 Đây là thành ngữ “*vị uyên khu ngư, vị tùng khu tước*” (xua cá xuống vực sâu, xua chim sẻ vào rừng rậm), có nghĩa là do hành động bất cẩn đến nỗi tạo thành tình cảnh khó khăn, lằm kè đối địch.

50 Nguyên văn “*dur su*” tức là gọi tắt của Kham Dur su (堪輿師). Kham có nghĩa là cuộc đất nhô cao lên, ngụ ý hình thế của đất, Dur xuất phát từ chữ Thừa Dur có nghĩa xem xét hình thế cuộc đất. Kham Dur chính là tên gọi khác của Phong Thủy, Địa Lý, Địa Mạch, hay Trạch Địa (chọn đất).

-
- 51 Tương hình, tương khắc còn gọi là “tương sanh, tương khắc”, tức là luận định về sự xung khắc hay phù hợp theo quan điểm Ngũ Hành, chẳng hạn Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ... nhưng Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ v.v... Hoặc Dần, Thân, Tỵ, Hợi là tứ hành xung do hành của các tuội này khác nhau.
- 52 Lục Nghệ là sáu tài năng bắt buộc Nho sĩ phải thông thạo theo lệ cổ, tức là Lễ, Nhạc, Xạ (bắn cung), Ngự (cỡi ngựa, điều khiển xe ngựa, chiến xa), Thư (thư pháp, hành văn, viết lách) và Số (tính toán, toán học).
- 53 Ông Trác Chung Chấn coi mình thuộc vai sự đệ của cụ Lý, nên xưng là Đệ.
- 54 Ngũ gia thất tông: Còn gọi là “*ngũ phái thất lưu*”. Ngũ phái là năm phái chính của Thiền Tông gồm Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn và Pháp Nhãn. Từ tông Lâm Tế, lại tách ra thành hai biệt tông là Dương Kỳ và Hoàng Long, nên trở thành bảy tông tất cả.
- 55 Ngũ Đẳng Hội Nguyên là bộ sử về Thiền Tông, gồm 20 quyển, do ngài Phổ Tế chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu biên tập trong niên hiệu Thuần Hựu 12 (1252) đời Tống. Gọi là Ngũ Đẳng vì sách lấy tài liệu từ năm bộ truyền đăng lục trước đó là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục (do Đạo Nguyên soạn), Thiên Thánh Quang Đăng Lục (do Lý Tuân Úc soạn), Kiến Trung Tĩnh Quốc Tục Đăng Lục (do Duy Bạch soạn), Liên Đẳng Hội Yếu (do Ngô Minh soạn), và Gia Thái Phổ Đăng Lục (do Chánh Thọ soạn).
- 56 Đây là quan điểm về chư tổ truyền thừa trong Chân Ngôn Tông (Cao Dã Sơn Đông Mật) Nhật Bản. Tám vị tổ là Đại Nhật Như Lai (Tỳ Lô Giá Na Phật), Kim Cang Tát Đóa, Long Mãn, Long Trí, Kim Cang Trí, Bất Không, Huệ Quả, và Không Hải (Hoằng Pháp thượng sư). Như vậy theo quan điểm này, chỉ có một vị tổ Trung Hoa là Huệ Quả.
- 57 Hiếp sĩ: Tiếng để gọi vị trợ thủ thân thiết của Phật, thường ở sát bên Phật. “Hiếp” (脅) là cái hông. Hiếp Sĩ là người ở sát bên mình, người theo ‘sát sườn’.
- 58 Trạng Sơn Văn Sao là cuốn sách nhỏ tập hợp hai mươi mốt bài viết của pháp sư Đàm Hư giảng giải về các đề tài thông thường như phá trừ mê tín, căn nguyên của lục đạo luân hồi v.v...
- 59 Tam hồn thất phách (có khi nói là “tam hồn lục phách”) là một thuyết của Đạo giáo. Theo đó, linh hồn của con người chia thành tam hồn (thiên hồn, địa hồn, và nhân hồn; có thuyết nói là thai quang, sáng linh và u tình. Có phái Đạo giáo lại chủ trương tam hồn là chủ hồn, giác hồn, sinh hồn). Đạo giáo chủ trương, khi con người chết đi, thiên hồn trở về cõi trời, thuộc về Vô Cực bất sanh bất diệt. Nếu chưa tu đạo, Thiên Hồn chẳng thể quy nguyên về Vô Cực, chỉ tạm gởi ở cõi trời để đầu thai tiếp. Địa hồn sẽ đọa địa ngục, hứng chịu nhân quả báo ứng. Nhân hồn sau khi chết sẽ quần quanh trong nhân gian (nên mới có chuyện u hồn báo mộng, tác quái). Khi nào con người đi đầu thai, tam hồn sẽ hội tụ trở lại trong xác thân mới. Thất Phách chính là những cái phụ thuộc vào hồn nhằm chủ trì thất tình (mừng, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham muốn) của con người. Đạo giáo nói Thất Phách có tên là Thi Cầu, Phục Thi, Tước Ân, Thôn Tặc, Phi Độc, Trừ Uế và Xú Phế.
- 60 Nguyên văn “*đại bạch ngưu xa*” (thường bị hiểu lầm là “xe trâu trắng”). Theo chú giải của cô đức, nhất là như Ngẫu Ích đại sư trong Pháp Hoa Kinh Luân Quán Hội Nghĩa đã nhấn mạnh, người Ấn Độ gọi “ngựa” là bạch ngưu.

61 Đây chính là tên gọi khác của Nhất Quán Đạo. Do tà phái này thờ Vô Cực Lão Mẫu nên gọi là Lão Mẫu Giáo. Vô Cực Lão Mẫu (hay còn gọi là Vô Cực Thiên Mẫu, Vô Cực Thánh Tổ, Minh Minh Thượng Đế) do La Mộng Hồng (sáng tổ La Giáo) bịa ra trong các bộ kinh do hắn tự tạo (gọi chung là Ngũ Bộ Lục Sách) dựa theo quan niệm dân gian lâu đời về một đấng thượng đế sanh ra muôn loài thụ vũ trụ còn hỗn độn, do sanh ra muôn loài nên được nữ hóa thành Lão Mẫu. Theo họ La, do vị này có trước khi có sự phân cách trời đất, vũ trụ nên gọi là Vô Cực. Do họ La ăn trộm giáo nghĩa nhà Phật, nhất là giáo nghĩa Long Hoa Tam Hội, nên Nhất Quán Đạo đặc biệt sùng bái Di Lặc Phật, bịa ra thế giới có ba thời kỳ, nay đang bước vào thời kỳ Bạch Dương, Long Hoa chuyển thế, Di Lặc Phật chứng quân thiên bàn, Thích Ca Phật đã thoái vị v.v... nên đạo của họ còn tự gọi đạo của mình là Di Lặc Phật Giáo.

62 Chữ “*linh tiên*” thường chỉ bàn thờ người đã khuất nói chung, hay bài vị, di ảnh v.v... nói riêng.

63 Tam Pháp Án là các hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết Bàn tịch tĩnh.

64 Bản này được gọi là Tân Già Tinh Xá Hiệu Xan Đại Tạng Kinh, được in từ năm 1909 đến năm 1903 do sư Tông Ngưỡng (chùa Kim Sơn, Trấn Giang) chủ trì với sự giúp sức của cụ Chương Thái Viêm, gồm 8.416 quyển, chia thành 414 tập, gồm 1.916 bản kinh, và đây là bộ kinh đầu tiên được in bằng phương pháp in hiện đại nhất thời ấy, tức là in theo lối sắp khuôn in bằng chữ chì. Bản này dựa trên Súc Loát Tạng của Nhật Bản, Gia Hưng Tạng và Càn Long Đại Tạng. Tân Già Tinh Xá ở Thượng Hải. Chi phí ấn hành do bà Liza Roos (vợ ông Silas Haroon) hiến cúng.

65 Ngự Lược là một bộ sử về nước Ngụy thời Tam Quốc do quan Lang Trung Ngự Hoạn soạn, gồm năm mươi quyển. Sách này hiện thời đã thất truyền, chỉ còn sót lại vài bài được trích dẫn trong các bộ Hậu Hán Thư, Bắc Hộ Lục, Tam Quốc Chí, Pháp Uyển Châu Lâm, và Thái Bình Ngự Lãm. Tây Nhung là tự ngữ phiên âm các quốc gia hoặc bộ lạc sống ở phía Tây Trung Nguyên trong thời Xuân Thu. Người Trung Hoa xưa tự phụ dân tộc mình là văn minh nhất nên xưng là Hoa Hạ, ngụ ý những gì tốt đẹp nhất đều thuộc về họ, gọi các dân tộc chung quanh là Tứ Di, và chia ra cách gọi như sau: “Rợ” ở phương Bắc gọi là Địch, phía Tây gọi là Nhung, phía Nam gọi là Man, phía Đông gọi là Di. 66 Liệt Tiên Truyện là sách tổng hợp những câu chuyện về bảy mươi vị thần tiên đã được lưu hành trong dân gian từ thời Tiên Tần, mở đầu bằng nhân vật Xích Tùng Tử và kết thúc bằng Huyền Tục (sống vào thời Hán Thành Đế). Lưu Hượng (77-6 trước Công Nguyên) thuộc hoàng tộc nhà Hán, quê ở đất Bái. Ông ta vốn có tên là Lưu Cảnh Sanh, cháu bốn đời của Lưu Giao (em trai Hán Cao Tổ Lưu Bang), làm quan tới chức Tấn Kỵ Giám Đại Phu, Cấp Sự Trung. Về sau, do bị các hoạn quan như Hoảng Cung, Thạch Hiến cấu kết sàm tấu, ông bị Hán Nguyên Đế hạ ngục, chờ xử tử hình. Sau đấy, được miễn tội chết, đuoải về làm dân thường. Những trước tác nổi tiếng của ông là Biệt Lục, Tân Tự, Thuyết Uyển, Liệt Nữ Truyện, Hồng Phạm Ngũ Hành v.v... Lưu Hượng cũng tham gia biên tập, giáo chính Chiến Quốc Sách, Sở Từ v.v...

67 Do tượng Phật thường được thếp vàng nên người Hán gọi Phật là “*kim thân thân*” (vị thần mình vàng). Trong Ngụy Thư, phần Thích Khảo Chí đã chép như sau: “*Trong niên hiệu Nguyên Thú đời Hán Vũ Đế, Hoắc Khứ Bệnh đánh thắng Tỳ Tà Vương, thu được người vàng, cao hơn cả trượng. Vua gọi là Đại Thần, đặt ở cung Cam Tuyền, đốt hương, lễ bái*”.

68 Thập Di Ký do Vương Gia (quê ở An Dương, Lũng Tây) đời Tấn biên soạn, gồm mười quyển, 220 thiên. Đúng như tên gọi, các chương trong sách này đều không hoàn chỉnh. Tương truyền khi Tấn Thủy Hoàng diệt sáu nước, các thư

tịch, văn từ của hoàng tộc sáu nước đã bị vứt bỏ vung vãi, Vương Gia đã đổ công sưu tập những bài văn còn sót lại do dân gian lưu giữ, biên soạn thành tập sách này, chủ yếu là những chuyện kỳ lạ từ thời Bào Hy (Phục Hy), Thần Nông cho đến đời Đông Tấn.

69 Thân Độc còn viết là Thiên Đốc, Hiền Đâu, Thiên Trúc, Tân Độ, Tín Độ đều là cách phiên âm khác nhau của chữ Sindhu (tức sông Indus hiện thời). Theo các nhà khảo cứu, do người Ba Tư đọc trại chữ Sindhu thành Hindu và người Hy Lạp đã đọc trại Hindu lần nữa thành Indus. Theo Huyền Ứng Âm Nghĩa, Sindhu có nghĩa là mặt trăng. Yên Chiêu Vương làm vua nước Yên từ năm 335 đến năm 279 trước Công Nguyên trong thời Chiến Quốc, tức cách thời Hán Minh Đế hơn ba trăm năm.